Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập gần 400 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hay trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi hai tuần theo thứ tự họ và mẫu tự *A, B, C*… Xin thành thực cám ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngộ Không Phí Ngọc Hùng.

***

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Văn Thủy (I)

Tiểu sử
(xem *Vài hàng về tác giả*)

Tác phẩm
Nếu đi hết biển (phỏng vấn)
Phản bội về chiến tranh biên giới Việt-Trung (1979)
Chuyện từ một góc phố (2003)

Mục Lục

Mấy lời rào đón và Mục lục – 2
Phỏng vấn Nguyễn Thị Hoàng Bắc – 2
Tản mạn với Cao Xuân Huy – 12
Đọc…Nếu đi hết biển…chuyện đi, về - Đinh Từ Thức – 18
Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác - 28
Phỏng vấn Hoàng Khởi Phong – 35
Ngôi trường cũ Hoàng Khởi Phong – 37
Truyện trò cùng Trương Vũ – 44
Trò chuyện với Nhật Tiến – 50

Phụ đính

Sau khi đi hết biển – Trần Gia Phụng – 61
Thư của Trần Văn Thủy – 66
Trong đống tro tàn – Phạm Phú Minh – 71

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Mấy lời rào đón

Từ đầu năm 2001 một số nhà nghiên cứu người Việt, người Mỹ đã động viên tôi và viết thư giới thiệu tôi với Trung Tâm William Joiner để tôi có thể tham gia viết một cái gì đó. Quả thực là bởi nhiều lẽ, tôi rất ngần ngại. Sau rồi, nghĩ lại, không đi thì tiếc, cuối cùng tôi cũng đã có mặt trên đất Mỹ dài dài. Tôi đã đi nhiều nơi, gặp nhiều người, tới trên hai chục trường đại học và thành phố thuyết trình, hội thảo và chiếu mấy bộ phim tài liệu của chúng tôi đã làm. Rồi công việc đưa đẩy, tôi lui tới nước Mỹ nhiều lần, bay trên ba chục chuyến bay trong nội địa nước Mỹ. Tôi thấy được nhiều điều và cũng vỡ ra được nhiều điều. Nếu bén gót được đệ tử, cháu chắt cụ Nguyễn Tuân thì tôi có thể dám viết một cuốn sách với tựa đề "Nước Mỹ rong chơi". Viết được thế mới sướng. Nhưng tôi đã lỡ theo cái nghiệp, cái cách làm phim tài liệu và chỉ có cái nhìn rất hạn hẹp, rất mộc mạc của người làm phim tài liệu.
Bởi vậy, đây thuần túy chỉ là những ghi chép thô sơ từ cuộc sống, từ công việc của tôi cùng với những ý kiến đóng góp, trao đổi trong tình thân của một số quí vị mà tôi được coi là bạn.

Vậy, nếu ai muốn tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương hoặc soi mói những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm xin hãy bỏ qua, đừng đọc tiếp.

Trần Văn Thủy

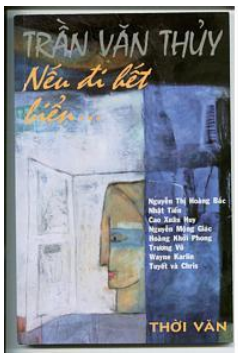

Mục lục

Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Nhật Tiến
Cao Xuân Huy
Nguyễn Mộng Giác
Hoàng Khởi Phong
Trương Vũ
Wayne Karline
Tuyết và Chris

***

Phỏng vấn Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Gần 30 năm sau cuộc chiến, một trong những di sản lớn nhất của nó: sự ngăn cách giữa người Việt trong nước với cộng đồng người Việt hải ngoại hình thành từ gần 1 triệu người Việt rời bỏ đất nước sau năm 1975, đến tị nạn tại các nước phương Tây mà tập trung nhất là ở Mĩ, vẫn là một di sản không dễ tiếp cận cho cả hai phía. Những giao lưu, hoà nhập, cộng tác và đối thoại giữa Việt Nam và thế giới ngày càng và sẽ không ngừng phát triển. Những sum họp và hoà giải trong các gia đình và giữa những cá nhân người Việt trong và ngoài nước ngày càng và sẽ không ngừng diễn ra mạnh mẽ. Nhưng tiến trình tự nhiên ấy vẫn không ngừng vấp phải những cản trở lớn của di sản lịch sử. Không hiếm khi, khả năng đối thoại dường như đã bị triệt tiêu ngay từ đầu bởi bức tường kiên cố của thành kiến, sức ỳ, tham vọng và thái độ thù địch từ cả hai phía. Và cũng không hiếm khi, những cố gắng đối thoại bước đầu cũng trở thành vô vọng bởi sự nửa vời và tránh né trước những cấm kị quá giới hạn chịu đựng, bởi ảo tưởng về sự đã lành của những vết thương vẫn còn đau nhức, hay đơn giản bởi sự bất lực trước một hiện thực với quá nhiều chiều cạm bẫy.

Gần đây, tác phẩm *Nếu đi hết biển* của Trần Văn Thủy trở thành một trường hợp tiêu biểu cho những khó khăn của việc tiếp cận với di sản nói trên. Là kết quả nghiên cứu của một trí thức, nghệ sĩ trong nước, thuộc chương trình Rockefeller Nghiên Cứu Về Tiến Trình "(Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương Của Người Việt Ở Nước Ngoài" 2000-2003 do Trung tâm William Joiner Nghiên Cứu Về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh, Đại Học Massachusetts Boston tổ chức và tài trợ, tác phẩm này một mặt không hề được công luận chính thức tại Việt Nam ghi nhận, mặt khác nó gây xung đột trong dư luận tại hải ngoại. Nhiều tháng qua, những tác giả như Phan Nhật Nam, Hoàng Hải Thủy, Irina Zisman, Trần Nghi Hoàng... đã phê phán dữ dội công trình này cũng như những người tham gia và tổ chức nó.

Chiến tranh nhìn từ nhiều phía, song các góc nhìn ấy sẽ có ích gì với người Việt, "những người còn tồn tại sau một loạt những cuộc chiến tranh do ngoại bang áp đặt đã chia cắt đất nước họ thành ba, thành hai trong gần một thế kỉ, và để lại cho họ một dân tộc cuốn lốc trong những bong bóng của chân lí và những điều giả dối", như lời của Kewin Bowen, Giám đốc Trung tâm William Joiner, trong phần giới thiệu tác phẩm *Nếu đi hết biển*?

Talawas

***

Trần Văn Thủy (TVT): *Xin chị nói cho đôi điều về tiểu sử của chị?*

Hoàng Bắc (HB): Anh cần "lý lịch" hay là "trích ngang"?

TVT: *Chị vui tính thật, nhưng đừng gây sự với tôi. Độc giả muốn biết về chị, đôi chút cũng được.*

HB: Theo anh, tôi nên bắt đầu từ lúc nào đây? Bắt đầu từ cái mốc năm 75 nhé, vì trước đó hơn ba mươi năm, cuộc đời tôi cũng na ná như tất cả mọi người khác: sinh ra, lớn lên, học hành, làm việc, lập gia đình, sinh con đẻ cái v.v..., có lẽ... cái cuộc đời nhàm chán! Tháng 3 năm 75 tôi đang dạy học ở Nha Trang thì xảy ra cái goiï là *biến cố năm 75.* Sau đó, người miền Nam đặt tên là "Quốc Hận", miền Bắc gọi là "Giải Phóng."

TVT: *Tôi nghĩ có lẽ cũng không hẳn là như thế. Tôi thấy có nhiều người gốc miền Bắc gọi là ngày "Quốc Hận". Thí dụ, những người nổi tiếng như ông Nguyễn Cao Kỳ, Trần Kim Tuyến, Cao Văn Viên, Vũ Văn Mẫu, Phan Huy Quát, Lê Nguyên Khang, Trần Văn Tuyên... Ngược lại, có nhiều người gốc miền Nam gọi là ngày "Giải Phóng". Thí dụ, ông Lê Duẩn, ông Tôn Đức Thắng, ông Phạm Văn Đồng, ông Phạm Hùng, ông Huỳnh Tấn Phát, ông Nguyễn Hữu Thọ, ông Võ Văn Kiệt, ông Phan Văn Khải, ông Trần Văn Giàu, ông Trần Bạch Đằng... Đó là những "anh Hai" thứ thiệt.*

HB: Anh chỉ định "sửa sai" tôi thôi. Nhưng anh hiểu tôi muốn nói gì mà! Nghĩa là, tuy *cả nước đã về một mối* (thơ Nguyễn Chí Thiện đấy!) nhưng cũng từ đó, ý thức chính trị đã chia rẽ sâu sắc người Nam và người Bắc từ trong nước cho đến ngoài nước, và cũng từ đó sản sinh ra một cộng đồng mới: người Việt di tản hay Việt kiều. Không có nghĩa là trước đó người Việt ta không có mặt ở các nước trên thế giới. Pháp, Nga, Mỹ, Úc. Tàu...đâu đâu cũng có một số sinh viên, người giàu có, người có quốc tịch nước ngoài sinh sống tại các nước này. Nhưng phải đợi đến sau 1975, lực lượng người di tản từ miền Nam, sau đó là những đợt *vượt biên, vượt biển, ô đi bộ, ô đi ghe, hát ô*, đa số là người Việt từ miền Nam, đến định cư tại các nước trên thế giới thì lực lượng Việt kiều này mới thực sự thành hình, với hơn một triệu người, và đông đảo nhất là ở châu Bắc Mỹ.

TVT: *Thế chị qua đây bằng đường nào?*

HB: Tôi thuộc diện *vượt biển.* Sau 1975, tôi được giữ lại dạy ở trường gọi là giáo viên *lưu dung,* và vẫn luôn luôn được nhắc nhở rằng, khi Hitler lên cầm quyền ở Đức đã ra lệnh sa thải và cầm tù hoặc giết tất cả các giáo viên chế độ cũ, tôi đã được nhà nước *lưu dung* (nghĩa là không đuổi dạy, tha không bỏ tù, không giết!). Xuyên qua các tổ trưởng, tổ dân phố, phường trưởng, khóm trưởng vốn là các bác lái xe lam, xe thồ trước kia trong xóm, và nhất là các công an khu vực, chưa bao giờ tôi có ý niệm mạnh mẽ về quyền lực lớn như Trời lúc ấy: *trời kêu ai nấy dạ, gẫm hay muôn sự tại trời, thuở trời đất nổi cơn gió bụi, trời hành, trời ơi...*Công an lúc ấy là Trời, Trời là Công an.

TVT: *Gia đình của chị có dính líu gì tới chính trị không mà ấn tượng mạnh với công an thế?*

HB: Không cần dính líu đến chính trị mới có ấn tượng mạnh với công an. Anh có thể kiểm chứng với bất cứ gia đình nào vốn là người sống ở miền Nam và ở lại miền Nam sau "Ngày Giải Phóng". Anh đừng bắt bẻ và nêu tên mấy ông miền Nam tập kết đấy nhé, vì hiển nhiên họ thuộc diện "công thần" hoặc "gia đình cách mạng". Ý tôi muốn nói đại đa số nhân dân Việt gốc Bắc, gốc Trung, gốc Nam làm ăn và sinh sống ở miền Nam từ những năm trước 1975. Chẳng hạn gia đình cha mẹ tôi trước cũng tham gia kháng chiến chống Pháp, ba tôi tham gia từ những ngày còn đi học, khi đi làm Sở Hỏa xa của Pháp, Chemins des Fères, đã xuôi Bắc vào Nam chuyển tải người, tài liệu, đưa dắt đường cho các đồng chí hoạt động bí mật thời kỳ Việt Minh. Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, ở Thủ Đức, ba tôi ở trong lực lượng nổi dậy và từng giữ chức Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân quận Thủ Đức. Các cậu tôi, người kháng chiến ở Quảng Ngãi, người bị Pháp bắt giam và chết ở Côn Đảo... Lúc nhỏ, tôi là con mồ côi, vì ba tôi bị Pháp bắt tra tấn, cầm tù và vì không đủ chứng cớ để cầm tù ba tôi lâu hơn, sau thời gian suốt 2, 3 năm chuyển ba tôi từ các nhà tù Đà Lạt, Djiring, Nha Trang, Pháp chở một nhóm tù Việt Minh ra sông Trà Khúc (?) bắn rát trên đầu và đuổi họ tự bơi qua sông đến vùng kháng chiến, lúc đó là Liên khu Năm. Phải khai gian lý lịch là *cha chết* để được đi học. Nhưng dĩ nhiên gia đình ba mẹ tôi sau 1975 không thuộc diện gia đình cách mạng. Ba tôi từ hậu phương trở về sau hiệp định Genève, là viên chức của Sở Hỏa xa, bọn chúng tôi lớn lên đi học, đi làm việc ở miền Nam... Nếu cần nói rõ thêm, năm 1980, sau một tai nạn giao thông, ba tôi bị lãng trí, đã bị công an bắt nhốt vì bị kết tội đã nói lời xúc phạm đến lãnh tụ. Lãnh ba tôi ra khỏi nhà giam thì ba tôi đã hoàn toàn mất trí và qua đời ngay sau đó. Đó là một vết thương khó phai của gia đình tôi. Kể lể dài dòng để anh thấy lý lịch khá phức tạp của mỗi gia đình miền Nam, không dễ dàng và đơn giản qui kết một chữ gọn lỏn: *bọn ngụy.*

TVT: *Thế theo chị thế nào là "ngụy"?*

HB: Theo từ điển Hán Việt nghĩa là dối trá, nghĩa là giả, nghĩa là nói một đằng làm một nẻo. Theo phong kiến Minh Mạng thì *ngụy* là bọn làm phản, làm loạn, chẳng hạn *Mả Ngụy*, ở đó chôn bọn làm phản Lê Văn Khôi chống lại chính quyền phong kiến Nguyễn. Theo tự điển nhà nước XHCN Việt nam thì *ngụy quyền* là *chính quyền lập ra để chống lại chính quyền hợp pháp của nhân dân* (Từ Điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, 1996).

TVT: *15 năm qua rồi, chị thấy có gì đổi thay ở Việt Nam?*

HB: Tôi chưa có dịp trở về nước nhưng qua phim ảnh, báo chí, internet, thư từ và điện thoại trao đổi với bạn bè cũ, mới trong nước và ngoài nước, tôi thấy một "Việt Nam mới" rất khác, so với Việt nam cơ cực và kìm hãm những năm 75- 85, thời tôi còn ở nhà. Đó là chuyện rất đáng mừng. Cởi mở, tự do, sung túc, hiện đại hơn, và bắt đầu có mặt vào các sinh hoạt thế giới... Cả

chuyện Việt kiều vượt biên *bất hợp pháp* cũng được tự do về thăm nhà, thăm nước phải kể là một trong những điều vui vẻ... (Nhưng có người nêu thắc mắc: nếu hằng năm người Việt nước ngoài không gửi về nước trên dưới 2 tỉ USD, năm 2002 thì con số tổng kết là 2,4 tỉ, thì chính sách của nhà nước ta sẽ ra sao?!)

TVT: *Tôi nghĩ chúng ta không nên xen chuyện tiền bạc, trần tục vào câu chuyện nghiêm chỉnh như thế này. Chị là nhà văn. Chị đánh giá như thế nào về sự giao lưu văn học trong và ngoài nước?*

HB: Tôi sinh hoạt trong giới những người làm văn nghệ ở hải ngoại nên thường theo dõi ở lãnh vực này, việc giao lưu sách vở báo chí trong và ngoài nước chưa hoàn toàn tự do thoải mái, nhưng trong những năm gần đây, một vài tác phẩm có giá trị ở ngoài nước đã được phép chính thức in lại trong nước, như tập trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của anh Nguyễn Mộng Giác, một vài truyện ngắn của tôi và các bạn khác đã do Nhà xuất bản Phụ Nữ TP Hồ Chí Minh in lại trong một tuyển tập, và sốt dẻo nhất, tôi được Hoàng Ngọc-Tuấn ở Úc cho hay, quyển *Văn Học Hiện Đại và Hậu Hiện Đại qua Thực Tiễn Sáng Tác và Góc Nhìn Lý Thuyết* sẽ được Trung Tâm Ngôn Ngữ & Văn Hóa Đông Tây hợp cùng NXB Đại Học Sư Phạm Hà Nội in lại ở Việt Nam. Thật là một tin vui, vì chẳng bõ công chúng tôi hợp sức làm chung tạp chí *Hợp Lưu* 12 năm trước đây, với cố gắng làm một cây cầu giới thiệu văn học trong nước với người nước ngoài và ngược lại. Ở hải ngoại, nhóm *Hợp Lưu* bị chụp mũ là cộng sản, thì ở trong nước lại cho là một bọn xịa, hoặc là *diễn biến hòa bình!* Rõ chán mớ đời. Tôi cũng được biết giáo sư Phan Cự Đệ và nhóm khác gồm các giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huệ Chi trong nước đang chuẩn bị soạn bộ Văn học Việt Nam của cả hai miền Nam-Bắc.

Trong tương lai, những dự án hợp tác như thế sẽ định vị lại các giá trị từ chính trị, văn chương, học thuật với cái nhìn cởi mở, khách quan và do đó, trung thực hơn. Mong lắm thay!

TVT: *Hiện nay, gia đình con cái chị thế nào? Chị còn là một nhà giáo và qua việc học hành, trưởng thành của con cái chị ở Mỹ, chị suy nghĩ gì về ảnh hưởng của giáo dục Mỹ?*

HB: Tôi vượt biển đến định cư ở Mỹ năm 1986, cùng bốn đứa con trên một đất nước xa lạ mà mình lơ mơ lắm về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục... Nhờ Trời, các con tôi chăm chỉ học hành, làm việc, 3 cháu lớn đã tốt nghiệp đại học, có công ăn việc làm, cháu út đang ở năm cuối đại học. Khi các cháu hầu như đều đã có trình độ đại học, trong quá trình theo dõi sức học và sức làm việc của các cháu, tôi nghiệm ra một điều là giáo dục của nước Mỹ không quá chú trọng vào bằng cấp như giáo dục ở nước ta. Mà cũng không hoàn toàn đánh giá người qua cấp bằng đại học đâu. Nghĩ cũng đúng, nhiều người chỉ học hết bậc trung học mà kiến thức và tài năng tự học của họ gấp mấy lần người có bằng đại học. Nhưng ở đại học Mỹ, bọn trẻ được học hành đào tạo rất tử tế. Con trai út tôi là may và rủi, cháu bắt đầu từ lớp mẫu giáo ở Mỹ, rồi lên đến đại học, cái không may là tiếng Việt cháu kém hơn các anh chị nó, cái may là nó được hấp thụ hoàn toàn tinh thần tự do, khai phóng, và sáng tạo của giáo dục Mỹ. Trước kia còn ở trong nước, tôi vẫn được nghe nói đi nói lại mấy từ vựng này, *tự do, khai phóng, sáng tạo* mà không mường tượng được nó là cái gì?

TVT: *Nếu với tinh thần tích cực, ta tiếp thu và vận dụng ở Việt Nam, thì hiệu quả có khả dĩ không?*

HB: Làm sao học sinh dám khai phóng, tự do, sáng tạo khi mà khoảng thời gian từ 75 đến 77, khi tôi là giáo viên chế độ cũ dạy Văn ở hai trường trung học Lý Tự Trọng và Hoàng văn Thụ ở Nha Trang, các đồng chí giáo viên miền Bắc dạy thao diễn tổ bất cứ bài giảng văn nào cũng nhất cử nhất động theo từng câu, từng chữ, từng liên hệ thực tế có in sẵn trong Sách Giáo Án

do Bộ Giáo Dục xuất bản? Tôi không quên được một chuyện cười của riêng tôi lúc đó, của riêng vì không tin ai nên không thể chia sẻ cùng ai, bạn bè lén tố cáo nhau với công an khu vực, công an văn hóa là thường, thời buổi ấy...Một người bạn đồng nghiệp của tôi lúc đó vốn là người miền Nam, có lẽ quá khiếp sợ, trong một buổi họp tổ để thông qua giáo án chung cho các lớp, anh ấy đã phát biểu: truyện cổ Sơn Tinh Thủy Tinh của dân gian là có tính Đảng. Tôi đã suýt bật cười to lên nhưng đã không dám...

TVT: *Xin chị nói tiếp đi.*

HB: Theo tôi, bất cứ một tập thể chính quyền nào, từ tập họp nhỏ như một cơ quan, một nhà trường, một phường, một tỉnh và lớn hơn như một đảng, một nước...mà chỉ trông mong giáo dục cho các thành viên thành những con cừu non ngoan ngoãn, chỉ đâu làm đó, thì tập thể ấy sẽ thiếu sáng kiến, thiếu thi đua, lề mề, chậm tiến. Người dân không nên chỉ là một tín đồ ngoan đạo, dễ mù quáng, dễ đưa tới họa dốt nát, trì trệ, đố kỵ và tranh chấp tủn mủn lẫn nhau.

TVT: *Quan hệ và cuộc sống ở Mỹ, chị thấy dễ chịu hơn?*

HB: Ở Mỹ, nhất là ở thành phố tôi đang ở, cạnh thủ đô Washington DC là một thành phố đa văn hóa. Tôi tạm hài lòng vì đã chọn thành phố này làm nơi định cư. Ở đây, người Mỹ hay nói đến sự đa dạng (diversity) và sự tiếp nhận và nuôi dưỡng nhiều văn hóa khác nhau. Mỹ, Việt, Trung Quốc, Mễ, Cuba, Đại Hàn, Nhật, Trung Đông... làm ăn, buôn bán, đi chùa, đi nhà thờ song song bên cạnh nhau, không có vấn đề đối chọi nhau gì lớn. Mọi người tuân thủ pháp luật, đề huề một cách tương đối và gìn giữ văn hóa, lối sống riêng của mình được pháp luật bảo vệ.

TVT: *Chị có vẻ yêu đời sống ở Mỹ và có khá nhiều kỷ niệm không vui về Việt Nam vào những năm 1975- 1985, sao chị vẫn muốn về thăm Việt Nam, và còn có ý định về sống lâu ở Việt Nam khi nghỉ hưu, như chị thường bày tỏ với bạn bè và qua các tác phẩm văn học của chị?*

HB: Thì tại tôi là người Việt. Mặc dù mang quốc tịch Mỹ, ăn không biết bao nhiêu cái hamburgers, hot dogs thì ít hơn, bao nhiêu pounds khoai tây chiên, gà chiên, uống coke v.v. từ McDonald, Popeyes, Burgers King, Subway. Lúc đầu thì lãnh tiền welfare của sở Xã hội Mỹ, rồi đứng bán hàng ở các tiệm buôn Mỹ, rồi công chức Mỹ, lúc nào cũng phải đầy đủ bổn phận đóng thuế cho liên bang, tiểu bang, đi đầu phiếu Quốc Hội, Tổng thống...tôi vẫn chưa cảm thấy tôi là người Mỹ! Có thể đó là điều khác nhau giữa tôi và thế hệ các con tôi. Tôi lại cũng không thể xem Việt Nam như một thứ *quê ngoại* như nhiều người cùng thế hệ tôi phát biểu, đối với tôi, *ngoại* là Việt Nam, *nội* cũng là Việt Nam. Như một cuộc ngoại tình *chính đáng* không chừng! Sống với vợ, với chồng, đầy đủ quan hệ, bổn phận, kể cả quan hệ tình dục, nhưng tâm hồn thì vẫn thuộc về một người khác! Đó là nỗi oái oăm mà các bạn tôi trong nước có thể không có, có thể thế hệ sau tôi cũng không có!

TVT: *Mọi người đều nói quê hương, đất nước luôn là nỗi ám ảnh khôn nguôi của người xa xứ. Với chị thì như thế nào?*

HB: Tôi phân biệt chính phủ Việt Nam với nước Việt. Nước Việt nằm trong trong trái tim tôi, còn chính phủ thì còn... tùy! Khi chúng ta bỏ phiếu cho Tổng thống, Chủ tịch, đại biểu Quốc Hội là ta bỏ phiếu cho chính phủ chứ đâu có bỏ phiếu cho đất nước đâu! Chúng ta chọn vợ, chọn chồng, chọn bồ, chọn bạn, không ai chọn cha chọn mẹ. Đất mẹ, ngôn ngữ mẹ, ngoài người mẹ già sinh ra tôi (biological mother) hiện ở Mỹ, Việt Nam là một bà mẹ khác trong trái tim tôi. Hiện giờ, tôi kiếm ăn được cũng là nhờ tiếng Việt, trong nước tôi học Văn, dạy Văn, giờ tôi dạy tiếng Việt, tôi nói chuyện với con cái bạn bè bằng tiếng Việt, ăn uống hầu hết là cơm Việt, và nghề tay trái, ngoài việc kiếm ăn, lại viết lách lăng nhăng cũng bằng tiếng Việt. Lúc ra khỏi nước, tôi đã sống

ở đó hơn bốn mươi năm rồi. Kỷ niệm buồn ở Việt Nam không ít, nhưng kỷ niệm vui thì cũng tràn đầy. Cuối đời rồi, không đi Việt Nam thì nghe không có lý!

TVT: *Bây giờ, nếu có thể được, ta nói chuyện một chút về Cộng đồng người Việt ở Mỹ, Thí dụ, chị có thể phác họa vài nét về Cộng đồng người Việt ở Mỹ, thí dụ chị có tham gia các Hội Đoàn, các sinh hoạt có tổ chức của người Việt trong vùng chị ở, Virginia, hay trên nước Mỹ không? Chị thấy các sinh hoạt đó như thế nào? Đối với thế hệ chị và đối với thế hệ con em chị ở hải ngoại?*

HB: Tôi đề nghị anh đọc *Unbearable Lightness of Being* của Milan Kundera (mà một người bạn của tôi là Trịnh Y Thư đã chuyển ngữ rất hay, sách vừa do NXB Văn Nghệ California phát hành dưới cái tên *Đời Nhẹ Khôn Kham*) để anh dễ thâm nhập và nhận diện bộ mặt của cộng đồng Việt ở hải ngoại.

Kundera viết quyển này lấy bối cảnh biến cố Mùa Xuân Praha năm 1968 và các nhóm di dân Tiệp vào thời điểm đó, đến nay, trải qua mấy chục năm rồi, giọng điệu, ngôn ngữ, suy tư của đám di dân Tiệp vẫn còn có thể dùng để mô tả được chính xác hình ảnh các hội đoàn chống Cộng của người Việt rải rác và đầy dẫy ở các nước Mỹ, Pháp, Úc, Canada... Lâu lâu lại phải đọc tuyên cáo này, tuyên cáo nọ, lên án bọn cộng sản trong nước và tay sai ngoài nước, lâu lâu lại có vụ đốt một quyển sách hay hăm dọa một nhà xuất bản nào đó đã dám bày bán quyển sách *thiên cộng* kia, biểu tình mấy chục ngàn người để chống một tên tâm trí bất bình thường không đủ tiền và đủ sức để kinh doanh nghiêm chỉnh nên chơi nổi treo hình *Bác Hồ* và *cờ Việt Cộng,* lâu lâu lại có biểu tình lẹt đẹt vài người hay tự thiêu, ủi xe tăng vào Sứ Quán Việt Cộng*...*

Đối với những vụ này, tôi chia sẻ với suy nghĩ của nhân vật Sabina trong tiểu thuyết của Kundera:

"...Cái yếu tính cốt lõi để trở thành người Tiệp tan biến vào hư không mất rồi...Hay vì những bậc vĩ nhân. Jan Hus? Không ai trong căn phòng đó từng đọc một dòng chữ nào của ông. Họ chỉ có thể hiểu được ngọn lửa, niềm vinh quang của ngọn lửa khi ông bị hỏa thiêu, niềm vinh quang của tro tàn, và do đó, với họ, yếu tính để thành người Tiệp là đám tro tàn và chỉ có thế thôi. Điều duy nhất giữ họ lại là sự chiến bại và những lời khiển trách lẫn nhau..."

Nên tôi không mấy ngạc nhiên khi đọc các *diễn văn, tuyên ngôn, tuyên cáo* cùng các *bài báo ở* các loại *báo biếu lá cải* các nhân vật cộng đồng tố cáo mạ lỵ chụp mũ tưng bừng lẫn nhau, người oan kẻ ưng cá mè một lứa. Trung tâm William Joiner tặng cái grant anh Thủy đang làm đó cũng gây ra một vụ kiện đang đưa nhau ra ba tòa quan lớn Mỹ đấy, chắc anh có nghe rồi! Tôi cũng nghe, nhưng nghe qua rồi bỏ...Anh có nhận xét gì không?

TVT: *Tôi chân ướt chân ráo qua đây làm sao mà nhận xét được. Các cụ bảo: "Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe." Tôi nghe chị chứ.*

HB: Không dám! Không dám! Nhưng anh liều mạng nghe thì tôi cũng liều mạng nói! Tôi cũng đọc được thêm một tài liệu khác nhận định về tính cách của các cộng đồng lưu vong. Trích đoạn được dịch và in trong tập "*Văn học Hiện đại và Hậu Hiện đại..."* của tác giả Hoàng Ngọc-Tuấn:

"Trong cuộc sống lưu vong ở các nước Âu châu và Bắc Mỹ những năm cuối thế kỷ 20, những người đàn ông đến từ các quốc gia chậm phát triển và nhiều rối loạn chính trị ở châu Mỹ La Tinh rất dễ trở thành những con người thất bại. Vỡ mộng về một cuộc sống dễ dàng, cùng lúc nhận ra sự mất giá trị của bản thân trước xã hội mới qua những trở ngại trong ngôn ngữ

và/hoặc trong khả năng kinh tế, cộng thêm tình trạng sống như những người không có một địa vị xã hội nào, họ thường có nguy cơ rơi vào những triệu chứng tâm lý đa nghi hoang tưởng (paranoia), vĩ cuồng (megalomania), trầm uất (folie manfaco-melancolico), hay dằn vặt với khát vọng hồi hương. Để xây dựng giá trị bản thân trong xã hội mới, thay vì nỗ lực hội nhập và vươn lên từng bước với sự kiên nhẫn, nhiều người lao vào và bỏ nhiều thì giờ, sức lực và ngay cả tiền bạc để tạo nên những địa vị giả (pseudo-estado) trong những nhóm sinh hoạt chính trị mệnh yểu và đầy sự cạnh tranh cá nhân. Chính những điều này là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên những xung đột trong nội bộ các cộng đồng và sự mâu thuẫn hoặc đổ vỡ trong nhiều gia đình, vì trong lúc đó, đa số đàn bà thì thực tế hơn và do đó dễ hội nhập hơn vào đời sống mới..."

Nhận định này đúng với thực tế cộng đồng lưu vong Việt nam ở Mỹ và ở vài quốc gia khác ở châu Âu, Úc... Riêng tại tiểu bang California Mỹ nhận định này giúp chúng ta dễ dàng giải thích các hiện tượng chính phủ lưu vong mọc lên như nấm tại tiểu bang này, với đầy đủ các chức vụ từ tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng, thứ trưởng, tổng tư lệnh quân đội cho tới tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng đều có đầy đủ tuốt luốt. Các chính phủ ma này mọc lên rồi tan đi, lại có các chính phủ khác thay thế.

TVT: *Vui nhỉ! Tôi mà ở bên này, tôi cũng lập chính phủ.*

HB: Vậy sao? Nếu thế thì vừa vặn với nhận định vừa nêu trên của nhà tâm lý xã hội Pedro Lopez Pujo đối với đàn ông tị nạn! Những cuộc biểu tình rầm rộ, như anh biết, có khi lên tới vài chục ngàn người, như ban tổ chức từng phô trương, như cái lần để phản đối một anh chàng dở điên dở khùng do những người thích ôm micro la hét giữa đám đông tổ chức, chỉ tổ tốn tiền thuế dân đóng góp để mướn cảnh sát địa phương canh giữ trật tự. Mọi chuyện sau đó thì cũng chìm xuồng. Vùng tôi ở, lâu lâu cũng có lác đác biểu tình chống lai rai, chống trong nước và chống ngoài nước. Gần đây nhất, là chống các ca sĩ trong nước ra ngoài trình diễn.

Về những mặt tiêu cực này, tôi thấy trong nước và ngoài nước có những điểm trùng lặp thú vị. Thí dụ mới nhất tôi đọc ở báo *Công An* trong nước, họ dùng cái người *dở điên dở khùng* để thóa mạ nhà văn Dương Thu Hương. Trường hợp biểu tình chống ca sĩ trong nước trình diễn ở hải ngoại có người so sánh với trường hợp tài tử trong nước Đơn Dương ra ngoài đóng phim thì bị rút hộ chiếu, bị cấm xuất ngoại vân vân...

TVT: *Tôi chia sẻ với chị và cũng thấy rằng đó là một thiếu sót của người Việt Nam chúng ta. Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm, báo chí ở hải ngoại, trừ một số báo tôi cho là đứng đắn, phần đông vì xu thời, câu khách, thường mô tả xã hội Việt Nam đen tối, khủng khiếp. Khi đưa tin về tình hình trong nước thường có xu hướng thổi phồng, bóp méo. Cái cung cách thổi phồng, bóp méo này tôi cũng đã từng thấy ở một số báo trong nước nữa. Chúng ta làm vậy liệu có ích gì để lấp đi cái hố vốn đã sâu, ngăn cách trong và ngoài nước? Tôi có cảm tưởng hình như người Việt chúng ta vẫn kiên trì theo đuổi một bí quyết rất khiêm nhường và rất "đậm đà bản sắc dân tộc": Ta nhất thiết phải có kẻ thù và kẻ thù của ta càng xấu ta càng tốt, mà là người Việt với nhau nữa thì càng tiện. Đó là thiển ý của tôi. Bây giờ chúng ta tiếp tục câu chuyện. Theo tôi hiểu, chị không muốn hòa nhập vào các tổ chức cộng đồng? Thế chị có tham gia chút đỉnh vào việc hướng về đất nước không?*

HB: Tôi không tham gia tổ chức cộng đồng nào, không phải vì tâm lý *phản bác* như cô họa sĩ Sabina của Kundera. Các con tôi lại càng không tham gia. Nhưng chúng tôi và những người khác không quay lưng ngoảnh mặt với đất nước, chúng tôi giúp bà con, bạn bè, đồng bào và đất nước, theo cách của chúng tôi. Các con tôi làm việc cho chính phủ đều ký tặng trừ lương hàng tháng cho chương trình CFC (Combined Federal Campaign) để nhờ họ chuyển tiền đến

các tổ chức giúp đỡ người tàn tật, trẻ bụi đời, trẻ mồ côi ở Việt Nam, trường dạy nghề... Vô số các tổ chức NGO (Non Governmental Organization) hoạt động cho các dự án liên quan đến việc cho người nghèo vay vốn, xây dựng trường học, xóa đói giảm nghèo, cứu lụt, cứu hạn....cũng nhận được sự đóng góp tài trợ của rất nhiều người Việt nước ngoài. Cũng kể đến số tiền hàng tỉ mà Việt kiều gửi về *cho không biếu không* bà con, họ hàng, bạn bè trong nước.

TVT: *Vắn tắt thì cộng đồng người Việt, cộng đồng gốc Á châu được đánh giá như thế nào ở Mỹ?*

HB: Cộng đồng nào cũng có cái tiêu cực và tích cực. Nhưng nếu nói chung, cộng đồng di dân châu Á ở Mỹ thường được đánh giá khá cao, so với các cộng đồng khác. Thí dụ, cộng đồng người da đỏ theo thống kê là có tỉ lệ tự tử cao nhất, các cộng đồng Nam Mỹ thì thường dính líu ít nhiều đến tệ nạn xã hội. Cộng đồng đến từ châu Á, trong đó có Việt Nam, được coi là cộng đồng tương đối có nhiều thành công trong việc hội nhập xã hội mới. Con số con em người Việt được đào tạo từ các trường đại học Mỹ để trở thành các chuyên gia trong nhiều lãnh vực là một con số lạc quan.

TVT: Liên hệ của chị với người thân, bạn bè trong nước ra sao?

HB: Liên hệ bằng tình người. Người thân thì có bổn phận liên hệ đỡ đần đã đành. Với tôi, bạn bè, không lưu ý chính kiến, bạn nào dễ thương chơi hợp thì kết bạn, trao đổi thư từ, email, điện thoại...Bình thường, như những người bạn trên đời mà ta muốn gặp.

TVT: *Chị không thích chơi với loại người nào?*

HB: Anh hỏi tôi không thích chơi với những loại người nào hả? Tôi không thích chơi với những người hô khẩu hiệu, ở trong nước hay ngoài nước, chống cộng hay thân cộng, hay không chống mà cũng không theo. Gì cũng được, miễn là đừng nêu chiêu bài, hô khẩu hiệu rồi bắt mọi người hô theo. Tôi thích và tôn trọng tự do tư duy. Nên rất thích và quý trọng cách suy nghĩ độc đáo của anh trong lúc làm phim *Chuyện Tử Tế*. Nói theo một giọng với đám đông, mặc đồng phục với cường quyền, mặc áo giấy với ma, thậm chí mặc cà sa đi với Phật thì bao giờ cũng sẽ được an toàn hơn, yên thân hơn, dễ dãi hơn, suôn sẻ hơn và cũng có khả năng dễ giàu có hơn, biết đâu, không chừng! Nhưng giải Nobel Văn Chương 1994, một tài năng đặc biệt của Nhật Bản, Oe Kenzaburo đã từng ví nước Nhật của ông như một con điếm, và tệ hơn, như bộ phận sinh dục của một con điếm chuyên bán dâm cho lính Mỹ, thì sao? Lúc đầu người Nhật phản ứng và kết án ông là phá hoại, nhưng sau đó thì tôn sùng ông như một thầy thuốc đã giúp người Nhật và nước Nhật chữa được những vết thương do tinh thần tự ái dân tộc gây ra.

TVT: *Nếu chúngta còn rất ít thì giờ được hiện hữu trên cõi đời này, cần nói lời cuối cùng, chị sẽ nói điều gì?*

HB: Chúc mọi người ở lại, trong đó có các con tôi, các bạn bè tôi được hưởng thật nhiều tự do và hạnh phúc hơn tôi. Với đồng bào Việt Nam ở trong nước, đừng để tôi suy nghĩ là nước người đã cho tôi nhiều tự do hơn nước tôi đã cho tôi và đồng bào tôi.

TVT: Tôi cảm ơn chị đã dài dòng trò chuyện với tôi. Tôi chúc chị luôn vui tính và chỉ gặp những người thích đùa.

Virginia, mùa Giáng sinh 2002

***

Phụ đính:

Tôi không nói tiếng Ma-rốc

(khi trả lời phỏng vấn của Trần Văn Thuỷ)

Sau khi tập *Nếu đi hết biển* của Trần Văn Thuỷ được in ra, trong đó có một bài phỏng vấn tôi, liên tiếp tôi bị "mang ra hành xử" hầu hết trên các báo địa phương ở Mỹ. Tôi không có cơ hội đọc được hết những bài loại này, nên chỉ may rủi nghe được chuyện gì thì nói chuyện đó, mong bạn đọc thông cảm. Trần Văn Thuỷ phỏng vấn tôi không hên, nên lần này tôi tự phỏng vấn tôi.

Có bài báo nói, chị phải nịnh bợ Trần Văn Thuỷ dữ lắm, thậm chí còn dâng cả "bánh dầy kẹp chả thì là" cho chàng để được chàng phỏng vấn?

Vâng, đó là văn chương của ông nhà báo già lão thành vị thành niên [1] đang ở cùng tiểu bang tôi. Cũng là thói thường thôi, văn hoá bình dân Việt nam hải ngoại thương ca [2] mà, hễ cứ muốn bôi nhọ một người khác ý kiến với mình thì chụp cho nó cái nón cối [dù ở Việt Nam ngày nay không thấy có ai đội nón cối], để làm chi, để biến nó thành địch [ảo] và do đó có ta [ảo], bôi nhọ một phụ nữ thì thêm món đánh phủ đầu *cha tiên nhân cái con đĩ, cái con giật chồng người* là cầm chắc thắng lợi. Tôi nhớ nhà văn Dương Thu Hương [3] có lần sợ quá đã phải từng cáo bạch với quần hùng là chị ấy đã bất lực rồi! Khi nào gặp Hoàng lão thành vị thành niên này, tôi sẽ nhắc ổng tưởng tượng [phong phú, nghèo nàn] xem mấy vị Khánh Tuyết, Cao Xuân Huy, Nhật Tiến, Wayne Karlin, Trương Vũ, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong... dâng gì cho ông Thuỷ để được phỏng vấn? Và lần này tôi phải dâng gì [cho tôi]?
Lần đạo diễn Trần Văn Thuỷ trong nước ra nói chuyện chơi, rồi nhân đề cập đến cái grant của anh đang làm cho William Joiner Center, anh đề nghị, và cá nhân tôi thì nghĩ, ừ, thì anh muốn biết một di dân Việt kiều cù lần ở Mỹ như tôi suy nghĩ gì về đất nước hắn đang sống, về cộng đồng hắn đang cùng sinh hoạt, và về những gì đã và đang xảy ra đối với tổ quốc gốc gác của hắn...Tôi thì nghĩ, trả lời cũng vui, và nhân thể cũng giúp một người bạn mà mình chưa có dịp quen thân tôi ừ, để tôi trả lời phỏng vấn cho, về sau gom lại cùng nhiều người trả lời nữa, thành tập sách mỏng *Nếu đi hết biển* của Trần Văn Thuỷ [4] .

Chị có tiên liệu khi một lần nói phăng ra hết những suy nghĩ của mình về một người, một nhóm, và đòi "đổi mới" nếp nghĩ của một cộng đồng... sẽ gây những phản ứng ngược không?

Bùi Văn Phú trong một bài viết trên talawas [5] đã tiên đoán tập sách nhỏ *Nếu đi hết biển* [NĐHB] rồi sẽ gây tranh cãi. Kevin Bowen, giám đốc trung tâm W.J. thì cho là nhiều người trả lời đã đụng đến ta-bu của cộng đồng. Và như thế theo tôi là tuyệt hay, là tự do, là dân chủ. Tất nhiên phải chờ đợi những thảo luận trao đổi và [có thể] những chỉ dạy của các cao nhân giữa những người Việt di dân thế hệ thứ nhất, xem chúng ta đang nghĩ gì, làm gì, có thể sẽ vui, mới, lạ, trái ngoe nhau, đâu có sao, và chân thành góp ý và sôi nổi lên.

Và bây giờ kết quả ra sao?

Và bây giờ thì vui thiệt, sôi nổi thiệt. Vì thiên hạ đồn đãi tùm lum rằng các báo chợ, báo biếu, lá cải [*lá cải*, chữ nghĩa này xin được giải thích như sau, *lá cải* là mấy tờ báo chuyên dựng chuyện vô căn cứ, thí dụ như Ma Vú Dài hay Tiếng Khóc Dưới Đáy Mồ để các bác xích lô và các cô bán hàng buổi trưa thay vì ngồi ngủ gục thì giải trí chút đỉnh chớ không phải vì các báo khác ganh ghét bà Bút Trà mà gọi báo bà là lá cải, bớ các bác trai, bác gái làm báo, dù là báo biếu lấy quảng cáo cũng không sao, không *dựng đứng*, không *chửi để bán* thì há sợ gì tiếng *lá cải*?] các báo biếu cũng có, lá cải cũng có xúm nhau chửi bới tưng bừng, phân tích này nọ mấy *câu giả nhời* của tôi, bênh và chống [tôi suông miệng nói thôi, hic hic, không có ai bênh tôi trong

mấy tờ lá cải, bây giờ thì cơn dịch lại lây lan sang mạng lưới, chỉ có ta ảo và địch ảo, quyền lực ảo và bút lực ảo tự đấm vào bóng mình...] Tôi đang nói tới mấy bài viết về NĐHB trên www.gio-o.com [hai bạn Lê Thị Huệ và Trần Diệu Hằng chủ trương] là một thí dụ và có thể là một thí dụ duy nhất. Tôi hiểu. Chí Phèo [sau] ăn vạ văn chương để bỗng thấy mình có quyền lực hẳn ra, oai ra, hơn là cứ suốt đời yên phận làm anh cùng đinh vô danh Chí Phèo [trước]. Đấm vào...cối xay gió rồi xênh xang xiêm áo [giấy] nói là ta đã trừ gian diệt bạo. Tôi cũng hiểu.

Bây giờ chị đang vui hay buồn vì những bài viết loại này?

Là tác giả của mấy *câu giả nhời* được mang ra đấu đá, trước hết tôi cực lực biết ơn quý vị lá cải cũng đã đọc tôi [mình viết ra mà không ai đọc thì buồn chết, ai cũng được, lá cải cũng tốt] để quy cho tôi nhiều thứ tội, xẻ từng lời từng chữ của tôi để xét nét, diễn dịch ý này ý nọ. Và đi xa, quá xa, những gì tôi nói. Cái này dui thiệt, thiệt dui dì dễ dỏi. [vui vì vẽ giỏi] Đời tị nạn của tôi từ nay lên hương nhờ mấy câu nói [linh tinh] của tôi. Quà tặng vĩ đại và bất ngờ. Có bác còn cất công điều tra và dựng lên những gia cảnh tào lao về ba má tôi, cứ như rận trong chăn nhà tôi, cứ như chuyện ngồi lê, truyện ngắn, truyện dài, hoặc tiểu thuyết hoang tưởng chí rận.

[Nhưng sẽ không phải nếu tôi quên không cám ơn những người đọc nghiêm túc và yên lặng đã trao đổi nghiêm túc với tôi...]

Dui rồi, chị có còn được dui tiếp không?

Hết cơn ham vui, tôi lại giật mình. Thiệt sao, chuyện này chuyện nọ của tôi, tôi đâu có nói vậy [i do not mean that] ủa, sao quý cụ lại chặt đầu chặt đuôi, ủa, sao các bác lại lái [heo] lái [sách] lái [xe] lái lạc [văn chương] một lèo ra xa lộ? Để đạt đúng yêu cầu tấp vào lá cải *dựng đứng* và *chửi để bán* hả? Nguy hiểm. Chữ với nghĩa. Chữ đi đằng chữ, nghĩa đi đằng nghĩa, hầm bà lằng, tả pí lù, thập cẩm, một nồi cháo heo nấu bằng nước cơm heo chua lè cho heo ăn. Tôi nói tiếng Việt mà cứ như nói tiếng Ma-rốc không bằng. Đấy là những người ở cùng thời với tôi [năm 2004], cùng Huê kỳ xứ, có người ở cùng thành phố với tôi, cùng tiểu bang [Virginia], cùng đọc, viết, nói tiếng An-na-mít, tam tứ ngũ lục *cùng* [nhưng không thể tòng tam tụ ngũ] với tôi. Nên tôi rỡn tóc gáy. Thôi chết, nếu vậy làm sao tôi đọc đúng được những Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, họ sống, hít thở cách xa tôi hàng ngàn năm tít tè. Đọc Lý Đợi, Bùi Chát...ở La Hán Phòng, *thơ jác, thơ nghĩa địa, Sáo Chộn Chong Ngày* [6] ngữ nghĩa thơ ca tùm lum lại càng thấy hoảng vì sự Vô Cùng của ngôn ngữ [tiếng Việt]. Quyền của người đọc lớn lắm. Tất nhiên tôi phải tôn trọng. Ngôn ngữ Mít lại vốn không thuần khiết, viết một câu đã phải vận dụng tới hàng năm bảy chục chữ Hớn Việt rồi. *Xin hải nội chư quân tử lượng tình thứ lỗi cho nữ nhân nan hoá này vì văn chương thì vô cùng, chữ tác đánh thành chữ tộ, hải ngoại chư quân tử lại đánh chữ tộ thành chữ tô, thế là khổ lắm nói mãi [chôm của Vũ Trọng Phụng] nói gì cũng không thông, nói lắm xa lắm, nói nhiều sai nhiều, chân lý bỏ chạy, chân cẳng thì nằm lại thẳng cẳng. Trân trọng kính chào.*
Tôi đã không nói tiếng Ma-rốc [khi tôi trả lời phỏng vấn Trần Văn Thuỷ]. Nhưng khi bất cứ người đọc nào [cũng có quyền] thêm một chữ [đã có sẵn trong cái đầu của hắn] hay bớt đi một chữ [đã không có trong cái đầu của hắn] là tiếng Việt tôi lập tức biến thành tiếng Ma-rốc.

Nghe nói một tiên sinh [7] *[tự phong] thuật lại, khi được Trần văn Thuỷ gọi chị là nhà văn, chị lấy làm vinh dự và "vui lên", tớn lên lắm. Nhiều người thích được gọi là nhà văn, chị cũng thích à?*

Văn chương hậu hiện đại thì tác giả nói một chút, tự điển độc giả nói hai chút là đúng rồi. Nhưng*Phượng cầu kỳ hoàng* [khổ quá, lại sino-viet!] chim phượng không có con hoàng hót qua hót lại thì không thể thành khúc phượng hoàng. Gà thì gáy, chó thì sủa, chim thì hót, rồng thì bay, rắn thì bò, rận thì chui vào chăn bẩn, người mạnh thì chạy, kẻ yếu thì lết, người sang đi xe,

người nghèo đi bộ [đẹp trai đi bộ không bằng mặt rỗ đi xe,] mỗi loài một việc thì mới trái đất đề huề. Tôi ước chi mình được gọi là *Nhà văn...không là ai* [8] theo mấy định nghĩa của ông Nguyễn Hưng Quốc, nhưng tiếc quá, hôm nay tôi đang làm "nhà giả nhời phỏng vấn".

Một câu hỏi cuối: chị trả lời Trần Văn Thuỷ để được trả 300 đô la [9] *và để được cấp hộ khẩu sống ở Việt Nam* [10] *hả? Tôi nghe họ nói, không phải, viết như thế trên mặt báo [chợ]...*

[nhăn mặt và hả họng và giơ hai tay lên trời rồi cười sằng sặc như đười ươi.]

Cám ơn chị Hoàng Bắc. Chúc chị cứ được chịu khó xem phim hề [giễu dở] như thế dài dài, theo tôi, thế là nhà chị sẽ còn được...gần nhiều lắm đấy!

Thực hiện tại Virginia, tháng 6 năm 2004

[1]Nhà báo Hoàng Hải Thuỷ tuyên bố một câu xanh rờn: "Sau khi đi hết một vòng [sự nghiệp làm báo] thì về [làm] với [báo chợ] Sàigòn Nhỏ...mãi không thể lớn".
[2]Bài hát của nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông
[3]Dương Thu Hương, *Thực ra tôi là một người phụ nữ khá cổ hủ*, talawas ngày 30.06.2002
[4]Nếu đi hết biển, Trần Văn Thuỷ do NXB Thời Văn, California xuất bản. Đính chánh của người phỏng vấn: không phải do William Joiner Center xuất bản.
[5]Bùi Văn Phú, *Văn học có thể làm nhịp cầu hoà giải trong ngoài nước ngắn lại*, talawas.
[6]Bùi Chát, Sáo Chộn Chong Ngày, Giấy Vụn in photo 50 bản. Thơ Nghĩa Địa, sẽ xuất bản.
[7]Người này [xưng là Thông Biện tiên sinh] phán đoán rằng Trần Trường là người tâm trí bình thường. Có lẽ họ không biết chuyện Trần Trường tự xưng là Đức Cha Trời và bắt "đệ tử" chui qua háng hắn ở Canada (theo bản tin CNN). Chú thích của người phỏng vấn.
[8]Nguyễn Hưng Quốc, Nhà văn...không là ai?, Văn Hoá Văn Chương Việt Nam, NXB Văn Mới, 2002. Đăng lại ở talawas ngày 17.05.2004
[9]Thông tin này của báo chợ Sàigòn Nhỏ, phát hành California, Mỹ.
[10]Thông tin này từ một bài viết về NĐHB ở www.gio-o.com

Tản mạn với Cao Xuân Huy

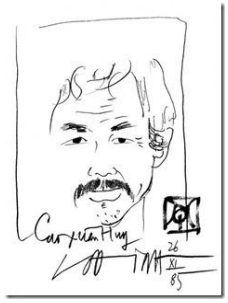

Trong chuyến bay Boston-Las Vegas Quận Cam, tôi được biết Hoàng Khởi Phong sẽ ra đón tôi ở phi trường. Tại chỗ lấy hành lý, Hoàng Khởi Phong vui mừng vỗ vai tôi bảo: "Cao Xuân Huy cũng ra đón ông đấy, anh chàng phải chạy xe lòng vòng ngoài kia vì không có chỗ đậu "Chúng. tôi trở ra, một chiếc xe Jeep Grand Cherokee đen tập vào lề và anh chàng tài xe Thò đầu ra. Tôi bỗng nhận ra một nét quen thân mà không sao nhớ nổi. Khi về tới nhà, đặt va ly, Cao Xuân Huy nói với tôi: "Tôi giống một người mà ông quen thân ở Hà Nội đấy Tôi Là con trai ông Cao Nhị, bạn của các ông.!" Trời! Tại sao lại có chuyện lạ như vậy. Cao Nhị vốn là bậc đàn anh của chúng tôi. Trong làng điện ảnh, giới văn chương và báo chí Hà Nội ai mà chả biết ông. Ông viết văn, làm thơ, làm báo, đời sống giữa tung tưng, bọn trẻ chúng tôi rất quý trọng ông cảm mến và. Tôi biết tất cả những người con của ông hiện ở Hà Nội. Còn Cao Xuân Huy, cũng là con ông Cao Nhị, như từ trên trời rơi xuống, tôi chưa một lần nghe nói.

***

Trần Văn Thủy (TVT): *Cao Xuân Huy này, anh nói cho tôi nghe đôi điều về đường đời của anh.*
Cao Xuân Huy (CXH): Trước kia, tôi là trung úy Thủy Quân Lục Chiến của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, bị bắt làm tù binh cùng đơn vị trong lúc rút quân khỏi Quảng Trị vào cuối tháng Ba năm 75, tại bờ biển Thuận An, Huế. Việc này tôi đã viết khá chi tiết trong quyển hồi ký "Tháng Ba Gay Súng". Cuối năm 79, tôi được thả ra khỏi tù vì hết khả năng lao động. Tôi vượt biên đến Mỹ cuối năm 83. Dọn nhà nhiều lần và làm nhiều nghề.

TVT: *Anh đi vào con đường văn viết bằng cách nào?*
CXH: Viết văn, có lựa chọn gì đâu mà bằng cách nào anh ơi, nó "rơi" vào mình thì mình phải "chịu" thôi, vậy mà cũng đã hơn mười năm rồi, chắc là nó dính với tôi luôn quá, anh ạ. Lúc mới đến Mỹ, ở nhờ nhà Hoàng Khởi Phong, người mà tôi coi như anh từ bé. Một hôm uống rượu với bạn mấy người cùng đơn vị cũ, nhắc lại những kỷ niệm trong cuộc lui binh ở Thuận An, kiểm điểm xem đồng đội ai còn ai mất. Anh Nguyễn Mộng Giác, tác giả "Ngựa Nan Chân Bon" lúc đó, cũng nhà ở chung, ngồi nghe. Sáng hôm sau anh Giác hỏi tôi sao không viết lại chi tiết, tôi đưa cho anh tập hồi ký viết tay, anh tự động mang đăng trên báo mà anh đang làm chủ bút. Từ đó tôi khơi khơi được gọi là "nhà dzăng".

TVT: *Viết văn làm báo, động lực gì đã thúc đẩy anh cầm bút? Phải chăng là "gen" của ông già?*
CXH: Hình như có cái "gen" thật anh ạ. Khi còn đi học, điểm văn của tôi luôn luôn dưới trung bình, vậy mà bây giờ lại "viết văn". "Tháng Ba Gay Súng" tôi viết như một giải tỏa nỗi ám ảnh. Tôi tham dự cuộc chiến trong vai trò một người cầm súng, và sau thời cầm súng, lại thêm một thời bị cầm tù. Vượt thoát được đến Mỹ, tôi như ra khỏi cơn lốc xoáy kinh hoàng của một tương tàn cuộc. Những ngày cuối của cuộc chiến là một ám ảnh không thôi. Nên khi đã định thần lại, tôi phải trút bỏ những ám ảnh đó thì có thể ra, tôi mới có thể trở về đời sống tinh thần bình thường được.

Quyển "Tháng Ba Gay Súng" lần đầu xuất bản, việc trình bày không được ưng ý và có nhiều lỗi đánh máy, nên khi tái bản, tôi mua máy tính có thể mò về tự đánh máy và trình bày lấy. Từ trình bày sách sang báo là một bước ngắn. Dần dần tôi trở thành một tay trình bày sách, báo chuyên nghiệp. Và sau đó, một thời gian khá dài, tôi làm tổng thư ký tờ Văn Học, một tờ báo văn chương ở đây, ngoài ra, lúc rảnh thì viết truyện. Thế là, bỗng dưng tôi thành "đồng nghiệp" với bố tôi. Vì tôi được biết bố là một người làm thơ và làm báo.

TVT: *Đúng như vậy, ông già của anh là một tên tuổi quen thuộc, được quý trọng trong giới cầm bút ở miền Bắc. Hình ảnh nào về bố đã để lại trong anh?*
CXH: Hình ảnh duy nhất tôi có được về bố, là tấm ảnh bố mẹ chụp chung với ông ngoại tôi và một người cậu. Trong ảnh, bố là một thanh niên đẹp trai, tóc cắt ngắn, nét mặt sáng sửa hiền và. Khi di cư vào Nam tôi mới bảy tuổi, chưa gặp mặt bố lần nào, nghe mẹ nói, từ lúc đẻ tôi ra, như hình, tôi có được bố bế trên tay một lần. Năm 54, ông ngoại tôi bị đấu tố vì là thầy giáo và giỏi tiếng Pháp, nên cậu tôi di cư vào Nam, tôi mang theo. Mẹ ở lại Hà Nội nan ná đợi bố từ kháng chiến về. Hai cụ gặp nhau. Bố nói mẹ thuộc diện phải đi "tự lực cánh sinh" (đi "kinh tế mới" như dân Sài Gòn sau năm 75), chứ dù có đi kháng chiến, nhưng vì bố có gốc là con nhà tư sản, địa chủ, nên không thể can thiệp cho mẹ ở lại Hà Nội được.

Thế là năm 55, mẹ vào Nam. Cha con tôi có liên lạc với nhau qua những tấm bưu thiếp, đâu được vài lần thì bị cấm. Từ đó, tôi không còn liên lạc được với bố gì nữa, và khi mất liên lạc với bố, tôi đâu khoảng hơn mười tuổi. Bố ở lại Hà Nội, lấy vợ khác và có thêm con. Mẹ vào Sài Gòn, cũng lấy chồng khác và có thêm con.

TVT: *Rồi sao nữa? Cha con có tìm nhau không? Quan hệ cha con có gì ngăn trở sau ngày thống nhất đất nước?*

CXH: Lúc ở tù, tôi không muốn liên lạc với bố, vì không biết ông cụ có nhận thằng sĩ quan "Ngụy" này là con không, đồng thời cũng lại sợ ông cụ sẽ bị liên luy vì có thằng con "có nợ máu với nhân dân ". Không hiểu tên tôi, thằng con đi Nam, có trong danh sách những người không bố con của. Trong khi chính tôi, trong bản khai lý lịch khi đi lính, tôi đã phải khai "bố chết" để tránh những rườm rà với cơ quan an ninh quân đội. Tôi không biết tin tức gì về bố, và tuy rất thèm nhưng tôi không bao giờ chờ đợi có được một sự liên lạc gì giữa hai cha con.

Bất ngờ, thật bất ngờ anh ạ, khoảng năm 78, khi ở tù tại Thanh Hóa, đơn lim đang ở một nơi gọi là công trường *lòng hồ sông Mực*, Tôi được cán bộ quản giáo thông báo nguyên văn: "Anh có ông bố vào thăm, ông cụ rồi về, có gửi lại cho anh một ba lô đồ thăm nuôi." Trời! Có ngoài mơ ước của tôi không? Tôi đã được bố vào thăm! Bố tôi đã đi tìm tôi! Mặc dù tôi không gặp được bố và cũng không nhận được cái ba lô "thăm nuôi". Tôi đờ đàn vì những hình ảnh mơ hồ về bố.

TVT: *Sau đó anh có nhận được cái ba lô không?*
CXH: Cái ba lô thăm nuôi lúc đó là cả một gia tài lớn, tôi tưởng chỉ lớn với thằng tù là tôi, hóa ra cũng lớn cả với cán bộ trại, thành ra, trên nguyên tắc, và với bố tôi, tôi được nhận, nhưng trên thực tế, và riêng với tôi, tôi được nhận không. Bài học tập chính trị nằm lòng: "Cách mạng đã tha tội chết cho các anh ...".

Tôi thầm nghĩ, tha chết là mừng rồi, còn cái ba lô không "tha", thì có sao đâu, phải không anh. Chỉ nghĩ thương bố thân già lặn lội đường rừng, hăm hở đi tìm con, đến nơi, không gặp cho được, lui thui quay về, tôi buồn. Nhưng mặt khác, thấy bố không được "ưu tiên", tôi lại mừng, vì điều này chứng tỏ bố không thuộc thành phần ... "nhân dân", và như thế, tôi không có "nợ máu" gì với ông cả, quá hẹn.

TVT: Vậy sau đó hai bố con gặp nhau lần đầu là vào dịp nào?
CXH: Lần đầu hai bố con gặp nhau là cuối năm 79, khi tôi ở trại tù Bình Điện, Huế. Lúc đó tôi đã được "ra lệnh tha" vì hết khả năng lao động, nhưng vì sát với ngày lễ nên bị giữ lại trong tù, nhập vào toán lao động nhẹ để không bị cắt phần ăn. Đang lao động thì cán bộ trại sai tôi vác ghế vào nhà thăm nuôi, khi gần đến nhà thăm nuôi, tôi bỗng nghe có tiếng hỏi phía sau lưng: "Beng đấy hả?" Tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm này.

Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái Điếu cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, phổi thùng đi sau lưng tôi. Nhìn ông, biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ua ra, cổ họng khô đi và như bị nghẹn, không nói được gì. Tiếng "dạ" của tôi hình như không thoát ra khỏi miệng. Bố tôi bảo: "Vào nhà thăm nuôi đã". Tôi đi mà lòng lâng lâng cứ như say rượu ấy. Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi, làm sao chỉ nhìn từ sau lưng mà ông cụ nhận ra "thằng Beng", thằng con ông mới chỉ bế trên tay có một lần trong đời, lúc nó mới được vài tháng ...

TVT: Anh kể tiếp đi.
CXH: Thăm nuôi trong nhà, một cán bộ trại đã ngồi sẵn. Như anh biết, bố tôi là người ít nói, và thú thật với anh, tôi cũng ít nói y như ông cụ vậy. "Mày có khỏe không?" "Dạ, con khỏe." "Mày có nhận ra ngay bố không?" "Dạ, con có nhận ra." "Mày đi ăn thịt gà, thịt gà này chú Phùng Quán làm cho mày đấy." "Mình có họ với chú Phùng Quán hả bố?" "Không, nhưng chú ấy xem tao như anh." Tôi xúc động ua nước mắt anh ạ, và cảm thấy hãnh diện về ông bố của mình, vì ông thân với Phùng Quán, một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, có những câu thơ tôi thuộc lòng từ ngày còn bé: "Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét; Dù ai cầm dao doa giết, cũng không nói ghét thành yêu ...". Gần Trong hai tiếng đồng hồ thăm nuôi, cha con tôi chỉ nói Vỏn vẹn có thế thôi Thời gian. Còn lại là của cán bộ trại, người cán bộ cứ Huyên Thuyên với

bố tôi về Hà Nội.

Hai hôm sau, khi được ra khỏi trại tù, tôi đến tìm bố ở một khách sạn ngoài Huế. Nhìn vẻ hoảng hốt của ông cụ khi thấy tôi trong bộ quần áo tù, ông hẹn tôi vội vàng là đến chiều ra cái quán cóc ở bờ sông Hương, tôi thấy thương quá bố. Buổi chiều tối, hai cha con ngồi nói chuyện với nhau. Tôi đã hơn 30 tuổi, đây là lần đầu tiên, hai bố con mới thật sự được nói chuyện với nhau. Đủ thứ chuyện lan man, nhưng tôi nhớ nhất câu hỏi của bố. Ông vừa cười vừa hỏi: "Mày ghét Cộng Sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn này?" Tôi nói: "Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó". "Thế mày bắn cả bố mày à ?"...

TVT: Trong thời gian chiến tranh, ở vị trí của người cầm súng, anh đinh ninh điều gì?
CXH: Có một điều, khoan hãy nói tôi đinh ninh điều gì. Ngoài ba mươi tuổi, tôi, ở lính hơn bảy năm và ở tù gần năm năm. Những kỷ niệm về chiến trận, những kỷ niệm về tù đây thì nhiều, nhiều lắm. Vui buồn đều có cả. Nhưng điều đáng nhớ nhất lại không ở chuyện đánh trận hay chuyện tù đây, mà lại là chuyện không bảo vệ được lãnh thổ, anh ạ.

Tôi kể anh nghe. Tết năm 74, tiểu đoàn tôi đang nằm ứng chiến ở Phú Bài, Huế, thì Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa. Hoàng Sa thuộc lãnh thổ Quân Đoàn I, tiểu đoàn tôi là lực lượng trừ bị của Quân Đoàn, được lệnh chuẩn bị ra đánh lấy lại Hoàng Sa. Đơn vị thủy xa của Sư Đoàn đã từ Sài Gòn ra đến Đà Nẵng, tiểu đoàn tôi đã ở trong tư thế sẵn sàng, đợi lệnh xuống tàu. Thủy Quân Lục Chiến đi lấy lại Hoàng Sa là đúng "chỉ số" rồi. Gì chứ đánh nhau để bảo toàn lãnh thổ, lính tráng túi tôi thằng nào cũng hào hức, tuy biết rõ rằng đi là chết, nhưng để đánh nhau Gianh lại đất nước, từ quan đến lính chúng tôi, thằng nào cũng hăm hở.

Nhưng, ngay lúc đó, mặt trận trong nội địa miền Trung, cùng lúc nở ro, những cuộc tấn công lớn của các đơn vị Bắc Việt đã cầm chân chúng tôi, chúng tôi đã không có lệnh xuất quân đến Hoàng Sa. Tin tức và hình ảnh về những chiếc tàu của Hải Quân trên đường ra cứu Hoàng Sa bị bắn chìm, những người lính đồn trú ở Hoàng Sa bị Trung Cộng bắt, rồi được trao trả từ tận ... bên Tàu, làm chúng tôi thấy nhục. Nhục chứ anh, địa danh nào trong tay Miền Bắc hay Miền Nam thì cũng vẫn là của người Việt Nam, Hoàng Sa bị Trung Cộng chiếm, mà không lấy lại, tôi nghĩ, miền Bắc và miền Nam cả, đều có tội với tổ tiên, với cha ông, dung tung cho hay đô hộ nô lệ Tàu hay Tây thì tội cũng ngang nhau "Một ngàn năm. nô lệ giác Tàu", Hoàng Sa còn. "Một trăm năm đô hộ giác Tây", Hoàng Sa còn. Ông cha ta chèo thuyền, giong buồm mà vẫn bảo vệ được những hòn đảo nhỏ xíu ở tit tận mù khơi. Vậy mà bây giờ, quân đội hai miền tự nhận là thiện chiến nhất nhì thế giới, lại bỏ mặc một phần lãnh thổ rất nhiều vào tay ngoại bang. Tôi hỏi anh chứ, chính anh, anh có thấy nhục không? Một trăm năm, một nghìn năm nữa, hay đến tận bao giờ chúng ta mới lấy lại được Hoàng Sa? Đã mất, hay sẽ còn mất thêm?

Mà thôi, anh cũng định hỏi tôi tại sao có ông bố ở ngoài Bắc mà lại đi cái thứ lính đánh dữ ấy phải không? Giản dị lắm anh ạ. Vốn dĩ tôi là người ghét chiến tranh. Tôi rất buồn chuyện anh em, vì ở hai miền của đất nước mà phải bắn giết lẫn nhau. Tuy nhiên, vì yêu tự do và chống mọi hình thức độc tài, tôi đi lính. Mà đã đi lính, thì đương nhiên phải là lính "thứ thiệt". Tôi gia nhập vào một binh chủng chỉ nhận những người tình nguyện, chuyên những trận đánh lớn, dữ dội mang tính quyết định ở từng mặt trận. Thú thật với anh, tôi đánh trận thuộc loại cừ, và ở một đơn vị thiện chiến nhất nhì của miền Nam. À, anh vừa hỏi tôi đinh ninh điều gì trong vai trò người lính? Thưa anh, trong suốt thời gian ở nhà binh, tôi vẫn chỉ đinh ninh một điều, là sẽ có cuộc Bắc tiến, tiếp thu Hà Nội, và, như trong một câu hát: "giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu". Ấy thế mà ...

TVT: Thế sau đó, hai cha con có gặp lại nhau không?
CXH: Bố có vào Sài Gòn thăm tôi mấy lần, nhưng tôi chỉ được gặp và loanh quanh với bố vài

ngày. Lần cuối bố vào, tôi đang trốn vì bị công an lùng về tội tổ chức vượt biên. Chẳng cần phải nói lý do vượt biên, tôi chỉ vắn tắt với anh là tôi không có tiền "mua" một chỗ trong các vượt biên chuyến, và cũng không thể giao mạng cho mình ai được, nên phải tổ chức lấy cho chắc ăn . Khi bố và cả gia đình ngoài Bắc vào, tôi không dám đến gặp, vì công an vây luôn cả khách sạn chỗ bố ở. Khi đi, tôi tưởng sẽ không bao giờ còn được gặp bố nữa.

TVT: Bây giờ mọi chuyện đã dễ dàng, có anh thường xuyên thư từ cho ông già không?
CXH: Thế à? Mọi chuyện đã dễ dàng thật à? Tôi vốn lười viết thư, hơn nữa, thời buổi này, điện thoại là tiện nhất, phải không anh? Thỉnh thoảng tôi có gọi về Hà Nội thăm bố, nhưng ông cụ bảo Tốn tiền, chỉ nói vài câu là cúp máy. Mẹ hiện đang ở Úc, cứ thường xuyên Giục tôi gọi thăm bố. Mẹ vẫn bảo: "Chuyện tôi với bố anh là chuyện riêng của tôi với bố anh Còn bón. Phận của anh là anh phải thăm nom bố anh."

TVT: Ông già đã cao tuổi rồi, anh có tính làm một cái gì đó cho vui lòng bố không?
CXH: Tôi rất muốn, và bố cũng muốn, khi có điều kiện, đón ông cụ sang Mỹ chơi một chuyến, gọi là dối già ấy mà anh. Năm ngoái, tôi có về Hà Nội thăm bố. Bố tôi đã lớn tuổi, không còn khỏe, và không còn viết nữa. Tôi được biết là ngày trước, trong thời gian vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, bố bị cấm sáng tác. Anh tưởng tượng, một người làm thơ, sức sáng tác dồi dao mà không được viết thì buồn biết là chừng nào. Dường như bố vẫn cứ làm thơ, thơ làm cho riêng mình. Bà bác tôi là người duy nhất thuộc tất cả những bài thơ bố làm, tôi muốn trong một quyển thơ cho bố, nhưng khi tôi về đến Hà Nội, bác tôi đã mất mấy năm trước rồi!

TVT: Cám ơn Cao Xuân Huy rất nhiều! Trước đây nghe mãi cái câu quả đất tròn ... Khi về Hà Nội, kỳ này tôi lại có có đế đến thăm ông anh của tôi. Ông ấy cũng hồn nhiên lắm lắm tếu,. Lúc phụ nữ Hà Nội đua nhau du nhập một mặc váy, ông bài viết "Em ơi, Hà Nội váy!" chúng tôi mới bổ ngửa ra rằng ông ấy còn trẻ hơn tui mình.
Câu cuối cùng, anh có mơ ước gì về tương lai?
CXH: Mơ ước? Mơ quá đi chứ anh. Nhưng, đất nước đã thống nhất, đã hòa bình, vậy mà sự thù hận vẫn còn trong lòng của những thế hệ dính dự vào cuộc chiến, nên chuyện tôi mơ ước được sống thoải mái bên cạnh bố trong những ngày cuối đời của ông , vẫn chỉ là mơ ước.

***

(Lake Forest, một buổi tối đông bạn bè)
Trích đoạn bài của Lê Đăng Hoàng: "Một vài suy nghĩ xung quanh bài viết của Trần Trung Đạo" ...
Cái đáng tiếc nhất của quá khứ đối với chúng tôi là đã phải cầm súng bắn lại những người anh em của mình. Khi nhân viên quân sự cuối cùng của Mỹ rút khỏi Việt Nam, tháng 3 năm 1973, thì những gì đã xảy ra mới thực sự đúng nghĩa là cuộc nội chiến. Cũng phải thừa nhận rằng, có một cái gì đó thật là may mắn cho dân tộc Việt Nam, khi giai đoạn đó chỉ kéo trong khoảng 2 năm. Sẽ có nhiều người nhào nhào lên khi tôi đặt câu hỏi: tại sao ngày đó không có một bên nào muốn tìm giải pháp hòa hợp thực sự, mà chỉ nhảm nhảm nuốt gọn nhau bằng vũ lực.

Người cộng sản cực đoan thì cho rằng phải thống nhất để đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội. Người không cộng sản cực đoan thì cho rằng không thể chung sống với cộng sản, và nhân cơ hội đó phải ra sức hành quân tái chiếm lãnh thổ. Ai cũng la làng người kia vi phạm hiệp định. Có lẽ, những điều không may cho dân tộc Việt Nam lúc đó đã đến từ hai phía. Một đằng là từ chủ nghĩa cộng sản với lý thuyết đấu tranh giai cấp đã phủ nhận các giá trị truyền thống nhân bản của phương đông. Một đằng là từ phía những kẻ ngoại bang bám gót, mưu cầu tý lợi.

Tôi đã đọc và nghĩ rằng tâm sự của cựu trung úy, nhà văn Cao Xuân Huy, con trai cố nhà phê

bình đáng kính Cao Nhị, cũng là tâm sự của nhiều chiến binh khác trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa: "Có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó "(Trả lời phỏng vấn của Trần Văn Thủy).. Anh cũng như chúng tôi, phát điên lên khi nghe tin mất quần đảo Hoàng Sa. Và không riêng gì những người lính như chúng tôi và các anh, mà cả tất cả người Việt Nam nào cũng vậy, kể cả những cấp cao sĩ quan của quân đội (Bắc) Việt Nam. Nhân đây, tôi xin mạn phép anh LTH - một người bạn tôi, trích ra đoạn ghi chép của anh về một câu chuyện có thật. Người kể lại cho anh nghe chính là ông cụ, người đã thân sinh ra anh:

"... Khoảng 1h30 đêm, Tân Sơn Nhất vẫn ồn ào bởi tiếng động cơ máy bay. Trụ sở của phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, trong ban quân sự liên hiệp 4 bên nằm ở trại David dưới lớn cây lum. Vẫn còn nhiều phòng để đèn, có lẽ nhiều cán bộ vẫn chưa ngủ vì Trăn trở với công vụ riêng được giao. Ông cụ vẫn thức, tâm trạng đang xao động vì mới được cấp báo trên thông tin của BBC về việc Trung Quốc tấn công đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của ta. Chuông điện thoại vang lên. Người ở đầu dây bên kia nói:
"Chào anh L, anh xin lỗi vì đã làm mất giấc ngủ. Xin phép được tự giới thiệu tôi là đại úy ..., trợ lý của trưởng đoàn VNCH... Mong anh thứ lỗi vì anh chưa được cho phép, nhưng chúng tôi hỏi xin số máy bên tổng đài thành phố và muốn trao đổi với anh một chuyện quan trọng. "

"Xin lỗi anh vào đề ngay được không?" Cụ ngắt lời.
"Chắc anh có nghe tin hải quân Trung Cộng ... à xin lỗi Trung Quốc đã đánh chiếm quần đảo Tây Sa" (Hồi đó gọi theo tên gọi Trung Quốc..)
"Tôi có nghe."
"Chúng tôi muốn đề nghị các anh để cho 2 đoàn miền Nam và miền Bắc ngày mai cùng ra một thông cáo chung về hành động vi phạm pháp luật quốc tế này của Trung Quốc. Chúng ta đều là người Việt Nam, trước hành động đi lại vết xe đổ của biết bao Triều đại trước kia, nhà cầm quyền Trung Quốc lại một lần nữa muốn thách thức dân tộc Việt Nam ta. Tôi tin chắc các anh cũng như chúng tôi rất phần nộ trước tin này. Thật là có tội với cha ông nếu chúng ta để một tác đất của tổ quốc rơi vào tay ngoại bang. Chúng tôi mong các anh hãy đặt lợi ích dân tộc lên trên mọi định kiến về ý thức hệ nhau để bắt tay trong chuyện này. "
Ông cụ hơi ngỡ ngàng, sau giây lát, thấy cuộc điện thoại này mang một nghiêm chỉnh nội dung và với thái độ hoàn toàn vì tâm thành bình thường hay họ dùng thuật ngữ "Việt Nam Cộng Hòa", "Việt cộng" và " Bắc Việt ", Ben trả lời:" Tôi hiểu và chia sẻ với các anh về vấn đề này. Nhưng xin anh hãy để tôi trao đổi với trưởng đoàn và trả lời anh sau. "

Ông cụ nhạc máy trao đổi ngay với anh T (thủ trưởng của cụ). Lúc đó cả hai đều nhất trí rằng ra thông cáo chung với phía bên kia thì chắc chắn là không thể có được, nhưng trước sự kiện ngang ngành này của Trung Quốc ai mà không tức giận. Cuộc chiến đấu sắp Gianh được thắng lợi hoàn toàn, trong khi đó họ mồm leo leo anh em đồng chí rồi lại đâm ngay mũi dao vào sườn mình. Nhưng nguyên tắc của hoạt động ngoại giao đã buộc họ phải nén cảm xúc và nhất nhất Tuân theo nguyên tắc: hành động theo chỉ thị ở trên. Đêm đó ông cụ không ngủ được. Phần vì chờ xem anh T xong trao đổi với Hà Nội có ý kiến thế nào. Phần khác vì nỗi uất hận dân tộc, cùng với cái thứ tình cảm rất mơ hồ gọi là quốc tế cộng sản giang xé lòng trong.
Ngày hôm sau lúc gặp lại nhau ở phòng họp, ông cụ thấy anh T yên lặng lờ đi, dường như đêm qua 2 người không có chuyện gì trao đổi cả. Lại theo nguyên tắc, cụ cũng không hỏi gì. Sau này vào năm 1983 trong buổi lễ kỉ niệm 10 năm ngày ký hiệp định Paris, gặp lại anh T, lúc đó đã nghỉ công tác (nghĩa là sự kiện 1979 đã xảy ra rồi nên mức độ "an toàn" đã cho phép người ta cởi mở hơn về quá khứ) cụ hỏi lại câu chuyện ngày đó. Ông T ben sôi nổi nhắc lại:

"Dại cái mặt tôi, nghe lời anh, ngay lúc đó tôi gọi ra Hà Nội cho anh Sáu trao đổi với anh ấy về câu chuyện của thằng Ngụy (xin lỗi bạn đọc vì đây là từ ngữ của ông T) vừa gọi cho anh . Anh Sáu nghĩ một lúc rồi chậm rải dạy cho tôi bài học nhớ đời. Tôi cứ tưởng anh suy nghĩ lâu vì đây

là vấn đề tế nhị nên phải hành động thận trọng, hóa ra anh suy nghĩ vì phải tìm cách để dạy cho cấp dưới thế nào là bài học quốc tế vô sản. Anh bảo: "Tôi hết sức thất vọng vì anh. Tại sao lại có thể ngây thơ chính trị đến như vậy. Vấn đề mất quần đảo Tây Sa tôi cũng rất đau lòng. Nhưng sau này lịch sử sẽ gộp cái tội đó với cái tội đi đêm với đế quốc Mỹ thỏa thuận trên lưng chúng ta để xét hỏi những kẻ mang tư tưởng Đại Hán, phi vô sản.
Còn hiện nay bắt tay với chính quyền bù nhìn tuyệt nhiên không được. Chúng ta đang tranh thủ sự giúp đỡ của anh em để giải phóng miền Nam, đưa vấn đề này ra lúc này không có lợi cho cuộc kháng chiến của chúng ta. Vũ khí khí tài lương thực đều đi theo ngả Trung Quốc, họ gây khó dễ cho chúng ta biết chiến trường thì khó khăn Nhường nào. Không nên tham bát bỏ mâm. Phải có cái nhìn toàn cục. Giải phóng miền Nam xong chúng ta có thể làm được mọi việc khác. Cán bộ cỡ anh phải hiểu điều đó chứ. "

Ông cụ ngam ngui. Cho đến ngày nay ông cụ vẫn ân hận 2 điều. Một là, nếu ngày đó hải quân Sài Gòn quyết chiến với Trung Quốc Gianh lại Tây Sa thì chắc chắn miền Bắc sẽ im lặng. Họ (Sài Gòn) hoàn toàn làm được vì ngày đó hải quân Trung Quốc còn rất lạc hậu, và trang bị không hơn gì hải quân miền Nam. Ngắt nỗi không ai nói với họ điều đó cả. Từ trên xuống dưới còn đang lo đối phó với miền Bắc. Hai là cái tòa án lịch sử mà anh Sáu nói đến đó, có lẽ phải hàng trăm năm nữa mới mở. Lúc đó chẳng những anh Sáu và chúng tôi đã thành người thiên cổ lâu rồi mà cả cái bộ luật vô sản mà chúng ta định dựa vào đó để thưa kiện cũng bị chôn vui từ đời nào đời nao. "

Đọc…Nếu đi hết biển…chuyện đi, về
Đinh Từ Thức

Ghi chú: *Cuốn sách Nếu đi hết biển là tài liệu chính thức của chương trình nghiên cứu về cộng đồng người Việt hải ngoại do WJC/UMB thực hiện, được phát hành năm 2004 tại Hoa Kỳ dưới danh xưng "Chương Trình Nghiên Cứu của University of Massachusetts Boston". Tác giả của cuốn sách này ông Trần Văn Thuỷ, nhà đạo diễn phim ảnh của chế độ Cộng Sản tại Việt Nam, là nghiên cứu viên của năm thứ ba - năm cuối cùng của chương trình nghiên cứu.*

***

Tôi được nghe nói tới tập sách nhỏ "Nếu Đi Hết Biển..."như một công trình đáng chê trách, với một dụng ý nào đó. Tôi đã tự đề phòng, để khi đọc nó, đừng để ác cảm chi phối. Thế rồi, sau khi đọc, cảm tưởng khi gấp sách lại, là tập sách không đến nỗi như những gì tôi đã được nghe trước khi đọc.
Tên tác giả Trần Văn Thủy được trình bầy lớn hơn tên tựa sách, như kiểu các đại tác giả muốn cho người đọc chú ý vì tên người viết, trước khi tìm hiểu nội dung cuốn sách. Nhưng qua "Mấy Lời Rào Đón", tác giả đã nói về mình "tự biết đã là hèn lắm rồi".
Có lẽ tác giả phải rào đón kỹ, vì Nếu Đi Hết Biển ...không phải là đứa con hoàn toàn do ông sinh ra. Ông Trần Văn Thủy chỉ là người "đẻ mướn", phương tiện do Đại Học Massachusetts ở Boston cung cấp, mầm sống được cấy vào từ mấy nhà văn Việt Nam đang sống ở Mỹ.

Nội dung tập sách đã bàng bạc, phảng phất một niềm ước muốn hòa giải giữa những người Việt ở ngoài và trong nước, và ngụ ý chê trách chủ trương tiếp tục tích cực chống Cộng.

Ngoài bài giới thiệu bằng hai thứ tiếng Việt và Anh của ông Kevin Bowen, Giám Đốc Trung Tâm William Joiner Nghiên Cứu Về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh, thuộc Đại Học Massachusetts ở Boston, tập sách gồm bốn bài đầu của ông Trần Văn Thủy, và bảy bài sau, mỗi bài ghi lại cuộc phỏng vấn một nhà văn (6 Việt, 1 Mỹ); bài cuối cùng do một phụ nữ Việt Nam đã sống tại Mỹ từ năm 1968, ghi lại mảnh đời của mình bên lề cuộc chiến.

Chẳng hiểu có phải vì "đẻ mướn", tác giả đã có vẻ coi thường đứa con của mình. Trong bài đầu tiên "Mấy Lời Rào Đón", ông viết "nếu ai muốn tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương hoặc soi mói những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm xin hãy bỏ qua, đừng đọc tiếp". Viết sách mà khuyên độc giả đừng đọc, cũng là điều hiếm có. Nhưng rồi tác giả viết tiếp: "Ở đây tôi chỉ ghi chép lại đôi điều tôi nghĩ, tôi thấy, tôi trải qua cùng việc trò chuyện với một số trí thức, nhà văn hải ngoại". Chính câu này khiến tôi không thể bỏ qua tập Nếu Đi Hết Biển.... Tôi cũng cần ghi lại đôi điều tôi nghĩ, sau khi đã đọc những gì người khác nghĩ về một môi trường sinh hoạt, trong đó có mình.

Trong bài thứ hai, mang tiểu tựa cùng với tên sách Nếu Đi Hết Biển, tác giả viết: "Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên mộ thím tôi: '...Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình...' Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ không ít người Việt xa xứ 'qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi' mà cuối cùng không thể 'trở về quê mình, làng mình' được".

Tác giả khôn lắm, thay vì viết trong lịch sử chưa bao giờ xẩy ra chuyện hãi hùng khiến hàng triệu người bất cần mạng sống bỏ nước ra đi, ông đã giả ngộ như một người mù tịt về lịch sử, khiến điều ông trình bầy nhẹ đi. Trách người biết, ai trách người không biết. Rồi tác giả khẳng định ông biết rất rõ có không ít người Việt xa xứ đã không thể trở về. Điều này đưa tới hai thắc mắc, là số người về, và tại sao không về.

Theo thống kê, hàng năm có vào khoảng từ ba đến bốn trăm ngàn người Việt hải ngoại tới Việt Nam. Rải rác trên thế giới, theo con số của nhà cầm quyền Việt Nam đưa ra, có 2.7 triệu "Việt Kiều". Như vậy, số người thăm Việt Nam mỗi năm trên 10%, chỉ cần 10 năm để mọi người cùng đi Việt Nam, nếu đa số chỉ đi một vài lần. Số người tới Việt Nam đông, nhưng tôi nghĩ ông Thủy đã nói đúng, không ít người đã chưa thể trở về, và chỉ có rất ít người đã trở về. Những người kéo nhau đi du lịch Việt Nam, như đi du lịch Âu Châu, Á Châu, rồi lại trở về nhà mình ở Mỹ, Pháp, Gia Nã Đại, hay Úc, là những người đi Việt Nam, không phải về Việt Nam. "Đi" và "Về" là hai chuyện khác nhau, không nên lầm lẫn.
Hơn hai triệu người Việt đã rời Việt Nam, không phải để đi du lịch, nên họ không dễ dàng trở về. Họ đã phải liều mình lựa chọn giữa sống và chết, sẵn sàng chết để hy vọng được sống. Khi lý do khiến họ phải ra đi vẫn còn đó, họ không thể trở về. Hơn nữa, một người Việt ở Mỹ chẳng hạn, bất cứ lúc nào cũng có thể lên máy bay du lịch nhiều nước trên thế giới, không cần xin chiếu khán. Trong khi ấy, phải xin phép, có khi phải hối lộ để được tới Việt Nam. Và nhiều người có tên trong sổ đen, chẳng những không được về, họ mất cả quyền đi Việt Nam. Có ai trên thế giới phải xin phép mới được về nhà mình? Không về là phải.

Từ chỗ xác định nhiều người Việt không thể trở về, ông Trần Văn Thủy đã giúp người đọc tìm ra nguyên nhân, qua bài thứ ba "Một Bức Thư". Ông cho đăng lại lá thư của người bạn hồi niên thiếu, đã xa ông đúng nửa thế kỷ. Một người bạn "ngụy", tuy chỉ là sĩ quan biệt phái cấp nhỏ, "chẳng đánh đấm gì cả", cũng bị "cải tạo" ba năm, hai lần định tự tử, cuối cùng phải đi đạp xích lô. "Mình không quên được những bữa cơm ở vỉa hè với một đĩa cơm và một con cá khô. Nước mưa chảy từ cái mũ xuống ướt đẫm đĩa cơm như chan canh. Mình cũng không quên được những ngày đạp xích lô quần áo tả tơi. Khách hàng mình chở đôi khi là bạn bè cũ, đôi khi là học trò của mình hoặc những người bạn gái của mình".

Người bạn của ông Thủy đã chia sẻ với ông những nỗi lầm than cơ cực của những ngày làm Ngụy, nhưng "Những gì ở trong trại cải tạo mình xin miễn kể ra đây". Có thể chia sẻ với bạn nỗi

buồn, còn niềm đau, như vết thương đụng tới sẽ rướm máu, xin miễn nhắc tới. Chính cái điều xin miễn kể này, cùng với mấy chữ bình thản "Ông anh ruột của mình thì chết trong trại cải tạo" đã kể quá đủ.
Qua bài thứ bốn "Thầy Mù Xem Voi", ông Trần Văn Thủy đã kể lại mấy cuộc phỏng vấn bên trời Âu, như câu chuyện với ông già Nguyễn Văn Quý: "Câu hỏi thứ nhất, tôi hỏi là lý do và hoàn cảnh nào đã dẫn đến việc bác và gia đình sang định cư tại Tây Đức. Thì bác đã nói rất rõ bác là viên chức cao cấp của chế độ cũ, cho nên bác phải đi cải tạo rất cực. Khi được về lại Sàigòn, với tư cách là phó thường dân, hàng tuần bác phải đi trình diện, đấy là một điều rất đau khổ đối với bác, vì thế bác không ở lại được".
Ông Trần Văn Thủy kể tiếp: "Đến câu hỏi thứ hai: 'Nghe nói vào tháng 8, tháng 9 năm 1945 bác có mặt ở Hà Nội, bác có kỷ niệm gì đáng nhớ?' Có lẽ tôi khó tìm gặp được một người nào kể về Cách mạng tháng Tám, kể về ngày 2-9-1945 mà hào hứng, tình cảm, sinh động và da diết như bác.... Vậy mà khi qua câu hỏi thứ ba, tôi hỏi: 'Bác có thể kể về những giấc mơ gần đây của bác được không?'....Cái quái ác là ở chỗ tuy đã sống ở nước ngoài rồi, mà bây giờ, đêm đêm nằm mơ, bác chỉ mơ thấy hàng chục lần phải trở lại trại cải tạo. Sợ hãi, ú ớ, la hét: 'Ơ...ơ...Tôi đã hết hạn cải tạo rồi cơ mà! Đây, giấy ra trại của tôi đây. Tại sao cán bộ lại bắt tôi trở lại trại?' "
Vẫn lời kể của ông Trần Văn Thủy: "Thế rồi tiếp theo câu hỏi thứ tư: 'Về những người ham chống Cộng một cách cực đoan, bác nghĩ thế nào?'...bác Quý lại là người có thái độ thẳng thắn đáng kính trọng: 'Tôi không thích những chuyện bạo lực, những chuyện chính trị một cách hồ đồ, viển vông. Người ta chống Cộng kiểu sa lông, phòng trà. Có kẻ còn tệ hại hơn là vận động, thu tiền bỏ túi mình để...chống Cộng...'"

Trong câu hỏi thứ tư trên đây của ông Trần Văn Thủy có điều không ổn, đó là mấy chữ "Ham chống Cộng một cách cực đoan". Theo sự trình bầy của ông Trần Văn Thủy, cái chế độ đã và đang tiếp tục cai trị ở Việt Nam, có những người từ trẻ đến già, từ cấp nhỏ tới cấp lớn, đều phải đi cải tạo, và dù đã cải tạo xong, vẫn không được yên thân, đến nỗi, sau nhiều năm sống ở ngoại quốc, vẫn nằm mơ thấy nhũng chuyện hãi hùng của những ngày cải tạo. Một chế độ với những người dân từ bé "đâu có được học nói thật bao giờ" (trả lời của bà Phùng Hồng Thúy, thuyền nhân ra đi từ Hà Nội, định cư ở Đức). Chống một chế độ như vậy, là chuyện đương nhiên, một bổn phận, một chuyện "chẳng đặng đừng", đâu phải là thú vui. Chống Cộng, đâu phải là hốp-bi, mà gọi là ham? Còn chuyện bạo lực, hồ đồ, viển vông, đâu phải ai chống Cộng cũng như vậy. Cũng như những kẻ dùng chiêu bài chống Cộng để lấy tiền bỏ túi, đó là bọn lưu manh, đâu phải người chống Cộng.

Xin trích hai đoạn quan trọng trong bài "Thầy Mù Xem Voi" của ông Trần Văn Thủy: "Tôi xin nói thật lòng như thế này: Khi còn ở trong nước, tôi cứ nghĩ các khuyết tật mà xã hội Việt Nam có, thí dụ quan liêu, cửa quyền, bắt người khác nghĩ giống mình, áp đặt ý kiến là do cơ chế của chế độ chính trị, của một thứ 'chủ nghĩa xã hội'. Bây giờ ra ngoài, đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đọc nhiều, nhất là những báo chí chống Cộng cực đoan, tôi thấy không ít chuyện kinh hoàng. Ai mà không theo mình thì giần mặt, đánh đấm hoặc bắn bỏ. Thế tôi mới ngờ rằng cái bệnh hiếp đáp nhau, giẫm đạp lên nhau, bắt người khác phải phục tùng mình phải chăng đó là bệnh của dân tộc Việt? Nếu như đó là bệnh của một thể chế chính trị thì có thể sửa được, khi nó thay đổi tích cực lên thì những điều xấu ấy mất đi. Nhưng nếu đó là những khuyết tật của dân tộc thì thật là đau đớn vô cùng. Đè nặng lên trong tôi vẫn là cái cảm giác dân tộc mình khó mà khá lên được, khó lòng đuổi kịp các nước, dù là những nước trung bình trên thế giới. Đó là sự thật. Ai càng yêu nước nhiều càng buồn nhiều!"
"Hồi đó, phóng viên tờ Đức-Việt tại Franfurt/M đã hỏi tôi:'Thử nghĩ xa hơn một chút. Hiện tình là vậy thì lỗi lầm bắt nguồn từ đâu?' Thay vì trả lời, tôi kể lại một lần đối thoại ngắn ngủi với một nhà báo Cộng sản Pháp. Trong một buổi chiêu đãi báo chí tại Hà Nội cuối năm 1987, nhà báo nọ nâng ly chúc mừng hai bộ phim của tôi (Hà Nội Trong Mắt Ai, Chuyện Tử Tế) được công chiếu. Rồi ông nhún vai bảo rằng: 'Nhưng công bằng mà nói, các ông đổ lỗi cho Chính phủ, cho

Nhà nước của các ông nhiều quá.' Tôi hỏi: 'Ông là người ngoại quốc, có thể ông có cái nhìn tinh tế hơn?' Ông ta lại nhún vai: 'Cũng chẳng có gì đáng gọi là tinh tế cả. Phương ngôn Pháp của chúng tôi có câu: 'Nhân dân nào, Chính phủ ấy'. Các ông rất xứng đáng với Chính phủ của các ông!'" (những chỗ in nghiêng và chữ đậm là do tác giả TVT).

Cứ theo hai đoạn trên, tác giả cho thấy, không phải chỉ những tệ đoan trong nước, mà chính thói chống Cộng cực đoan của người ngoài nước, cũng phải chia sẻ trách nhiệm làm cho "dân tộc mình khó mà khá lên được". Rồi khi tìm nguyên nhân của tình trạng chậm tiến, ông Trần Văn Thủy đã khôn khéo dùng lời một nhà báo Cộng sản Pháp để bao che người cầm quyền, và buộc tội nhân dân: Các ông đã đổ lỗi cho Chính phủ, cho Nhà nước của các ông nhiều quá. Nhân dân nào, Chính phủ ấy, phải trách nhân dân trước khi trách Chính phủ mới đúng.

Nếu ông Trần Văn Thủy phải viết những điều ông đã viết, người ta có thể hiểu ông chỉ làm nhiệm vụ. Nhưng nếu đó là những suy nghĩ thành thực, như lời ông, người ta phải lấy làm tiếc, vì ông đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng đối với dân tộc ông. Việt Nam cũng có câu phương ngôn "rau nào sâu ấy" có thể thay thế cho câu "Nhân dân nào, Chính phủ ấy". Nhưng áp dụng câu này cho tình hình Việt Nam hiện nay là sai. Từ nửa thế kỷ qua đối với người dân miền Bắc, và từ 1975 đối với cả nướcViệt Nam, người dân không được tự do chọn lựa chính phủ của mình, sao có thể áp dụng câu Nhân dân nào, Chính phủ ấy? Hơn nữa, có thể nhìn vào chính quyền Quốc Xã của Hitler tại Đức, và chính quyền Quân Phiệt của Nhật thời Đệ Nhị Thế Chiến, phải chăng nhân dân Đức và nhân dân Nhật xứng đáng với những kẻ cầm quyền tàn ác đó? Tôi đang dẫn ông Trần Văn Thủy tới một hệ luận có thể ông không muốn nghe: Hai nước Đức và Nhật đã phát triển ra sao sau khi hai chính phủ độc tài bị dẹp? Còn Việt Nam? Ngoài ra, ông Trần Văn Thủy đi nhiều, chắc ông đã thấy, mấy triệu người Việt xa xứ, chỉ cần thoát khỏi vòng kiềm tỏa của những người đang đè đầu đè cổ hơn 80 triệu dân trong nước, họ đã vươn lên mau chóng, chỉ trong vài thập niên, họ đã đuổi kịp bất cứ ai. Vậy căn bệnh chậm tiến không phải bệnh dân tộc đâu. Ông thừa biết căn nguyên của nó.
Có thể nhà báo Cộng sản Pháp và nhà làm phim Cộng sản Việt đã đi xa hơn, sâu sắc hơn, khi áp dụng câu phương ngôn "Chính phủ nào, Nhân dân ấy". Có thể các ông muốn nói: Một Chính phủ xấu như vậy mà nhân dân các ông vẫn chịu khuất phục, không đứng dậy loại bỏ nó đi, thì các ông ráng chịu. Nhân dân nào, Chính phủ ấy. Trong trường hợp này, có lẽ các ông có lý. Ông Trần Văn Thủy nói rằng, nhờ đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đọc nhiều, "nhất là những báo chí chống Cộng cực đoan, tôi thấy không ít chuyện kinh hoàng". Rất tiếc, ông đã không gặp, tìm hiểu và ghi lại đối thoại với những người ông liệt vào hạng chống Cộng cực đoan, nên không biết họ có bao nhiêu, và nguyên nhân nào khiến họ làm như vậy. Chỉ trích những người cực đoan, nhưng gặp toàn người ôn hòa, khiến sự chỉ trích thiếu cụ thể, và công trình tìm hiểu thiếu toàn diện. Tuy nhiên, quan điểm của quý vị ôn hòa mà ông Thủy đã gặp, cũng có nhiều điều đáng nói.

Câu chuyện gia đình của ông Cao Xuân Huy, đọc mà đau. Tuy bố ông đi kháng chiến, nhưng ông ngoại bị đấu tố, chỉ vì là thầy giáo giỏi tiếng Pháp. Bố về thành, vì thuộc thành phần tư sản, không thể bảo đảm để mẹ ông ở lại Hà Nội. Gia đình ly tán, kẻ Bắc, người Nam. Sau 1975, con đi cải tạo. Rồi tới chuyện "một ngàn năm đô hộ giặc Tầu", Hoàng Sa còn. "Một trăm năm đô hộ giặc Tây", Hoàng Sa còn. Nhưng ba mươi năm "độc lập", Hoàng Sa mất. "Tự do" bố không được gặp con. "Hạnh phúc" quà gửi cho con bị cán bộ ăn cắp. Nếu cái xác khô ông Hồ còn chút liêm sỉ, chắc cũng đã phải trở mình nằm sấp, che mặt để đỡ xấu hổ.

***
Câu chuyện giữa ông Trần Văn Thủy với nhà văn Nhật Tiến…

(xem "Trò chuyện với Nhật Tiến - 1" - trang 15)

***

Qua cuộc nói chuyện với ông Trần Văn Thủy, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, ngoài nhận xét về mấy "thói hư tật xấu" trong sinh hoạt cộng đồng, như "tố cáo, mạ lỵ, chụp mũ tưng bừng lẫn nhau, người oan, kẻ ưng cá mè một lứa", bà đã dùng một cuốn sách về tập thể những người Tiệp tỵ nạn trước kia, để nói rằng tập thể những người Việt tỵ nạn cũng có hành vi tương tự, như: "Lâu lâu lại phải đọc tuyên cáo này, tuyên cáo nọ, lên án bọn cộng sản trong nước và tay sai ngoài nước....lâu lâu lại có biểu tình lẹt đẹt vài người..." Bà còn không thích "những người hô khẩu hiệu, ở trong nước hay ngoài nước". Đâu phải ai cũng là nhà văn, nhà báo, lúc nào cũng có khả năng và phương tiện phổ biến quan điểm của mình, nên chỉ còn cách ra tuyên cáo, đi biểu tình và hô khẩu hiệu. Ngoài ra, "biểu tình lẹt đẹt vài người" là một sinh hoạt chỉ có được tại các nước thực sự tự do. Rất đáng quý, và không nên chê trách. Về những người hô khẩu hiệu cũng vậy, nếu thiếu họ, chắc chắn ngày nay Cộng Sản vẫn còn đang ngự trị tại Liên Xô và Đông Âu.

Bà Hoàng Bắc đã căn cứ vào một cuốn sách khác, để nhân định về những người đàn ông tỵ nạn, đến từ các quốc gia chậm tiến: "Để xây dựng bản thân trong xã hội mới, thay vì nỗ lực hội nhập và vươn lên trong từng bước với sự kiên nhẫn, nhiều người lao vào và bỏ nhiều thì giờ, sức lực và ngay cả tiền bạc để tạo nên những địa vị giả...." (NĐHB, tr. 89). Nhưng chỉ 3 trang sau đó, bà Hoàng Bắc đã nhận định "...Việt Nam được coi là cộng đồng tương đối có nhiều thành công trong việc hội nhập xã hội mới" (sđd. tr. 92). Nếu cộng đồng Việt Nam chỉ toàn những người chuyên chạy theo "địa vị giả", làm sao có thể thành công thật được?
Bà Hoàng Bắc còn nói rằng, tại California, "hiện tượng chính phủ lưu vong mọc lên như nấm". Nhận xét này có vẻ xa sự thật, và khôi hài hóa những hoạt động hữu ích của cộng đồng tỵ nạn nói chung. Bao nhiêu ngàn người đã thoát cảnh tù đầy để tới Mỹ định cư theo diện HO. Chính phủ Mỹ và nhiều nước khác đã không tự ý mở tay đón thêm người tỵ nạn, nếu không có sự vận động hữu hiệu của cộng đồng Việt. Dầu sao, bà Hoàng Bắc cũng đã tỏ ra công bằng, khi chỉ trích cả cộng đồng tỵ nạn lẫn sinh hoạt trong nước. Nhưng trong khi những khuyết điểm ở trong nước đã khiến bà phải ra đi, rồi lại khinh rẻ cái cộng đồng mình đã lựa chọn để sinh sống ở hải ngoại, nếu phải làm như vậy để tỏ ra công bằng, chính điều này lại là một bất công.

***

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã nhận định về thế hệ những người tỵ nạn ra đi từ năm 1975: "Những người Việt thuộc thế hệ này cho đến nay vẫn còn mơ ước phục hồi lại một nước VNCH cũ với đầy đủ các cơ chế nhà nước của nó, để họ trở lại vai trò tướng lãnh, dân biểu, nghị viên...." Người viết cũng là người ra đi từ năm 1975, và có nhiều bạn bè "thuộc thế hệ này", nhưng chẳng thấy ai mơ ước như vậy. Cho nên, nếu quả thật có những người như thế, không phải họ chỉ mơ ước, họ đang sống trong mơ. Không nên lấy giấc mơ triền miên của một vài người, nếu có, để giải thích cuộc sống của cả một tập thể mấy trăm ngàn người.
Ông Nguyễn Mộng Giác phát biểu thêm: "Sinh hoạt chính trị mặt nổi của các cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, Canada, Úc đều có nét tương tự là tạo cái không khí huyễn tưởng như mình còn sống dưới thời VNCH, một thứ VNCH nối dài với nghi thức chào cờ, hát quốc ca, mặc niệm, chào kính theo cấp bậc cũ....Thế hệ này không muốn hình ảnh quê hương đó bị thay đổi theo thời gian. Họ sợ về lại Việt Nam vì biết chắc đã về thì thế nào hình ảnh ấy cũng bị hình ảnh khác thay thế, và họ phải thích nghi với hình ảnh mới. Để biện minh cho quyết tâm nhất định không về ấy, một quyết tâm thôi thúc về tâm lý hơn là do lập trường chính trị, thế hệ này thường đưa ra một lối giải thích rất đúng lập trường: là họ chỉ trở lại quê hương sau khi quê hương không còn bóng cộng sản nữa".

Ông Nguyễn Mộng Giác không thuộc lớp người ra đi từ năm 1975, ông cũng không dựa trên một chứng cớ hay tài liệu nghiên cứu giá trị nào, bỗng dưng ông làm công việc phân tích tâm lý

tập thể này, rồi gán cho người ta đủ thứ ý nghĩ kỳ quặc. Đó là điều người thận trọng không nên làm. Chào cờ, hát quốc ca, là một nghi thức thiêng liêng, được cử hành để biểu dương sự tôn kính đối với quốc gia, không phải hành vi nứu kéo một chế độ không còn nữa. Cũng như việc cúng cơm hay hoa quả trên bàn thờ người quá vãng, không phải là "nối dài" mạng sống của người chết. Việc chào nhau theo cấp bậc cũ, chẳng hiểu tại các nước khác ra sao, còn ở Mỹ, cũng là chuyện thường tình đối với mọi người. Chỉ trên giấy tờ chính thức, người ta mới thêm mấy chữ "cựu" vào trước các chức vụ cũ, như "cựu tổng thống, cựu chủ tịch..." hay hai chữ "hưu trí" vào sau các cấp bậc trong quân đội, như "Tướng X...., ht". Còn khi chào nhau, người ta vẫn dùng chức vụ hay cấp bậc cũ. Ngoài ra, nếu ông Nguyễn Mộng Giác chịu bỏ chút thì giờ, làm một cuộc thăm dò chớp nhoáng, ông sẽ biết được có rất nhiều tướng tá ra đi từ năm 1975 đã đi du lịch Việt Nam, chẳng phải một mà nhiều lần. Còn với những người cho đến nay vẫn nhất định không về, vẫn giữ vững lập trường, chỉ về khi cộng sản không còn nữa, đó là những người đáng kính phục, tại sao lại chê trách? Cộng Sản là lý do khiến người ta phải ra đi, trong số này, có cả ông Nguyễn Mộng Giác. Nay, Cộng Sản, cái lý do khiến người ta phải ra đi, vẫn còn đó. Ngay cả ông Nguyễn Mộng Giác cũng chưa muốn về sống dưới ách cai trị của Cộng Sản. Nếu chưa thể trở về sống tại Việt Nam, trừ những lý do đặc biệt như thăm viếng cha mẹ, vợ con, tại sao lại về nhìn cái bản mặt dơ dáy của chúng?

Việc ông Nguyễn Mộng Giác gán cho lớp người ra đi từ năm 1975 những ý nghĩ và hành động hầu như hoàn toàn do trí tưởng tượng của ông, có vẻ phù hợp với với lời thú nhận của ông, liên quan tới địa hạt sách vở trước đây: "Những tiên đoán lạc quan ấy, như thời gian đã chứng minh, đều sai. Đều lạc quan tếu. Vì nghĩ cho cùng, cả tôi lẫn cô MN đều không dựa vào dữ kiện chính xác nào cả, chỉ mong ước sao thì đoán vậy." Ít ra ông Nguyễn Mộng Giác cũng còn tỉnh táo đủ để nhận ra những sai lầm của mình. Hy vọng lần này, thời gian cũng sẽ chứng minh những suy đoán của ông đều sai, vì không dựa vào dữ kiện chính xác nào cả.
Ông Nguyễn Mộng Giác chê trách những người không chịu về, vì tình hình Việt Nam đã thay đổi rồi, không còn như trước nữa. Nhưng ông lại kể ra những điều xấu vẫn còn nguyên, khiến chính ông cũng có cảm giác "không thoải mái": "đọc một tờ báo trong nước (nhất là vào những dịp lễ lạc kỷ niệm chiến thắng này chiến thắng kia), tôi không có cảm giác thoải mái (y như một bạn trẻ lớn lên ở miền Bắc đang ở Đông Âu đọc tời báo Việt ngữ xuất bản ở đây). Cách dùng chữ, nhất là khi đề cập tới quân nhân chế độ VNCH là đối phương trong cuộc chiến tranh đã qua, vẫn mang nặng tính miệt thị, hằn học đầy sắt màu không nên có nơi cửa miệng kẻ chiến thắng. Truyện, hồi ký, bút ký, vẫn đầy dẫy những 'thằng ngụy'này, 'con ngụy' kia".
Hình như dưới mắt ông Nguyễn Mộng Giác, chỉ có một thứ "kẻ chiến thắng". Thật ra, có nhiều kẻ chiến thắng khác nhau. Thắng trận trong một cuộc chiến có chính nghĩa, như quân Đồng Minh thời Đệ Nhị Thế Chiến, là kẻ chiến thắng. Thắng trận trong một cuộc chiến xâm lược, như quân Stalin cướp nước Ba Lan, Hung Gia Lợi và Tiệp Khắc, cũng là kẻ chiến thắng. Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam là bọn chiến thắng thuộc hàng con cháu Stalin và Mao Trạch Đông. Mong mỏi họ hành động có tư cách như những kẻ chiến thắng có chính nghĩa, là điều không tưởng. Và càng không tưởng hơn, khi tận mắt nhìn thấy họ không hề thay đổi, mà vẫn cứ dối lòng mình rằng họ đã thay đổi.

Tiếp tực câu chuyện với ông Trần Văn Thủy, ông Nguyễn Mộng Giác đã nhắc lại sự việc trên ở một đoạn sau: "Tôi cảm thấy bị xúc phạm khi đọc những hồi ký hay truyện ngắn của những cây bút Miền Bắc. Trong say sưa của kẻ thắng, họ kể những chiến công, thành tích của quá khứ, điều đó không có gì đáng bàn. Điều đáng bàn, là khi nói tới đối phương (là quân đội Miền Nam, người dân Miền Nam), họ vẫn dùng những nhân xưng miệt thị như "y", "hắn", "chúng", "bọn ngụy", "thằng ngụy" y như trong thời chiến tranh".
Phản ứng của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, cũng giống như nhận xét của nhà văn Nhật Tiến về sách báo ở Việt Nam: "văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng 'dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào'". Những thợ

viết văn viết báo ở Việt Nam vẫn tiếp tục "miệt thị, hằn học đầy sắt máu", vẫn viết "thằng ngụy này", "con ngụy kia", không phải họ là những nhà văn nhà báo tư nhân có tự do sáng tác. Họ là những cán bộ viết theo đường lối của Đảng. Chừng nào Đảng không thay đổi, họ không thể viết khác. Điều này chứng tỏ Bộ Chính Trị không thay đổi, không chủ trương hòa giải. Những thay đổi đang diễn ra ở Việt Nam chỉ là sự xáo trộn bên ngoài, khi giá trị tiền bạc thay cho giá trị đạo đức. Về chủ trương đường lối Đảng CS vẫn giữ nguyên như cũ, vẫn độc quyền cai trị, độc quyền ngôn luận; người chỉ trích chính quyền vẫn tiếp tục đi tù.

***

Trong khi trả lời phỏng vấn của ông Trần Văn Thủy, ông Hoàng Khởi Phong có so sánh…

(Xem "Phỏng vấn Hoàng Khởi Phong" của Đinh Từ Thức trang 72)

Người viết tưởng đã nhận xét đủ về về quan điểm của ông Trần Văn Thủy, qua bốn bài của ông ở đầu sách,nhưng vẫn phải quay lại với ông, qua một câu hỏi ông dành cho nhà văn Trương Vũ: "Trước khi sang đây, tôi cứ nghĩ rằng, khi sống trên một đất nước có tự do dân chủ, với một đời sống vật chất cao, con người có thể trở nên khoan dung với nhau hơn. Chạm với thực tế, tôi thấy không hoàn toàn đúng như vậy. Tại sao lại có những hiện tượng một số người ở hải ngoại chống đối rất dữ dằn bất cứ ca sĩ nào ở trong nước ra trình diễn, dù là những ca sĩ rất trẻ sinh ra sau 1975? Tôi cũng rất buồn khi đọc một số báo chí ở hải ngoại viết thiếu chân thực cũng như rất thiếu tình người về những gì không may xẩy ra ở Việt Nam. Như vụ hỏa hoạn xẩy ra ở khu Thương xá Tam Đa, người ta hân hoan đưa những tin tang tóc, buộc tội chính quyền trong nước. Nhưng vừa xẩy ra một vụ hỏa hoạn khủng khiếp không kém ở The Station Nightclub tại tiểu bang Rhode Island, hàng trăm người chết, cháy rụi cả một khu vực, liên quan đến trách nhiệm của nhiều quan chức, có thể phải bồi thường hàng tỷ Mỹ kim, không thấy báo Việt ngữ nào săn đón tin này để lên án chính phủ Mỹ cả. Tôi thiết nghĩ người ta có thể ghét một chế độ, không ưa một tập thể cầm quyền, nhưng làm sao lại có thể tàn nhẫn với đồng bào mình như vậy?" (NĐHB tr.138)

Trước đây, tôi cứ nghĩ rằng, khi sống trên một đất nước thiếu tự do dân chủ, với một đời sống vật chất thấp, con người có thể trở thành lú lẫn, tối dạ đi. Chạm thực tế, qua việc đọc câu hỏi trên đây của ông Trần Văn Thủy, tôi thấy hoàn toàn đúng như vậy. Trước hết, sở dĩ có hiện tượng một số người ở hải ngoại chống đối ca sĩ ở trong nước ra trình diễn, dù là những ca sĩ rất trẻ sinh ra sau 1975, vì không phải người ta chống cá nhân bất cứ ca sĩ nào, mà chỉ chống những ca sĩ người ta tin rằng đã được nhà cầm quyền Cộng Sản tổ chức, đưa ra hải ngoại trình diễn với mục đích tuyên truyền. Một ca sĩ sinh ra trước, hay sau năm 1975, đâu có khác gì, nếu người đó được dùng như một công cụ địch vận? Về vụ này, ông Trần Văn Thủy đã theo dõi sinh hoạt báo chí Việt Nam tại hải ngoại, mà không để ý tới lời phát biểu của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, tại Đại Hội Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại, vào mùa Xuân năm 2003: "Chính vì mục đích muốn làm tinh thần chống Cộng này nguội bớt, xẹp bớt, Đảng tung ra các đoàn ca vũ nhạc, tuồng chèo, cải lương, vọng cổ, ca trù, múa rối, triển lãm tranh ảnh nghệ thuật, có thể có cả xiếc, nhằm tạo ra ảo giác về một chế độ hiền hòa, tươi vui."
Về tiêu chuẩn loan tin tai nạn, báo chí tự do và báo chí độc tài hoàn toàn khác nhau. Tại một nước độc tài toàn trị, như Liên Xô trước đây, hay Cuba và Việt Nam ngày nay, những tin tức thuộc loại "thắng lợi" mới đăng lớn, còn tin về tai nạn thường bị ém nhẹm, hay chẳng đặng đừng, rút gọn tới mức tối đa, sợ nhà cầm quyền bị mang tiếng. Ví dụ tai nạn khủng khiếp tại nhà máy điện nguyên tử ở Chernobyl , Ukraine, Liên Xô vào năm 1986. Ngược lại, báo chí tự do, tai nạn càng lớn, càng loan tin lớn, vì liên hệ tới nhiều người, và để nạn nhân được chú ý nhiều, được giúp đỡ hữu hiệu hơn. Có lẽ vì vậy, khi thấy báo chí hải ngoại loan tin lớn vụ cháy Thương xá Tam Đa, ông TVT đã cho là "người ta hân hoan đưa những tin tang tóc, buộc tội chính quyền trong nước". Ông TVT còn hạch hỏi tại sao báo Việt ngữ không lên án chính phủ

Mỹ trong vụ cháy Nightclub ở Rhode Island? Hỏi như vậy, cũng tương tự như hỏi tại sao mỗi năm người Việt hải ngoại gửi về nước mấy tỷ MK, mà sao không gửi về giúp dân Lào và Căm Bốt? Sau hết, loan tin lớn về một tai nạn thảm khốc, và buộc tội giới hữu trách vô trách nhiệm trước tai nạn đó, như vậy là "tàn nhẫn với đồng bào mình"?

Câu hỏi dài thoòng của ông Trần Văn Thủy đã được ông Trương Vũ trả lời cũng khá dài, xin được ghi lại đây phần chót của câu trả lời: "Theo tôi, những hận thù, mâu thuẫn giữa anh em lẽ ra đã phải được chấm dứt ngay sau khi chiến tranh kết thúc vào 30 tháng Tư 1975. Thế nhưng, thay vào đó lại là những trại tù, mang tên là trại cải tạo. Rồi đổi tiền, rồi 'kinh tế mới', rồi ăn cơm độn trên một đất nước vốn xuất cảng lúa gạo, rồi những đối xử phân biệt, rồi cả triệu người đành phải nhào xuống biển bất kể có phải làm mồi cho cá hay hải tặc. Tôi không thấy có bao nhiêu giọt nước mắt dành cho họ. Tôi chỉ đọc được rất nhiều những trang sách báo kết án 'bọn phản quốc', 'bọn từ bỏ tổ quốc'. Sau bất cứ một cuộc chiến nào, người thắng trận dễ chìa bàn tay để hòa giải hơn người bại trận. Người thắng trận, tôi muốn nói người có quyền và thắng trận, đã không làm chuyện đó mà còn làm ngược lại".

Đọc xong câu nói trên đây của ông Trương Vũ, rồi đọc lại câu chót trong câu hỏi của ông Trần Văn Thủy, sẽ thấy vô cùng thấm thía: "Tôi thiết nghĩ người ta có thể ghét một chế độ, không ưa một tập thể cầm quyền, nhưng làm sao lại có thể tàn nhẫn với đồng bào mình như vậy?" Bây giờ, chắc ông TVT đã vỡ lẽ ai là kẻ tàn ác.

Ông Trương Vũ đã tả lại "ngày về" của mình: "Cả một loạt bạn bè giáo chức của tôi là những người đã được đào tạo rất kỹ ở trong Nam, nhiều người giỏi hơn tôi, nhưng không một ai được lên đến chức hiệu trưởng một trường trung học, dù là một trưởng trung học nhỏ, trừ một vài người, tuy không giỏi nhưng có thân nhân tập kết. Lúc tôi trở về, chiến tranh chấm dứt đã 26 năm rồi. Lúc đó, vào dịp kỷ niệm 30 tháng Tư, đài truyền hình chiếu nhiều phim về 'lính ngụy', bọn 'lính ngụy' trông thật là ác ôn! Tôi, tên 'lính ngụy' 25 năm trở về, nhìn hình ảnh 'mình' trên truyền hình, cười ra nước mắt. Nhưng nói chung, tôi rất mừng là tôi đã trở về". Thật ra, ông Trương Vũ đâu có thực sự trở về Việt Nam. Ông đã "đi Việt Nam", như nhiều khách du lịch khác, rồi lại "về Mỹ" với gia đình. Ông đã vui mừng được gặp lại người xưa cảnh cũ. Nhưng niềm vui không trọn vẹn, vì lý do khiến ông phải ra đi vẫn còn nguyên, "vẫn còn những cái không thay đổi chút nào". Dù vẫn tha thiết với tình nghĩa Việt Nam, 25 năm trước ông Trương Vũ "đi Mỹ", bây giờ ông "đi Việt Nam", và "về Mỹ".
Khi ông TVT hỏi về hòa hợp hòa giải, ông Trương Vũ trả lời: "Người Việt không phải là loại người thù dai, không có một nền văn hóa hay những tôn giáo khích động sự thù dai". Ngay sau khi ghi nhận tình trạng hơn một phần tư thế kỷ sau chiến tranh, người cầm quyền Cộng Sản Việt Nam vẫn đối xử với quân dân Miền Nam cũ như một thứ công dân hạng nhì, hạng ba, thế mà ông Trương Vũ nói người Việt không phải là loại người thù dai, không có văn hóa thù dai. Một là ông Trương Vũ đã sai. Hai là tập đoàn đang cầm quyền không còn là người Việt nữa. Cũng giống như các ông Nhật Tiến và Nguyễn Mộng Giác, ông Trương Vũ đã cảm thấy buồn lòng khi gần ba thập niên sau cuộc chiến, các cán bộ thông tin văn hóa của Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tực dùng loại ngôn ngữ đầy miệt thị đối với quân dân Miền Nam, trong khi nhà cầm quyền có thái độ thân thiện với Đại Hàn, và Mỹ: "ngày nay lãnh đạo Việt Nam không còn xem người Đại Hàn là 'bọn lính đánh thuê Phác Chính Hy'nữa mà là bạn tốt thì cách ứng xử với nhau cũng thay đổi theo, và sự thay đổi đó được chính thức công nhận và khuyến khích. Đối với người Mỹ cũng vậy....Một điều khôi hài là báo chí Việt Nam có thể đăng hình một cựu chiến binh Miền Bắc trong bộ quân phục của Quân Đội Nhân Dân ôm một anh cựu chiến binh Mỹ trong bộ quân phục của Quân Đội Mỹ, nhưng không biết bao giờ chúng ta mới thấy một hình ảnh như vậy giữa một anh cựu chiến binh Quân Đội Nhận Dân Việt Nam với một anh cựu chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa?"

Nhận xét của ông Trương Vũ rất dễ hiểu. Bọn cầm quyền hiện nay ở Việt Nam chỉ còn biết có quyền lợi. Mỹ và Đại Hàn vốn là kẻ tử thù, nhưng họ có nhiều tiền, nên được o bế. Trong khi quân dân VNCH cũ, có đồng nào đã bị Đảng càn quét mấy đợt hết sạch, còn gì đâu để được đối xử tử tế. Ông Trương Vũ còn nói thẳng: "Lãnh đạo trong nước thì rõ ràng là chưa thực lòng hòa hợp hòa giải. Nó chỉ nằm trên khẩu hiệu và nghị quyết". Ông đã nhận xét đúng, nhưng đặt vấn đề sai, khi cho rằng: "Phần còn lại bây giờ chỉ là nỗ lực hàn gắn giữa những người Việt bình thường với nhau". Giữa người Việt bình thường, đâu có hận thù, đâu có đổ vỡ mà cần hàn gắn? Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, những kẻ gây ra hận thù, phải đi bước đầu và thực tâm hòa giải. Gần 30 năm rồi, họ vẫn ngoan cố không chịu làm việc này, người dân bình thường chỉ còn cách đuổi họ đi.

***

Ngoài một số nhà văn gốc Việt, ông Trần Văn Thủy còn phỏng vấn một nhà văn Mỹ gốc Do Thái, kiêm giáo sư văn chương tại một đại học Mỹ, đó là ông Wayne Karlin. Ông này trước đây đã từng tham chiến ở Việt Nam, với nhiệm vụ một xạ thủ trên trực thăng. Ông Wayne Karlin đã đề cao tình người, vô cùng tha thiết với vấn đề hòa hợp hòa giải. Ông nói rất cảm động, như chính bản thân ông là người Việt Nam: "...bất cứ ai, ở phe nào, cũng đã mất mát nhiều trong chiến tranh Việt Nam. Cái đau khổ của chúng ta chỉ kéo dài mà thôi, nếu chúng ta tiếp tục đi tìm công bằng tuyệt đỉnh. Chúng ta không thể chờ đợi công bằng trong lãnh vực chính trị, mà phải đi tìm tình yêu và thông cảm của con người. Tôi nhớ một câu tôi thường nghe lúc dân chúng ở đây phản đối cách đối xử anh Rodney King: 'Không có công bằng thì không thể nào có hòa bình.'Nhưng nếu ai cũng muốn được công bằng tuyệt đỉnh, thì tôi nghĩ không bao giờ chúng ta có hòa bình. Đau khổ đã lâu rồi, đây chính là lúc chúng ta nên hòa hợp hòa giải". (NĐHB tr.162)
Người viết đã có dịp đề cập tới trong phần nhận định về lời phát biểu của nhà văn Nhật Tiến, rằng hận thù bắt nguồn từ bất công. Nay ong Wayne Karlin nói rằng, chúng ta sẽ kéo dài sự đau khổ, nếu tiếp tục đi tìm công bằng tuyệt đỉnh. Nếu bất công là nguồn gốc của hận thù, nguyên nhân của đau khổ, đi tìm công bằng, là tìm thuốc chữa. Nhưng ông Wayne lại khuyên phải thôi tìm thuốc chữa, để khỏi đau khổ. Lời khuyên khá lạ, nếu không coi như mâu thuẫn. Có lẽ ông không chống lại việc đi tìm công bằng, nhưng chỉ tìm loại công bằng vừa phải thôi, không nên đòi "công bằng tuyệt đỉnh". Nhưng thế nào là công bằng tuyệt đỉnh? Một là có công bằng, hai là không có công bằng, làm gì có thứ công bằng nửa vời?
Mong mỏi người bị xử tệ từ bỏ cơ hội đòi lại những gì mình bị lấy mất, là điều rất khó, và tạo thêm bất công. Xin lấy một thí dụ ngay trong Nếu Đi Hết Biển, và người chủ động chẳng ai khác hơn là vai chính Trần Văn Thủy. Vào dịp Hà Nội cho xuất bản bộ sách lớn ba cuốn về cố học giả Hoàng Xuân Hãn, ông Trần Văn Thủy, người đã có dịp tiếp xúc với ông bà Hoàng Xuân Hãn, được đặt viết một bài, với lời hứa "sẽ được đăng nguyên xi, không bị cắt xén". Sách được hoàn thành, ban tổ chức buổi ra mắt nhấn mạnh: "Cuốn sách đầu tiên của một trí thức không phải đảng viên Đảng Cộng Sản mà được in trang trọng, nhiều tập, công phu như thế này". Cộng Sản thường rêu rao họ có đủ thứ tự do, kể cả tự do sáng tác và xuất bản. Nhưng rồi chính họ xác nhận bộ sách về Hoàng Xuân Hãn là sách đầu tiên của một trí thức không phải đảng viên được ấn hành trang trọng. Nhưng đó là chuyện phụ. Chuyện chính là bài của ông Trần Văn Thủy đã bị cắt xén 267 chữ, mà không ai nói cho ông biết, trước cũng như sau khi sách xuất bản. Tác giả cảm thấy đã bị đối xử không đẹp, lời hứa không cắt xén dành cho ông đã không được tôn trọng.
Tuy là người tích cực cổ võ chấm dứt bất hòa để hòa giải, hòa hợp, ông Trần Văn Thủy đã không thể bỏ qua chuyện nhỏ này. Ông không thể quên 267 chữ đã bị lấy mất. Cuối cùng, ông đã tìm cơ hội tự đền bù sự mất mát này, bằng cách in lại cả bài về học giả Hoàng Xuân Hãn, cả phần bị cắt, trong Nếu Đi Hết Biển. Xin cám ơn ông Trần Văn Thủy, nhờ được đọc những chữ bị kiểm duyệt trong bài của ông, người viết đã có cơ hội biết là mình không lầm, khi đánh giá thấp bọn người đang cầm quyền ở Việt Nam. Nhân tiện, cũng xin hỏi ông Wayne Karlin: Người được chế độ ưu đãi như ông Trần Văn Thủy còn bị đối xử bất công, viết bài còn bị cắt xén

thẳng tay, liệu những nhà văn lưu vong một khi trở về sẽ được xử dụng ra sao? Và một cán bộ văn hóa như ông Trần Văn Thủy, nếu không thể xí xóa một chuyện nhỏ như chuyện bị cắt xén 267 chữ, làm sao những người bị mất cơ nghiệp, mất người thân, mất tương lai, mất lẽ sống, có thể bỏ qua tội ác của những người đang cầm quyền?

Ông Wayne Karlin đã so sánh cộng đồng tỵ nạn Việt Nam cũng có những nét giống như cộng đồng Do Thái. Là một người xuất thân từ cộng đồng tỵ nạn Do Thái, chắc ông Wayne Karlin không thể bỏ qua sự kiện là, cho đến nay, Do Thái vẫn lùng kiếm khắp thế giới, bắt những phần tử có dính dáng tới Đức Quốc Xã để đem ra trị tội. Việc này là tìm kiếm công bằng tuyệt đỉnh, hay công bằng tương đối? Đau khổ đã lâu rồi, người chết đã nhiều rồi, sao Do Thái chưa thể hòa giải hòa hợp với những người anh em Ả-Rập? Dầu sao, ông Wayne cũng có lý, khi nói rằng "Chúng ta không thể chờ đợi công bằng trong lãnh vực chính trị". Đúng! Chúng ta không thể chờ đợi. Chúng ta phải thay đổi chính trị, để tạo công bằng.
Bài cuối cùng trong Nếu Đi Hết Biển là một câu chuyện tình Việt Mỹ, Tuyết và Chris, do bà Tuyết viết. Mối tình thật đẹp, và nhiều gian nan. Bà Tuyết đã hoạt động phản chiến từ thời còn đi học, đám cưới có cả cờ MTGPMN, nhưng khi hòa bình, lại có tên trong sổ đen của Cộng Sản, và bị Công An theo dõi sát. Sau ba mươi năm gắn bó, ông Chris đã từ giã vợ con, ra đi vì bạo bệnh. Người viết cảm thấy không được quyền có lời bàn về mối tình lớn, đã trở thành thiêng liêng này.
Đoạn kết bài Lời Giới Thiệu của ông Kevin Bowen viết rằng: "Những đối thoại và tham luận trong tập sách này là những dữ liệu cần đọc cho bất cứ ai muốn hiểu sâu Việt Nam, hiểu được những cái giá phải trả cho cuộc xung đột ý thức hệ trong thế kỷ qua". Đọc xong Nếu Đi Hết Biển..., người ta thấy rõ ràng một cố gắng vận động hòa giải, và trở về hợp tác, nhưng chính nội dung tập sách cũng cho thấy cố gắng này khó thành công.
Sau ba mươi năm kể từ khi chiến tranh chấm dứt, vẫn chỉ có người đi, và còn đang đi, mà chưa có người về. Không phải người ta ra đi vì chiến tranh, mà ra đi vì những việc làm độc ác sau chiến tranh. Người ta chưa về, không phải vì thù dai, hay thiếu tình người, mà vì những lý do khiến người ta ra đi vẫn còn đó. Đất lành dân ở, đất dữ dân đi. Người đi chưa thể trở về, nếu đất vẫn còn dữ.

Các ông Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Trương Vũ đều mong muốn hòa giải, nhưng hòa giải giữa ai với ai? Hòa giải dân tộc, hay hòa giải giữa người dân với nhau, là đặt sai vấn đề. Không ông nào nêu được bằng chứng là các thành phần dân tộc chống đối lẫn nhau. Dân trong nước không chống nhau, chẳng những không chống những người đã ra đi, còn tỏ ra rất âu yếm. Những người ra đi không chống dân trong nước. Gần ba triệu người, mỗi năm gửi về cỡ ba tỷ Đô La Mỹ, tính đổ đồng, mỗi đầu người gửi về hơn một ngàn Đô La. Nếu chống nhau, đâu có gửi nhiều tiền như vậy. Người ra đi, cũng như người trong nước, nếu có chống, là chống tập đoàn cai trị.
Phải chăng quý vị chủ trương hòa giải với nhà cầm quyền? Điều này cũng không ổn, vì hai lẽ: Trước hết, người dân trong nước, cũng như những người đã ra đi, đâu có lầm lỗi điều chi mà phải hòa giải với thủ phạm đã gây tội ác? Thứ đến, dù có muốn hòa giải với nhà cầm quyền, cũng không được. Họ đâu có muốn. Chính ông Trương Vũ đã khẳng định: "Lãnh đạo trong nước thì rõ ràng là chưa thực lòng hòa hợp, hòa giải. Nó chỉ nằm trên khẩu hiệu và nghị quyết". Các quý vị cổ võ hòa giải đều ghi nhận báo chí, sách vở trong nước vẫn tiếp tục miệt thị quân dân chế độ cũ. Báo chí, và các phương tiện truyền thông khác, đều phản ảnh đường lối của nhà cầm quyền, không phải quan điểm của tư nhân.

Câu cuối cùng của Lời Giới Thiệu viết: "Những đối thoại của họ đã làm ngắn đi nhịp cầu của con sông đã làm phân cách dân tộc Việt Nam, và khiến cho những sự thật, dù nó không thể kém đi phần đau thương, trở nên dễ thấu hiểu và cảm nhận hơn, từ cả hai phía". Cần nhắc lại một lần nữa, không có con sông nào ngăn cách dân tộc Việt Nam. Chỉ có sự ngăn cách giữa

băng đảng cai trị, và khối dân tộc bị trị.
Tiếng nói của quý vị trong tập sách này, chỉ có thể đóng vai nhịp cầu thông cảm, nếu được nghe từ cả hai phía. Sách đã được xuất bản ở hải ngoại. Nếu nó không được ra mắt ở trong nước, nhịp cầu qua sông sẽ biến thành một thứ nhịp cầu nửa vời, một thứ cạm bẫy cho người bên này, vì tưởng "ngụy kiều" là cầu thật. Ai dùng nó, sẽ rớt xuống sông, trong khi phía bên kia không có ảnh hưởng gì cả. Quý vị lên tiếng trong sách đã tỏ ra công bằng, chỉ trích cả hai phía. Nhưng nếu chỉ có một phía được nghe, tiếng nói của quý vị đã bị xử dụng như một công cụ gây bất hòa với cộng đồng gần mình, trong khi quý vị mong mỏi hòa giải với những người ở xa. Và sau hết, nếu tiếng nói của quý vị chỉ có một phía được nghe, làm sao tạo được sự cảm nhận từ cả hai phía, như ông Bowen giới thiệu?
Rút cục, cố gắng hòa giải của quý vị, đã gây thêm bất hòa!

Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Tranh Đinh Cường vẽ khi được tin
Nguyễn Mộng Giác từ trần

Đây là tựa đề của bài phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác, cựu Chủ bút tạp chí Văn Học (California, Hoa Kỳ), là một trong những bài phỏng vấn một số nhân vật trong giới văn học Việt hải ngoại, do Trần Văn Thủy thực hiện trong thời gian ông làm việc cho chương trình nghiên cứu của Trung Tâm William Joiner, Đại học Massachussets, Boston (Hoa Kỳ) năm 2003. Những bài phỏng vấn cùng một số tạp bút đã được Trần Văn Thủy đưa chung vào một tác phẩm, với tựa đề 'Nếu đi hết biển', Thời Văn xuất bản.

Chú thích của BBT.

***

Nguyễn Mộng Giác (NMG): Chắc anh Thủy không có cơ hội tìm hiểu và đọc nhiều văn chương hải ngoại nói chung, nên tôi xin gửi anh bài Nguyễn Mạnh Trinh phỏng vấn tôi, để sự thông cảm nhau dễ hơn, và những vấn đề chúng ta trao đổi không gặp những trở ngại do không hiểu hoàn cảnh của nhau. Chẳng hạn nếu năm 1953 sau đợt Cải cách Ruộng đất thực hiện ở Liên khu V, bà ngoại tôi bị đấu tố và gia đình tôi (lúc đó sống chung với bà ngoại) bị liệt vào thành phần địa chủ phú nông, ba tôi bị loại khỏi biên chế ngành giáo dục, tôi đang học lớp Bảy trường trung học cấp II đạt điểm cao nhưng không được lên lớp Tám, thì có thể tôi đã ở trong số học sinh Miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 (như anh cả của tôi) và những gì tôi trải qua trong đời cũng giống như anh. Những kinh nghiệm của tôi về chế độ Cộng sản, ấn tượng của tôi về cuộc kháng chiến chống Pháp do đó gần gũi với kinh nghiệm và ấn tượng của những người kháng chiến cũ về thành sau 1954 như Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, hơn là với những người trước sau vẫn sống trong vùng kiểm soát của Pháp, hoặc những vị du học từ Pháp về như Nguyên Sa, Nguyễn văn Trung... Tôi sống qua nhiều chế độ, mỗi lần chế độ thay đổi là mỗi lần phải điều chỉnh để thích nghi, và chứng kiến điều người ta gọi là "thế thái nhân tình", nên tôi thích nhìn

mọi sự theo nhiều chiều. Thói quen đó rất có ích cho tôi khi viết tiểu thuyết. Tôi nghĩ người làm phim, nhất là phim tài liệu như anh, cũng cần những cái nhìn nhiều chiều như thế. Tôi biết rất ít về anh, ngoài xúc động rất lớn khi xem hai phim Hà Nội Trong Mắt Ai và Chuyện Tử Tế. Anh kể sơ cho nghe được không?

Trần Văn Thủy: (TVT): *Về tôi ư, anh Giác? Cũng chẳng có gì đặc biệt đâu anh, tôi cũng như hầu hết những người cùng trang lứa, sinh trưởng và lớn lên ở miền Bắc. Có điều trước khi đến vùng này, ở Boston tôi được bạn bè cảnh giác là tới khu Little Saigon phải coi chừng, phải làm sao để đồng hương không biết mình từ Hà nội qua, nếu không có thể bị những người cực đoan hành hung. Qua đây, tôi thấy tình trạng không đến nỗi như thế. Sự thật thế nào? Có phải các tranh chấp phe nhóm ở đây căng thẳng như tường thuật trên báo chí Việt ngữ hải ngoại hay không? Hình ảnh quê hương họ mang theo là gì?*

NMG: Mỗi đợt tị nạn và di dân người Việt ra nước ngoài mang theo một hình ảnh quê hương khác nhau, và khuynh hướng chung là cố giữ nguyên hình ảnh quê hương ấy như một thứ gia tài riêng, không muốn nó đổi thay. Chẳng hạn đối với đợt di tản ngay sau 1975, quê hương là hai mươi năm thăng trầm của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và kỷ niệm hãi hùng về những ngày cuối đưa tới Sài Gòn thất thủ. Những người Việt thuộc thế hệ này cho đến nay vẫn còn mơ ước phục hồi lại một nước VNCH cũ với đầy đủ các cơ chế nhà nước của nó, để họ trở lại vai trò tướng lãnh, dân biểu, nghị viên..quên mất rằng dù có "quang phục" được "nước" cũ thì họ cũng đã già khụ cả rồi, không làm gì được nữa. Có vị khoa bảng thông thuộc chính trị quốc tế còn đòi phục hồi lại hiệp định Paris, phục hồi giới tuyến là vĩ tuyến thứ 17 của hiệp định Genève. Sinh hoạt chính trị mặt nổi của các cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, Canada, Úc đều có nét tương tự là tạo cái không khí huyễn tưởng như mình vẫn còn sống thời VNCH, một thứ VNCH nối dài với nghi thức chào cờ, hát quốc ca, mặc niệm, chào kính theo cấp bậc cũ... Thế hệ này không muốn hình ảnh quê hương đó bị thay đổi theo thời gian. Họ sợ về lại Việt Nam vì biết chắc đã về thì thế nào hình ảnh ấy cũng bị hình ảnh khác thay thế, và họ phải thích nghi với hình ảnh mới. Để biện minh cho quyết tâm nhất định không về ấy, một quyết tâm do thôi thúc về tâm lý hơn là do lập trường chính trị, thế hệ này thường đưa ra một lối giải thích rất đúng lập trường: là họ chỉ trở lại quê hương sau khi quê hương không còn bóng cộng sản nữa.

TVT: *Anh qua đây vào thời gian nào, và bằng cách nào? Hình ảnh Việt Nam, hình ảnh quê hương anh mang theo có giúp gì cho công việc viết văn của anh không?*

NMG: Đợt thứ hai đông đảo hơn đợt đầu gồm những người tị nạn vượt biên từ những năm 1978, 1979... nương theo những đợt ra đi bán chính thức của người Hoa sau khi Việt Nam và Trung quốc xung đột với nhau. Tôi vượt biển cuối năm 1981, lúc kinh tế Việt Nam đang ở trong thời kỳ bi đát nhất. Hình ảnh quê hương tôi mang theo thật bi thảm. Trước đó, tôi làm công cho một tổ hợp chế biến mì sợi ở Phú Lâm, Chợ Lớn. Trên đường đi làm về, từ Quận 11 TP. HCM về lại Thị Nghè, tôi đạp xe qua những phố lớn của Chợ Lớn, Sài Gòn, mà như lang thang trong một nghĩa trang. Phố xá đóng cửa sau đợt Cải tạo Công thương nghiệp. Những người bị đẩy đi vùng kinh tế mới sống không nổi về lại Sài Gòn sống tạm bợ, cả gia đình nằm ngủ trên những chiếc chiếu rách trải trước các căn nhà kín cửa đường Đồng Khánh, đường Trần Hoàng Quân, đường Trần Hưng Đạo...Hình ảnh quê hương chúng tôi mang theo là nguồn hứng cho sự phát triển và sinh động của văn chương hải ngoại những năm 80, và tôi nghĩ cũng là cảm hứng cho anh làm hai phim Hà Nội Trong Mắt Ai và Chuyện Tử Tế.

TVT: *Những người Việt ly hương, ra đi trong những thời điểm khác nhau, hoàn cảnh và động cơ khác nhau, vậy họ có thể cùng chung một chính kiến, đọc chung một tờ báo?*

NMG: Đợt thứ ba gồm nhiều thành phần phức tạp hơn, vì ra đi do nhiều động cơ khác nhau: có những cựu sĩ quan và viên chức của VNCH đi tù cải tạo hơn ba năm được qua Hoa Kỳ cùng

với toàn gia đình qua chương trình H.O.; có những gia đình ra đi theo diện con lai; có những người ra đi theo diện đoàn tụ gia đình; có những du học sinh hoặc hợp đồng lao động ở các nước Đông Âu và Liên xô (đa số từ Miền Bắc) quyết định ở lại không về sau khi chế độ cộng sản ở các nước ấy sụp đổ, và trở thành một bộ phận của khối đông đảo "Việt kiều" trước đây gồm đa số những người miền Nam ra đi vì không thể sống dưới chế độ cộng sản. Mỗi nhóm nhỏ có một hình ảnh quê hương riêng, một tập tục và thói quen sinh hoạt riêng. Chẳng hạn nhóm những người Việt hiện đang sống ở Đức, Ba lan, Tiệp, Nga có thể có cùng chính kiến với những người Việt "quốc gia" đang sống ở Hoa Kỳ (như chủ trương chế độ cộng sản phải giải thể, chủ trương dân chủ đa nguyên...), nhưng người Việt ở Tiệp không thể đọc nổi một tờ báo tiếng Việt xuất bản ở Hoa Kỳ (như tờ Văn Nghệ Tiền Phong), và vẫn cảm thấy thân quen cảm động khi cầm trên tay những tờ báo như An Ninh Thế Giới, Lao Động, Tiền Phong, Tia Sáng...

TVT: *Văn chương, báo chí... nói chung là giới truyền thông, có thể làm cho các khối nhỏ người Việt ấy gần gũi với nhau hơn không, kể cả sự cảm thông giữa người Việt trong và ngoài nước?*

NMG: Tôi nghĩ: Có và không.
Xin nói đến cái "không" trước.
Báo chí, cả trong lẫn ngoài nước, trong tình trạng hiện nay, muốn tồn tại thì phải tùy thuộc vào quyền lực chính trị. Trong nước, là chính quyền. Ngoài nước, là các đoàn thể chính trị tuy không có khả năng pháp quyền nhưng lại có khả năng kích động dư luận để phá hủy uy tín hay ngay cả sự sống của một cơ quan truyền thông. Báo chí trong nước không có tự do đã đành, mà báo chí ở hải ngoại cũng không được quyền tự do như báo chí Mỹ, Anh, Pháp, Úc... được hưởng. Vũ khí các hội đoàn hay báo chí ở hải ngoại thường dùng để phá nhau, suốt 28 năm nay, là chụp mũ cộng sản. Do đó, dù không bị áp lực nào từ phía chính quyền, báo nào cũng phải thường xuyên cảnh giác, biểu diễn lập trường chống cộng trong cách dùng chữ, cách loan tin... để tự vệ. Nguồn tin quê nhà báo chí hải ngoại đang dùng phần lớn lấy từ báo chí trong nước và các bài trên các website trong nước. Ban biên tập các báo lựa các tin xấu như nạn tham nhũng, mãi dâm, kinh tế trì trệ, nạn cửa quyền lộng hành...viết lại theo cách hành văn "quốc gia" rồi in lên báo. Những chữ trong nước dùng nhưng không thông dụng ở Miền Nam trước 1975 thì sửa lại cho đúng với lập trường. Kết quả là những tin tức được chính trị hóa cẩn thận. Mức độ chính trị hóa thay đổi nhiều ít theo uy thế chính trị của từng tờ báo, cơ quan truyền thông nào uy thế vững thì nhu cầu biểu diễn lập trường càng ít, và ngược lại.

TVT: *Như vậy là chúng ta có một đề mục rất hấp dẫn. Đó là mục: Biểu Diễn Lập Trường?*

NMG: Tình trạng này xảy ra cho các hội đoàn chính trị nhiều hơn. Gần như công việc chính của các hội đoàn trên mặt truyền thông là tìm mọi cơ hội để biểu diễn lập trường chống cộng và phê phán lập trường chao đảo của các hội đoàn đối lập. Do đó, có những cuộc biểu dương lập trường với các mục tiêu nhỏ (như vài ca sĩ từ trong nước ra trình diễn ở hải ngoại, kể cả những văn nghệ sĩ gốc miền Nam cũ như Thanh Lan, Bạch Tuyết...). Hiện nay, gần như ban tổ chức các cuộc biểu tình biểu diễn lập trường này xem tất cả những người từ trong nước ra hải ngoại đều khả nghi, đều là cán bộ nhà nước cử ra nước ngoài với một nhiệm vụ bí mật nào đó trong kế hoạch kiều vận do chính quyền Việt Nam chủ xướng (như chiến dịch Bông hồng đỏ, Bông hồng xám). Những người không đồng ý với phương cách hành động ấy liền bị chụp mũ là "cộng sản nằm vùng", là "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản". Dường như lúc nào, ở đâu cũng có những cuộc tranh cãi gay gắt giữa các hội đoàn, hoặc cá nhân ảnh hưởng đến các hội đoàn do nhu cầu biểu diễn lập trường chống cộng như thế, suốt 28 năm qua. Trước khi ra đi, ở Sài Gòn, tôi có được xem một phim hay do Liên xô sản xuất, phim Chạy Trốn. Phim kể cuộc sống lưu vong của những sĩ quan Bạch quân ở nước ngoài. Tôi nhớ phim có kể chuyện một ông tướng Bạch quân sống ủ rũ trong cảnh nghèo túng và tuyệt vọng, giết thì giờ bằng cách ra vườn bắt kiến của hai đàn khác nhau bỏ gần nhau cho chúng cắn giết nhau, thỏa mãn những

ước vọng thầm kín bị hoàn cảnh đẩy vào trong tiềm thức thành một nỗi ẩn ức khôn nguôi. Cách báo chí và các hội đoàn hải ngoại cư xử với nhau rất giống với nội dung phim Chạy Trốn.

TVT: *Tôi cũng đã xem Chạy Trốn rồi. Tôi học điện ảnh ở Nga mà. Chạy Trốn là một tác phẩm tầm cỡ, tương tự như Sám Hối của Abu Latde.*

NMG: Nhưng anh Thủy có lưu ý không, ngay báo chí trong nước cũng không thoát khỏi cái bệnh biểu diễn lập trường, dù báo chí ở trong tay chính quyền. Thú thật với anh, đọc một tờ báo trong nước (nhất là vào những dịp lễ lạc kỷ niệm chiến thắng này chiến thắng kia), tôi không có cảm giác thoải mái (y như một bạn trẻ lớn lên ở Miền Bắc đang ở Đông Âu đọc tờ báo Việt ngữ xuất bản ở đây). Cách dùng chữ, nhất là khi đề cập tới quân nhân chế độ VNCH là đối phương trong cuộc chiến tranh đã qua, vẫn mang nặng tính miệt thị, hằn học đầy sắt máu không nên có nơi cửa miệng kẻ chiến thắng. Truyện, hồi ký, bút ký vẫn đầy dẫy những "thằng ngụy" này, "con ngụy" kia. Phần những trang đầu của tờ báo vẫn dành riêng cho "bàn thờ", người viết báo trước khi viết gì, trước hết cũng phải vào vái vài vái, sau đó tùy nghi. Xin lỗi anh, không biết sau chuyến đi này, về Việt Nam anh sẽ viết những gì. Nhưng một vài bạn văn Việt Nam qua đây, trở về VN viết bài đầy những chi tiết sai sự thực, nhằm biểu diễn lập trường, đọc rất khó chịu. Nhiều bài thuật rằng các nhà văn VN qua Mỹ đi đâu cũng gặp những cựu chiến binh Mỹ hối hận tràn trề vì đã tham chiến ở VN, và họ khẩn khoản xin các bạn VN tha lỗi. Nhà thơ Trần Mạnh Hảo thì kể vừa đến New York đã gặp ngay một cựu chiến binh vô gia cư biểu lộ sự khâm phục đối với bộ đội VN mà TMH là đại diện. Người này vừa thấy đoàn VN của Trần Mạnh Hảo đã tấu ngay bài Tiến Quân Ca để chào mừng. Nhà văn Nhật Tiến có viết trên báo Viet Tides một bài vạch ra những vô lý trong bài viết của Trần Mạnh Hảo. Nói chung, vẫn là hậu quả của căn bệnh biểu diễn lập trường vào lúc chuyện đó không còn cần thiết.

TVT: *Thực tình tôi không rõ chuyện của nhà thơ Trần Mạnh Hảo, nhưng theo anh, vì sao cả trong lẫn ngoài nước đều phải biểu diễn lập trường như thế?*

NMG: Ở trong nước thì dễ hiểu rồi. Ngoài này, do nhu cầu tâm lý. Như tôi vừa nói ở trên, mỗi người Việt tha hương đều mang theo mình một hình ảnh quê hương riêng, và không muốn thay đổi hình ảnh ấy. Đối với những người gốc Miền Nam ra đi vì không thể sống dưới chế độ cộng sản, hình ảnh ấy thật bi thảm. Có vẻ nghịch lý nhưng là thực tế: là nhiều người Việt ở nước ngoài không mấy vui khi nghe Việt Nam thay đổi, khi nghe đời sống người Việt trong nước có thăng tiến so với trước, và họ không muốn nghe, không muốn thấy sự thay đổi đó. Não trạng đó rất thích hợp với cách biểu diễn lập trường trên báo chí và sinh hoạt hội đoàn. Mà một thái độ ứng xử xuất phát từ một động lực tâm lý sâu xa thì không thể lấy lý để thảo luận được. Có những người chủ trương cắt đứt mọi liên hệ với Việt Nam, kể cả không mua hàng VN, không gửi tiền về giúp đỡ thân nhân ở VN, vì làm như thế là "tiếp máu" cho chế độ cộng sản tồn tại. Dân có khổ thì mới đứng lên lật đổ chính quyền. Những lập luận như thế rất phổ biến, gần như là phương cách chung các hội đoàn đưa ra để biểu diễn lập trường khi cần. Có hội đoàn còn đặt hẳn điều lệ không cho những người đã về thăm Việt Nam ứng cử vào các chức vụ trong ban chấp hành hội. Tôi đã sống trên đất Mỹ trên hai mươi năm, ở một nơi tập trung người Việt đông đảo nhất của hải ngoại (quận Orange, California). Và tôi không thấy cách suy nghĩ và ứng xử trên thay đổi theo thời gian, ít ra trên mặt công khai.

TVT: *Vâng, trên mặt công khai, căn bệnh biểu diễn lập trường qủa là một căn bệnh trầm kha. Nhưng ở chỗ riêng tư, ở chỗ không công khai, có sự thay đổi?*

NMG: Đó là cái "có" tôi sắp nói tới.
Vâng, ở chỗ không cần biểu diễn lập trường, rõ ràng có sự thay đổi.
Không thay đổi sao được khi trong thập niên cuối thế kỷ 20, bao nhiêu biến cố quan trọng đã xảy ra, nhất là sự tan rã của khối Cộng sản Liên xô và Đông Âu. Tôi vẫn còn nhớ như in cảm

giác bàng hoàng khi lần đầu tiên xem hai cuốn phim Hà Nội Trong Mắt Ai và Chuyện Tử Tế của anh. Sau khi đọc những truyện ngắn truyện dài giọng điệu đầy sắt máu và cao ngạo, hai phim đó, cùng với những vở kịch của Lưu Quang Vũ, truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp... cho tôi thấy một Việt Nam khác, hợp lý hơn, cận nhân tình hơn. Tại sao những điều bình thường như sống làm sao cho tử tế, cư xử với nhau cho tử tế... mà đến bây giờ còn phải nhắc nhở người Việt Nam mới nhớ ra? Chúng ta đang ở trong mê lộ ghê gớm như thế, tại sao chúng ta không hay biết gì cả? Phải nói đó là một thức tỉnh quí giá. Và từ đó, mỗi người cầm bút có lương tâm phải rà soát lại chính mình. Cái "có" đáng mừng từ đó nẩy sinh.
Văn học nghệ thuật, khác với báo chí và sinh hoạt chính trị (gắn liền với nhu cầu thời sự trước mắt), bao giờ cũng cần một "độ lùi thời gian". Cái nóng hổi phải chờ cho nguội đi để thành cảm hứng nghệ thuật. Nhờ vậy, sáng tác văn nghệ - loại văn nghệ đích thực - đòi hỏi sự chân thành. Chính vì thế mà trong khi những pha biểu diễn lập trường công khai vẫn tiếp tục trên báo chí, thì văn chương hải ngoại thay đổi nhiều trong thập niên 90. Rõ ràng có giao lưu giữa trong và ngoài, có những quan tâm đến các thay đổi trong nước, và những tiếng nói lương tâm từ trong nước được giới cầm bút ở hải ngoại trân trọng đón nhận.

TVT: *Như thế theo anh, văn học nghệ thuật ở hải ngoại sẽ đóng một vai trò rất quan trọng, là làm nhịp cầu thông cảm giữa các phe nhóm ở hải ngoại, và giữa trong nước và ngoài nước. Tôi hiểu như thế, có đúng ý anh không?*

NMG: Tôi không lạc quan như thế đâu.
Vì như một bài phát biểu của tôi năm 1997, văn học nghệ thuật ở hải ngoại không thể thoát ra ngoài qui luật chung của sinh hoạt văn hóa di dân, là càng ngày càng bị đồng hóa và lặn chìm trong văn hóa bản địa. Như sinh hoạt văn hóa của những di dân gốc Đức, gốc Ý, gốc Trung hoa, gốc Ba lan... trên đất Mỹ, cuối cùng cái gọi là văn nghệ của người Việt hải ngoại cũng bị chìm khuất mất tích trong sinh hoạt văn hoá địa phương. Nghĩa là văn học nghệ thuật hải ngoại đang bị "lão hóa".
Đầu năm 1997, Đài Phát thanh Úc có phỏng vấn tôi về tình hình văn học hải ngoại trong năm 1996. Tôi trả lời chung chung, trong đó có nêu ra hiện tượng các nhà văn nữ xuất hiện khá đông đảo trở lại sau đợt xuất hiện ồ ạt những năm 1983-1985. Tôi cũng nêu ra bốn cuốn sách có giá trị được xuất bản trong năm gồm: Marie Sến tiểu thuyết của Phạm thị Hoài, Thơ, v.v. và v.v. tiểu luận phê bình của Nguyễn Hưng Quốc, Những bài dã sử Việt của Tạ Chí Đại Trường và Tuyển tập Hà Sĩ Phu. Bốn cuốn sách đều thuộc loại "giải ảo và đặt lại vấn đề". Sau khi nêu hiện tượng xuất hiện của nhiều nhà văn nữ, tôi tiên đoán văn chương hải ngoại năm sau sẽ phát triển, giống như đã phát triển sau năm 1985. Còn cô Minh Nguyệt làm việc cho Đài Phát thanh Úc thì, sau khi nghe tôi nêu tên bốn cuốn sách hay, liền tiên đoán là năm 1997 văn chương hải ngoại sẽ dứt khoát bỏ những đường mòn, mạnh dạn đổi mới. Những tiên đoán lạc quan ấy, như thời gian đã chứng minh, đều sai. Đều lạc quan tếu. Vì nghĩ cho cùng, cả tôi lẫn cô Minh Nguyệt đều không dựa vào dữ liệu chính xác nào cả, chỉ mong ước sao thì đoán vậy.

TVT: *Vâng, việc viết, việc sáng tác của những nhà văn, nhà thơ là như vậy. Thật không dễ dàng gì, nhưng việc xuất bản ở bên này thì có thể hoàn toàn chủ động?*

NMG: Phải thú nhận ngay từ bây giờ là theo nhận định chủ quan của tôi, có "nhiều ước mộng không thành". Từ ngày tôi trả lời phỏng vấn của Đài Phát thanh Úc, văn chương hải ngoại không cất cánh theo đoàn nữ binh tiên phong, và cũng không chiều ý cô Minh Nguyệt, không hăng hái đổi mới hay chuyển hướng. Tình trạng xuất bản những năm gần đây chẳng những không cải tiến mà còn sa sút hơn. Những nhà xuất bản uy tín trước đây ngày càng ngại bỏ tiền xuất bản sách, nhất là loại sách sáng tác như thơ, tiểu thuyết. Số ấn bản trung bình chỉ lên đến 500, nghĩa là nếu bán hết may lắm lấy lại đủ vốn, nên dù sách xuất bản dưới nhãn hiệu nào, đa số trường hợp chính tác giả phải bỏ tiền in lấy sách mình. Tình trạng ấy đưa tới một loạt những phụ ứng: sách ra nhiều nhưng chất lượng không bao nhiêu, nhu cầu quảng cáo để bán sách

giết chết ngành phê bình, độc giả đứng trước rừng sách nhiều mầu không biết nên mua sách nào sau nhiều lần "trao thân lầm tướng cướp" quyết định không mua sách nữa, không có người mua sách thì ngành xuất bản sa sút kéo theo động cơ thúc đẩy việc sáng tác... Cái vòng lẩn quẩn không lối thoát ấy có thể xảy ra cả trong nước, nhưng ở hải ngoại trầm trọng hơn do tình trạng lão hóa của sinh hoạt chữ nghĩa.

TVT: *Tôi hiểu, anh quan tâm tới lớp trẻ, lực lượng học sinh, sinh viên, công chức… mà chúng ta vẫn quen gọi là thế hệ hai?*

NMG: Thật vậy, ở đâu lực lượng nòng cốt để văn chương phát triển là lớp trẻ, học sinh, sinh viên, công chức, quân nhân. Như Tolstoi từng viết, những ông già bụng phệ ký giấy tuyên chiến nhưng người cầm súng tấn công lúc nào cũng là thanh niên. Văn chương cũng thế. Mơ ước văn chương cất cánh hay trẻ trung hoá, mong ước xông pha vào những con đường mới mẻ kỳ thú... chỉ có thể biến thành hiện thực khi có giới trẻ tham gia vào cuộc xuống đường. Giới trẻ ở hải ngoại có tham gia vào sinh hoạt chữ nghĩa không?
Hiện không có ai làm một cuộc thống kê khoa học để xác định số tuổi của tác giả và độc giả Việt, nhưng chỉ cần nhìn quanh các cuộc họp mặt ra mắt sách, triển lãm tranh, thảo luận văn chương, tưởng niệm văn thi sĩ quá cố...chúng ta cũng thấy kết quả khá trung thực của chuyện thống kê. Trong các sinh hoạt trên, lớp già trên 50 chiếm đa số tuyệt đối. Lác đác vài người lứa tuổi 40. Họa hoằn lắm mới có những người 30. Còn lứa tuổi 20? Đừng chờ mất công!
Cũng phải thôi! Những bạn trẻ lứa tuổi hai mươi, khi sinh ra, chế độ Việt Nam Cộng Hoà sắp hay đã sụp đổ. Nếu họ theo cha mẹ di tản ra khỏi nước từ 1975 thì bây giờ may lắm họ chỉ bập bẹ được vài câu tiếng Việt thông thường, không đủ trình độ đọc sách viết sách tiếng Việt. Những bạn ở lại Việt Nam mới qua sau này (vượt biển, đoàn tụ gia đình, HO..) thì được giáo dục trong hệ thống giáo dục cộng sản. Họ đâu có biết Bùi Giáng, Nguyên Sa, Mai Thảo là ai đâu mà cha mẹ khuyến dụ được họ đi tham dự buổi tưởng niệm các văn thi sĩ nổi tiếng này!
Lứa tuổi ba mươi có một quá trình trưởng thành phức tạp hơn: hoặc họ là những học sinh tiểu học ở miền Nam trước 1975; hoặc họ là những thanh niên trên hai mươi từng sống thời hoa niên của mình dưới chế độ cộng sản. Lớp sau tuy rành tiếng Việt nhưng không trải qua cùng một môi trường văn nghệ với lớp cha chú trong gia đình. Cha mẹ họ mê tiếng hát Thái Thanh, Kim Tước, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Thanh Lan...họ mê tiếng hát Nhã Phương, Bảo Yến, Cẩm Vân, Hồng Nhung...Lớp trước đến Mỹ, Pháp, Canada, Úc lúc còn học tiểu học, dĩ nhiên đã hoàn toàn Âu hóa. Cả hai thành phần của lứa tuổi ba mươi hiện đang phải học tập, đấu tranh gay go để hội nhập và thăng tiến trong xã hội mới. Phần lớn họ là những chuyên viên kỹ thuật. Muốn giữ chỗ làm, muốn thăng cấp, họ phải dốc toàn lực mới bắt kịp những tiến bộ phi mã của kỹ thuật cao cấp hiện đại. Họ không còn thì giờ cho cộng đồng, nói chi tới sinh hoạt văn hóa. Cùng lắm, họ chỉ đủ thì giờ lên Net bấm chỗ này một chút rồi bấm qua chỗ kia, thưởng thức văn nghệ dân tộc khơi khơi theo kiểu "cưỡi ngựa xem hoa". Các bạn trẻ trên dưới ba mươi ra đi từ Miền Bắc hiện ở các nước Âu châu (nhiều nhất là Đức và các nước Đông Âu) nếu có chỉ mới góp phần vào sinh hoạt chính trị, chưa tham dự nhiều vào sinh hoạt văn hóa.

TVT: *Anh Giác, dù sao ta cũng phải làm con tính cộng thử xem số người tham gia viết và đọc ở hải ngoaiï còn được bao nhiêu phần trăm?*

NMG: Tính sổ, chỉ còn lại những người lứa tuổi bốn mươi, năm mươi và sáu mươi trở lên ra đi từ Miền Nam là nòng cốt của sinh hoạt chữ nghĩa hiện nay.. Cho nên thay vì cộng (để làm tổng kết), chúng ta thử làm một phép trừ. Trừ đi cộng đồng người Việt gốc Hoa, trừ đi lớp trẻ không biết tiếng Việt, trừ đi những người chỉ nói mà không đủ trình độ đọc thông tiếng Việt, trừ đi những người đọc được tiếng Việt nhưng không đủ bề dày học vấn để đọc và thưởng thức văn chương, trừ đi những người chỉ quan tâm đến mục tiêu chính trị trước mắt và xem văn chương là điều xa hoa phù phiếm, trừ đi những người mải lo chạy theo nhịp sống hối hả của xã hội kỹ thuật cao cấp, trừ đi những người đã quá chán ngán chuyện đời muốn dành thời gian ít ỏi còn

lại cho việc tìm kiếm một giải thoát tâm linh, trừ đi những người chỉ còn đọc được những chữ lớn bằng ngón tay cái...Số người viết và người đọc còn lại bao nhiêu? Không có tiếp sức của giới trẻ, văn học hải ngoại tất nhiên phải bị lão hóa.

TVT: *Đó là một thực tế có thể nói là bất khả kháng và ít ai tiên liệu được trước. Anh Giác à, tính từ 1975 cho tới nay gần ba mươi năm rồi, coi như là một thế hệ đã ra đời và trưởng thành. Sự cách biệt về địa lý giữa trong và ngoài nước có thể dẫn đến sự so le về ngôn ngữ chăng?*

NMG: Tiếng Việt ở hải ngoại trong tình trạng cô lập với chính quốc sẽ giữ y nguyên trạng hoặc hao hớt đi từ tiếng Việt thông dụng ở Miền Nam năm 1975. Ngay bây giờ, đọc sách báo trong nước, chúng ta đã không hiểu được ý nghĩa của một số ngôn ngữ đường phố, những tiếng lóng. Ngược lại, người Việt trong nước cũng không hiểu được cách pha tiếng Anh tiếng Pháp ngày càng nhiều vào đối thoại thường ngày của người Việt nước ngoài. Sự biến đổi ấy tất nhiên phải xảy ra, không thể khác được. Năm 1994 có dịp qua thăm Montréal vùng nói tiếng Pháp của Canada, tôi ngạc nhiên đọc thấy nhiều bảng hiệu in chữ Pháp nửa nạc nửa mỡ, đầu thì gốc Pháp nhưng đuôi lại gốc Anh. Các bạn tôi ở Montréal còn cho biết là người Montréal tuy đọc thường xuyên sách báo tiếng Pháp, nhưng nói một thứ tiếng Pháp mà người Paris không hiểu dễ dàng. Theo anh, điều đó có xảy ra cho tiếng Việt hải ngoại hay không?

TVT: *Tôi nghĩ là có. Một thí dụ rõ nhất là cộng đồng người Việt quần tụ ở Đông Bắc Thái Lan nói một thứ tiếng Việt cổ.*

NMG: Tôi cũng nghĩ là có. Nhưng xảy ra chậm hơn tiếng Pháp vùng Montréal, Québec, nhờ tiến bộ của ngành tin học. Internet đã thu nhỏ thế giới lại rất nhiều. Ranh giới chính trị không còn đủ sức chia rẽ, cô lập, bế quan tỏa cảng như trước. Với một phí tổn rất thấp, người ta có thể mặt đối mặt nói chuyện với nhau từ hai mút của địa cầu, thì các ranh giới đều phải nhoè đi, các khác biệt dễ bị san bằng. Sự cảm thông dễ dàng hơn khi thông tin dễ dàng và rẻ đến nỗi có thể ở trong tầm tay mọi người. Một thực tế khó có thể mơ ước vài năm trước: một bạn đọc ở Việt Nam, nếu muốn, có thể lên Internet đọc một bài thơ đăng báo ở ngoài nước, nghe bài hát mới nhất của nữ ca sĩ Khánh Hà, xem cuốn video mới nhất của Trung tâm Thúy Nga. Trao đổi thư từ và bài vở giữa người viết người đọc trong và ngoài nước hiện nay cũng dễ dàng. Cái họa lão hoá trong giới thưởng ngoạn nghệ thuật bớt đi, vì chúng ta có độc giả, thính giả, khán giả trẻ trong nước tiếp sức. Nhờ Internet, người làm thơ, viết truyện hải ngoại đã bắt đầu nhận thức ra một điều vô cùng quan trọng: là sáng tác không phải chỉ để người Việt ngoài nước đọc với nhau, mà còn có một giới thưởng ngoạn lớn lao bên kia đại dương lặng lẽ theo dõi, định giá và phản ứng theo cách riêng của họ. Viết là để cho cả dân tộc trong lẫn ngoài nước đọc, không phải chỉ dành cho một nhóm nhỏ của một cộng đồng ngày càng thu hẹp.

TVT: *Tôi chia sẻ với anh. Nhiều người viết và người đọc trong và ngoài nước vui khi cuốn "Sông Côn Mùa Lũ" xuất bản ở trong nước. Riêng tôi coi đó là một đóng góp quý giá của anh chẳng những trên phương diện văn chương mà còn góp phần "mở đường" cho văn học hải ngoại.*

NMG: Theo tôi, nhận thức ấy là then chốt để giải quyết tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay ở hải ngoại. Nhận thức ấy đặt ra những nghi vấn mới cho những vấn đề người cầm bút thường đặt ra lâu nay: Viết cho ai? Viết cái gì? Viết thế nào?
Nếu chỉ viết cho những người cùng cảnh ngộ lưu vong như chúng ta đọc, thì chúng ta cứ viết như lâu nay vẫn viết: tiếc nuối một thời hoàng kim đã mất, xót xa trăn trở với những khổ ải đã trải qua, lật từng trang album bồi hồi với những kỷ niệm, mơ ước ngày trở về có khải hoàn môn dựng trên khắp nẻo đường và gặp lại một quê hương y nguyên như thời hoàng kim cũ...Còn nếu phải viết cho cả những bạn đọc còn trẻ trong nước đọc, thì viết cái gì? Viết thế nào?

TVT: *Anh có nhiều bạn văn trong nước. Hòa thuận với nhau thì là chuyện tốt rồi. Chuyện không hòa thuận, anh nói điều gì.*

NMG: Viết cái gì? Viết thế nào? Những câu hỏi ấy cũng đặt ra cả cho người viết trong nước. Lâu lâu xem một tạp chí hay tuần báo văn chương trong nước, nhất là vào các dịp lễ lạc, tôi cảm thấy bị xúc phạm khi đọc những hồi ký hay truyện ngắn của những cây bút Miền Bắc. Trong say sưa của kẻ thắng, họ kể những chiến công, thành tích của quá khứ, điều đó không có gì đáng bàn. Điều đáng bàn, là khi nói tới đối phương (là quân đội Miền Nam, người dân Miền Nam), họ vẫn dùng những nhân xưng miệt thị như "y", hắn", "chúng", "bọn ngụy", "thằng ngụy" y như trong thời chiến tranh. Rõ ràng những người viết văn ấy viết cho họ đọc với nhau, bất kể những thay đổi trong hơn một phần tư thế kỷ qua. Họ không nghĩ tới lòng tự ái, tới nhân phẩm những người đọc không cùng hàng ngũ với họ, không cùng thế hệ của họ. Nếu họ nhớ những gì mình viết ra, in ra, một tuần sau, một tháng sau có những người họ gọi bằng "thằng" bằng "bọn" đọc, ngòi bút Biểu Diễn Lập Trường của họ phải khựng lại. Rồi họ cũng phải băn khoăn tự hỏi: Viết cái gì đây? Viết thế nào đây? Trả lời những câu hỏi ấy không dễ, khi nhà văn muốn khối độc giả của mình mở rộng từ quốc nội tới hải ngoại. Trả lời câu ấy không dễ khi người cầm bút bình thường phải đối đầu với biết bao trở lực, thường không muốn rước thêm những điều bất trắc. Thôi, cứ theo con đường cũ cho yên thân. Dẫu sao, tôi nghĩ đừng để văn chương thành ông cụ lỗi thời. Chẳng mấy chốc, cụ ngã bệnh... rồi ngậm cười nơi chín suối.

TVT: *Ý anh nói, văn chương Biểu Diễn Lập Trường sẽ ngã bệnh… rồi ngậm cười nơi chín suối? Nhiều người trong đó có ông Hoàng Khởi Phong nói với tôi rằng, với người Việt chúng ta cả trong và ngoài nước thì loại văn chương này, cách sống này còn thọ lắm. Anh có hãi không, khi một ông Thầy gốc Nhật Bản bốc quẻ nói rằng: "Ráng Chịu! Đó là thuộc tính của số đông người Việt các ông". Cám ơn anh, và nếu được gặp anh lần nữa thì tôi sẽ hỏi anh: Bởi đâu mà người Việt chúng ta có cái thuộc tính quý hóa đó?*

Orange County, California, mùa đông năm 2003

Phỏng vấn Hoàng Khởi Phong

Trong khi trả lời phỏng vấn của ông Trần Văn Thủy, ông Hoàng Khởi Phong có so sánh cộng đồng Việt Nam với hai cộng đồng người Do Thái và người Hoa. Theo ông, "Hai cộng đồng này mạnh vô cùng, nhưng trông bên ngoài họ không bao giờ ồn ào như cộng đồng Việt Nam. Họ không có xuống đường hoan hô, đả đảo như cộng đồng Việt, mà lặng lẽ đòi hỏi trong nghị trường hay tinh ma hơn nữa là có những đòn phép trong bóng tối, để chi phối gián tiếp nền chính trị Mỹ". Sự so sánh trên đây khiến người đọc có cảm tưởng như xuống đường hoan hô đả đảo là chuyện xấu, và cộng đồng Việt Nam không biết làm gì khác lơn là diễn đi diễn lại cái chuyện nên tránh này. Chính ông Hoàng Khởi Phong cũng nói: "Theo tôi nghĩ chúng ta chưa hề có kinh nghiệm lưu vong". Câu này có thể hiểu như một lời trách móc, cộng đồng Việt chưa biết sống một đời lưu vong cho đàng hoàng (ồn ào quá, xuống đường nhiều quá), nhưng cũng có thể hiểu "chưa hề có kinh nghiệm" là còn quá trẻ trung.

Quả thật, so sánh với các cộng đồng Do Thái và người Hoa, cộng đồng Việt còn quá trẻ. Người Do Thái đã tới Mỹ từ khi tìm ra Mỹ Châu năm 1492. Trong đoàn thủy thủ 90 người trên ba chiếc tầu do Christopher Columbus chỉ huy, có 5 người Do Thái. Người Hoa đã tới Mỹ nhiều từ thế kỷ thứ 19, để làm đường xe lửa, và kiếm vàng ở California. Cộng đồng Việt mới ngót nghét ba thập niên. Hai cộng đồng Do Thái và Hoa, vì họ đã tới từ lâu, chính vì họ mạnh, nên chẳng cần ồn ào. Mình còn yếu, nên phải ồn ào, để được chú ý. Người lớn, mỗi khi cần gì, chỉ cần bỏ tiền ra mua. Nhưng đứa trẻ, không có phương tiện gì khác hơn là cái miệng để la, đôi tay để vùng

vẫy. Không nên trách đứa trẻ chỉ biết đòi hỏi như ...trẻ con.
Ngoài ra, khởi thủy, người Do Thái tới Mỹ vì lý do chủng tộc, người Hoa tới vì lý do kinh tế, trong khi người Việt tới vì lý do tỵ nạn chính trị. Tại miền đất mới, người bị kỳ thị chủng tộc mong được sống yên thân; người di cư vì kinh tế chỉ lo làm ăn, nhưng người tỵ nạn chính trị còn phải tranh đấu, nếu không, lý do ra đi của mình thành vô nghĩa. Đã tranh đấu chính trị, bắt buộc phải có những màn xuống đường, hoan hô, đả đảo. Tranh đấu mà không xuống đường, hay không kiếm nổi người xuống đường, sẽ bị mỉa mai là "chính trị sa-lông"!

Ông Hoàng Khởi Phong tiếp tục khen cách ứng xử của các cộng đồng di dân khác, và chê cộng đồng Việt: "Tôi ghi nhận được một điều thích thú là tại chợ Tầu San Francisco và chợ Tầu Los Angeles, có những cửa tiệm bán sách báo, tranh ảnh, kế cận nhau, một bên trưng hình Mao Trạch Đông, một bên trưng hình Tưởng Giới Thạch, song họ buôn bán hòa thuận với nhau, không có vụ đánh nhau vỡ đầu hay cạnh tranh bất chính. Tại các khu chợ Tầu, ngày 1-10 hàng năm là ngày kỷ niệm của Hoa Lục, các cửa tiệm nghiêng về Hoa Lục tưng bừng treo đèn kết hoa, múa lân đốt pháo, trong khi các tiệm khác mặn Đài Loan thản nhiên như không có gì. Chỉ 10 ngày sau vào ngày 10-10, tới phiên Đài Loan làm lễ Quốc Khánh, thì các cửa tiệm gốc Đài Loan lại treo đèn kết hoa, múa lân đốt pháo trong khi những tiệm khác lại bình thản đứng ngó. Họ cũng có hai tờ báo phản ảnh đường lối hai chính phủ, họ có thể tranh cãi, bút chiến nhưng ít khi nào họ xô xát. Chúng ta chưa có kinh nghiệm sống lưu vong trên xứ sở khác."

Chắc ông Trần Văn Thủy phải hài lòng lắm, khi theo dõi khúc phim hòa bình do ông Hoàng Khởi Phong mô tả. Có thể thêm vào khúc phim này vài chi tiết hấp dẫn khác, như cảnh sống hòa bình giữ dân Pakistan, dân Bangladesh và dân Ấn tại hải ngoại, và cảnh hai phái đoàn lực sĩ Bắc và Nam Hàn đi chung nhau tại Thế Vận Hội. Nhưng người viết e rằng ông Hoàng Khởi Phong đã lầm, khi muốn so sánh mối liên hệ giữa di dân Đài Loan với di dân Hoa Lục, và người Việt tỵ nạn với cán bộ Việt Cộng tại hải ngoại.
Đã có những tranh chấp giữa Hoa Lục và Đài Loan từ trên nửa thế kỷ, nhưng trên thực thể, đó là hai quốc gia riêng biệt, nên tại hải ngoại, di dân nước nọ tôn trong quyền sinh hoạt của di dân nước kia, là điều tự nhiên. Giả tỉ Cộng Sản Miền Bắc không cưỡng chiếm Miền Nam (như Hoa Lục không cưỡng chiếm Đài Loan), và ngày nay có di dân từ cả hai Miền Nam và Bắc Việt Nam cùng sống tại một thành phố ở Mỹ, chắc họ cũng đối xử với nhau như dân từ Hoa Lục và Đài Loan. Nhưng Cộng Sản Miền Bắc đã cướp Miền Nam, đã và tiếp tục tàn ác với dân Miền Nam (điều này ông Hoàng Khởi Phong và quý vị nhà văn trả lời ông Trần Văn Thủy biết rõ hơn người viết bài này, nên xin miễn nhắc lại). Chẳng những thế, tuy đã phải bỏ lại tất cả, liều mạng ra đi, Cộng Sản Việt Nam vẫn không để những người tị nạn yên ổn với cuộc sống mới. Thí dụ cụ thể là qua Nghị Quyết 36, họ đã quyết định thưởng công cho những người hoạt động cho họ, và dọa đối phó với những ai chống không theo họ. Trong cộng đồng Việt Nam tị nạn hải ngoại, không có những người liên hệ mật thiết tới hai cơ chế cai trị khác nhau, là Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, như Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (Hoa Lục), mà chỉ có những nạn nhân Cộng Sản, và bọn cán bộ hay tay sai trà trộn hoạt động cho Cộng Sản. Do đó, tập thể người tị nạn Việt không thể dùng cái lễ của người di dân nước này đối với người di dân của nước lân bang. Họ phải dùng những biện pháp của nạn nhân, dành cho tay chân kẻ cướp. Ông Hoàng Khởi Phong đã từng đề cao cách ứng xử của cộng đồng Do Thái. Nếu chịu chú ý một chút, ông có thể thấy rõ họ đã đối xử thế nào với những người trước đây có dính dáng tới chế độ Đức Quốc Xã, dù chuyện đã xẩy ra trên nửa thế kỷ trước. Và lại giả tỉ, nếu bây giờ Trung Cộng cũng cướp Đài Loan, như Việt Cộng đã làm đối với Nam Việt Nam, liệu sau đó ông Hoàng Khởi Phong còn cơ hội thích thú chứng kiến cách đối xử ôn hòa của dân gốc Đài Loan dành cho cán bộ Bắc Kinh không?

***

Trong chuyến bay Boston-Las Vegas Quận Cam, tôi được biết Hoàng Khởi Phong sẽ ra đón tôi ở phi trường. Tại chỗ lấy hành lý, Hoàng Khởi Phong vui mừng vỗ vai tôi bảo: "Cao Xuân Huy cũng ra đón ông đấy, anh chàng phải chạy xe lòng vòng ngoài kia vì không có chỗ đậu "Chúng. tôi trở ra, một chiếc xe Jeep Grand Cherokee đen tập vào lề và anh chàng tài xe Thò đầu ra. Tôi bỗng nhận ra một nét quen thân mà không sao nhớ nổi. Khi về tới nhà, đặt va ly, Cao Xuân Huy nói với tôi: "Tôi giống một người mà ông quen thân ở Hà Nội đấy Tôi Là con trai ông Cao Nhị, bạn của các ông.!" Trời! Tại sao lại có chuyện lạ như vậy. Cao Nhị vốn là bậc đàn anh của chúng tôi. Trong làng điện ảnh, giới văn chương và báo chí Hà Nội ai mà chả biết ông. Ông viết văn, làm thơ, làm báo, đời sống giữa tung tưng, bọn trẻ chúng tôi rất quý trọng ông cảm mến và. Tôi biết tất cả những người con của ông hiện ở Hà Nội. Còn Cao Xuân Huy, cũng là con ông Cao Nhị, như từ trên trời rơi xuống, tôi chưa một lần nghe nói.

(trích đoạn “Tản mạn với Cao Xuân Huy” – Trần Văn Thủy, - trang 47)

***

Nhưng thời đó tôi không hề biết Thủy gặp khó khăn, nghệ thuật anh ‘’ ám chỉ’’ và ‘’ ẩn dụ’’, khiến những kẻ có tật ắt phải giật mình. Tôi có cảm tình, nhưng sau truân chuyên lưu lạc, tôi không có dịp biết gì thêm về anh. Phải đến khi anh sang Mỹ, và các bạn tôi là Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy in ‘’ Nếu đi hết biển’’ năm 2003 và phát hành DVD ‘’ Chuyện tử tế ‘’ năm 2007 thì tôi mới ‘’ hiểu ‘’ được Thủy phần nào.

Tôi nói với Phong ‘’ chơi được!’’. Phong cười ‘’ quá được đi ấy chứ! ‘’ và khi đó tôi nhờ Phong liên lạc với Thủy. Thế là đến 2013 tôi mới lò mò đến thăm anh. Vui. Và rất thẳng thắn. Kể về Huy, cậu em rể hụt của tôi, Thủy nhắc đoạn anh chuyện với Huy về Hoàng Sa và phát cáu quát ‘’ Mày biết và sống mà không kể lại thì ai kể nào?’’. Nay Huy đã thành người thiên cổ, tôi xin chép lời anh trong ‘’ Nếu đi hết biển ‘’:

(Hà Nội trong mắt một ngươi mù – Nam Dao)

Ngôi trường cũ

Hòang Khởi Phong

Hoàng Khởi Phong ngồi đúng vào chỗ ngồi của mình trong ngôi trường cũ cách đây đã nửa thế kỷ (đạo diễn Trần Văn Thủy ngồi trên bàn thầy giáo)

1

Chúng tôi tới thị xã Cẩm Phả vào hồi mười giờ sáng. Một cơn mưa bất thường ập xuống, làm như trời cũng cảm được lòng người, nhỏ những giọt nước mắt của trời để làm chất xúc tác cho những giọt nước mắt của người có dịp tuôn trào.

Sau hơn nửa thế kỷ quay lại, thị xã Cẩm Phả hoàn toàn không còn một vết tích cũ. Cũng không hẳn như thế, những ngọn núi tất nhiên vẫn còn đó, ẩn sâu trong lòng núi vẫn là những vỉa than đá đen nhánh và bóng loáng như gương, được thiên nhiên cấu tạo từ hàng tỉ năm về trước. Nếu có khác đi chính là con người, và những gì do bàn tay con người tạo dựng. Tất nhiên thiên nhiên cũng sẽ bị con người vun quén, bồi đắp, phá hủy và làm biến thái phần nào, song nhìn chung thì non xanh vẫn còn đó, và nước biếc vẫn còn đây, kể cả những cây thông tuy có xơ xác hơn vì không được gìn giữ đúng mức, nhưng chúng vẫn còn mọc khá nhiều trên sườn núi, chĩa những cái ngọn nhọn hoắt chọc thẳng lên trời xanh. Chỉ có nhà cửa, phố xá, xe cộ thì không còn một vết tích gì của nửa thế kỷ trước. Sau cơn mưa bất thường ập xuống, lớp bụi than đá tạo thành những giòng nước đen ngòm chẩy lênh láng trên mặt đường.

Dọc theo con đường chính chạy ngang thị xã những ngôi nhà vài ba tầng vươn lên khỏi ngọn những tàng cây bàng cổ thụ. Ít nhất thì những cây bàng này vẫn còn tồn tại. Tôi không hiểu nhiều về đời sống thực vật, nhưng có lẽ loại cây này có thể sống hàng thế kỷ, và như thế thì chính những cây bàng này là vật chứng cho sự thay da đổi thịt của thị xã Cẩm Phả Mỏ này. Trước một quang cảnh hoàn toàn lạ lẫm, tôi lúng túng không biết phải xử trí như thế nào, phải bắt đầu từ đâu để tìm lại dấu vết của ngôi trường cũ, nhưng hai người bạn đồng hành của tôi, đạo diễn Trần Văn Thủy vốn là người của Hà Nội, và Nguyễn Kỳ Hùng, một anh bạn cũng ở Mỹ về chung với tôi kỳ này thì tỉnh táo hơn tôi. Từ phía sau chồm lên vỗ vai anh tài xế, Thủy nói:

- Đậu xe lại đây. Ông Phong này, có cái trường Mầm Non to đùng, bọn mình vào hỏi các thầy cô ở đây may ra họ biết. Thế nào cũng có người biết ông ạ.

Tôi mở cửa xe dợm bước xuống. Dẫu chưa tìm thấy ngôi trường cũ, nhưng tôi biết tôi sắp bước xuống một phần đất mà nửa thế kỷ trước tôi đã từng chạy nhẩy, chơi đùa với chúng bạn. Tôi có cảm giác toàn thân tôi run lên, như có một luồng khí lạnh chạy dọc xương sống xuống tới tận bàn chân, khi chân phải tôi vừa mới chạm xuống lớp nhựa trên mặt đường.

Bên kia đường tôi thấy một tấm bảng lớn ghi tên trường, mà vừa thoáng nhìn qua tôi biết ngay ngôi trường Mầm Non này dứt khoát không phải là ngôi trường Tiểu Học Cẩm Phả Mỏ mà tôi đã học năm mươi mốt năm về trước. Không lẽ người ta đã phá ngôi trường cũ của tôi, để dựng lên ngôi trường này. Tuy vậy tôi cũng lẽo đẽo đi sau Trần Văn Thủy. Anh đẩy cái cổng sắt khép hờ, bước vào sân trường. Mới có hơn 10 giờ sáng, trong một ngày bình thường mà sao sân trường vắng hoe, không cả tiếng lao xao vẳng lên nơi những lớp học. Cho dù học trò đang giờ học ở trong lớp, thì thế nào nơi sân trường cũng có những chỉ dấu của một ngôi trường đang hoạt động. Thế nhưng tôi nhìn khắp sân trường, tuyệt không thấy một dấu vết gì, chỉ có vài con chim tránh mưa trong những tàng cây lớn trong sân trường.

Là một đạo diễn thành danh ở trong nước, đã từng tiếp cận với đủ mọi loại người, Trần Văn Thủy xăm xăm bước tới một căn phòng mở cửa. Đi sau anh vài bước, tôi nghe tiếng anh nói với tôi, nhưng thật ra là để phân bua với một người nào đó trong phòng:

- May quá ông Phong ạ, vào đây. Có cô giám hiệu đang làm việc mình có thể hỏi cô về ngôi trường tiểu học cũ của ông.

Tôi líu ríu theo chân Trần Văn Thủy bước vào phòng. Một phụ nữ chừng ngoài bốn chục mặc

áo dài mầu nhã đang cắm cúi làm việc, ngước mặt lên chào chúng tôi bằng cách tự giới thiệu mình không phải là giám hiệu, mà chỉ là hiệu phó, và mời chúng tôi ngồi xuống hai cái ghế tiếp khách trước bàn làm việc. Thủy chỉ vào tôi và nói:

- Chúng tôi từ Hà Nội về đây, anh bạn tôi ở trong Nam ra. Trước kia anh ấy học tại trường tiểu học Cẩm Phả Mỏ, giờ có dịp về đây muốn tìm thăm ngôi trường cũ. Xin hỏi cô trường ta có phải là trường tiểu học trước đây không.

- Không phải hai ông ạ, ngôi trường này mới xây cất cách đây chừng mười năm mà thôi. Xin lỗi ông học ở đây thời kỳ nào?

- Lâu lắm rồi, từ hồi trước 54, bây giờ có dịp về thăm chốn cũ, nhân thể tìm xem ngôi trường cũ có còn không?

- Như vậy là khi ông học ở đây thì tôi chưa ra đời, nhưng tôi biết chắc ngôi trường đó vẫn còn. Hai ông đi thẳng thêm chừng một cây số nữa, bỏ hai ngã tư, gặp ngã ba đầu tiên ông rẽ trái chừng độ vài chục, một trăm thước, thì thấy ngôi trường cũ các ông muốn tìm.

Chúng tôi chào cô hiệu phó đi ra, hai tách trà cô rót mời chúng tôi vẫn còn bốc khói.

2

Leo lên xe Thủy dặn anh tài xế chạy thật chậm, để tôi có thể nhìn xem cảnh cũ, người xưa có còn một chút dấu vết nào không. Tôi rất muốn đi bộ, trên con đường nửa thế kỷ trước tôi vẫn la cà mỗi khi tan học, nhất là theo lời cô hiệu phó ở trường Mầm Non thì từ đây tới ngôi trường cũ của tôi đâu có xa xôi gì, chỉ hơn một cây số và tôi nhìn thấy thấp thoáng cái ngã ba đó. Nhưng cơn mưa bất thường đã làm cho mặt đường phủ một lớp nhầy nhầy đen kịt, tôi không nỡ để các bạn phải lội bộ đành leo lên xe.

Tôi hạ hết tấm kính xe, những giọt nước mưa thỉnh thoảng hắt vào mặt tôi, như muốn rửa sạch cho tôi mớ hình ảnh lùng bùng hỗn độn của ngày thơ ấu. Nhà cửa hai bên đường mọc san sát như bát úp. Trong trí nhớ của tôi, toàn thị xã Cẩm Phả này không hề có một ngôi nhà ba tầng, song giờ đây trên con phố chính họa hoằn tôi mới nhìn thấy một ngôi nhà trệt không có lầu. Trong trí nhớ của tôi, những ngôi nhà ở đây là nơi trú ngụ cho từng gia đình, bây giờ mỗi căn nhà ngoài mặt tiền là một cửa hiệu, bầy bán một loại hàng nào đó. Ngày xa xưa đó việc mua bán thường diễn ra ở chợ, những ngôi nhà dù lớn hay nhỏ, khang trang sáng sủa hay lụp xụp tối tăm thường chỉ là chỗ trú ngụ cho mỗi gia đình. Thỉnh thoảng tôi thấy người ta dùng rơm thui chó ở bên hông nhà, rồi mang ra cái giếng công cộng mổ bụng, máu loang ra hòa với nước đọng thành những vũng mầu hồng. Mỗi lần có đánh đụng chó thì bọn trẻ con chúng tôi bu lấy vòng trong vòng ngoài, xúm xít nói cười ầm ĩ, giờ đây tôi nhìn thấy hai bên đường ít nhất cũng có vài ba *"cửa hàng thịt chó".*

Đột nhiên tôi nhìn thấy một trụ cây số ngay trên hè phố, trên tấm trụ xi măng này ghi rõ "Cửa Ông 11 km". Cả một thời thơ ấu của tôi hiện về cùng với cái bảng cây số này, và tôi biết chắc nếu đi thêm một cây số nữa sẽ có một cái trụ khác ghi "Cửa Ông 10 km". Nửa thế kỷ trước hầu như hai tấm bảng này giới hạn khu vực trung tâm của thị xã Cẩm Phả Mỏ. Địa danh Cửa Ông chỉ là một địa danh khác của Cẩm Phả Bến. Cũng là Cẩm Phả, song nơi gia đình tôi trú ngụ là mỏ than, người Pháp gọi là Cam Pha Mines, còn Cửa Ông là nơi những con tầu ăn than cập bến, để chở than từ Cẩm Phả Mỏ đi đến những chân trời xa thẳm, được người Pháp gọi là Cam Pha Port.

Thuở nhỏ tôi đã nhiều lần tiểu vào hai cột cây số này, bởi vì thời đó tôi là một cậu trò nhỏ tinh

nghịch, và khúc đường này thời đó tuy là khu vực trung tâm của thị xã, nhưng nhà cửa thưa thớt hơn nhiều và thỉnh thoảng có nhiều khoảng trống, nên tôi không úy kỵ điều gì. Thời đó tôi đi học buổi sáng, khi thức dậy thì cha tôi đã đi làm từ sớm, khi tôi tan trường thì cha tôi cũng chưa về, do đó tôi một mình lang thang trên đoạn đường này, và thường nghịch ngợm leo trèo cho tới khi nào nghe tiếng còi tan tầm tôi mới ù té chạy về nhà trước ông chừng mười, mười lăm phút mà thôi. Bởi vì cha tôi làm việc ngay bên cạnh nhà, song mỗi khi còi tan tầm rồi cha tôi còn phải làm nốt một số công việc hàng ngày của người giám thị rồi mới được ra về.

Có hôm tôi thủ một cái súng cao su, túi quần soóc đầy những viên cuội tròn, tôi bắn bất cứ một sinh vật nào, chạy nhẩy, bay lượn trong tầm súng của tôi. Có hôm kiếm được một trái bòng non, tôi đá bóng một mình tại sân vận động gần sát cổng trường cho tới khi trái bòng vỡ nát. Có hôm tôi nhặt một cái ống bơ rỉ, vừa đi vừa đá dọc đường cho tới khi tôi phải leo một cái dốc cao để về nhà, vì thời gian đó cha tôi được bác tôi giới thiệu vào làm cho mỏ than, vì tương đối ông là người nói tiếng Pháp trôi chẩy, nên được tuyển dụng làm giám thị cho mỏ than, được sở mỏ cấp phát một căn nhà ở trên đỉnh núi, sát ngay với công trường để dễ dàng trông coi công việc. Nhà tôi ở sát với một đường dây cáp để trục các xe goòng than từ trên núi xuống dưới chân núi, ở đó có hàng chục chiếc xe vận tải chở than chờ sẵn. Con đường đi học hàng ngày của tôi nương dưới bóng của cầu trục này, thành thử có một đoạn đường dốc ngược đúc bằng bê tông chạy ngay dưới dây cáp của cầu trục.

Tôi nhớ tới những buổi sáng mùa đông, cứ nghĩ tới con dốc dựng đứng ngay dưới cần trục là tôi chỉ muốn nằm luôn tại nhà, thế nhưng bao giờ tôi cũng tốc chăn đứng dậy, vì hình ảnh cái roi mây trong tay thầy giáo quẫy như một con lươn trước mặt tôi, và sợ hơn nữa là cái thở dài của cha tôi mỗi khi tôi phạm lỗi nặng. Tuy nhiên tôi chỉ phải đi học theo con dốc cầu trục một thời gian nửa năm đầu ở Cẩm Phả, vì tôi là đứa trẻ đủ cứng cáp theo cha tôi đi trước. Nửa năm đầu ở Cẩm Phả chỉ có cha con tôi ở trong căn nhà lưng chừng núi này. Sau khi đã thu xếp công việc, nơi ăn chốn ở đâu vào đó cha tôi viết thư về nhà, nhắn mẹ tôi đưa toàn bộ gia đình ra xum họp với cha tôi, vì sở mỏ cấp cho cha tôi một căn nhà dưới phố, chỉ cách trường một thôi đường ngắn.

Từ lúc nhìn thấy cái cột cây số trên lề đường, tôi biết chắc tôi sẽ tìm được ngôi trường cũ.

3

Xe vừa mới chớm quẹo trái ở ngã ba, tôi nhìn thấy một tháp chuông nhà thờ nhô lên cao, và ngay lập tức làm như tôi ngửi thấy mùi hăng hắc của những cái hột bàng bị đập vỡ, sau khi lớp cùi bên ngoài mầu vàng ối ngọt lự bị tôi gặm hết, tôi thường đập vỡ đôi cái hột, để lấy cái nhân mầu trắng ăn bùi bùi. Có lần gặp phải một hột bàng quá trơn, tôi để cái hột này lên trên nền xi măng, dùng tay trái để giữ hột bàng, tay phải cầm một hòn đá đập xuống. Hột bàng văng ra xa, hòn đá đập trúng ngón tay sưng vù tím ngắt. Phải rồi ngôi trường của tôi quanh quẩn đâu đây nơi nhà thờ này. Chính nơi đây cũng là nơi đã dung chứa tâm hồn thơ dại của tôi trong những buổi trưa nắng gắt. Trong trí nhớ của tôi, thời đó ngôi nhà thờ này dường như không có cái tháp chuông cao, nhưng chắc chắn ngôi nhà thờ đã có đó từ trước khi tôi theo chân cha tôi ra Cẩm Phả.

Cơn mưa bất thường dường như đã gột bớt được lớp bụi than bên ngoài, làm cho mầu vàng của tháp chuông sáng sủa hơn, đồng thời trí nhớ của tôi cũng nhờ đó mà rõ nét hơn. Đúng rồi, ngôi nhà thờ này nằm phía sau trường tôi, nơi mà mỗi lần chào cờ hát quốc ca đầu tuần, trong trí nhớ của tôi tuy không có tháp chuông cao nghệu, nhưng dường như có một cây thánh giá nhô lên đằng sau trường, và bọn trẻ ngoại đạo chúng tôi thường đứng bên đường chỉ trỏ, cười nói huyên thuyên mỗi lần có dịp xem giáo dân rước kiệu.

Anh tài xế vừa ngừng xe lại. Tôi còn đang bàng hoàng khi nhìn thấy cổng trường cũ, thì Kỳ Hùng ngồi phía bên cạnh tài xế, cùng với Trần Văn Thủy ở phía sau đã mở cửa xe bước xuống trước tôi. Chưa bước vào trong sân trường. Thủy đã reo lên:

- Chắc chắn đây là ngôi trường cũ của ông rồi ông Phong ạ. May quá ông về kịp, người ta đã xây một ngôi trường bề thế hơn ở ngay bên cạnh. Tôi sợ rằng nhiều lắm là một hai năm nữa người ta sẽ đập mấy lớp học quá cũ, mà nếu lúc đó ông về sẽ không tìm được cái gì ông muốn tìm.

Tôi nhìn thấy ống kính máy hình của Kỳ Hùng lóe sáng liên hồi. Anh chụp hình từ cổng trường trở vào. Một tấm bảng treo sát với mái trường, choán hết hai phòng học ở giữa với hàng chữ "Dạy Tốt – Học Tốt" làm tôi bỡ ngỡ. Chữ Việt là một ngôn ngữ giầu hình ảnh và âm thanh, câu khẩu hiệu này cụt ngủn kiểu "Ba đảm đang, ba sẵn sàng" khiến cho tôi khựng lại.

Đây là ngôi trường năm mươi mốt năm trước tôi đã học. Dẫy phòng học bốn lớp nằm ngay trước mắt tôi. Người ta đã thay cái sân cỏ bằng một sân xi măng, những cây bàng trước kia đâu hết mà thay vào đó là vài cây bàng nhỏ xíu, mới trồng nằm ngay giữa sân trường. Tôi vẫn đứng ở ngoài sân nhìn lên thềm lớp. Hôm nay là một ngày giữa tuần, tôi không hiểu vì lý do gì mà cả trường Mầm Non lẫn ngôi trường này đều cho học trò nghỉ, nhờ vậy mà tôi được hoàn toàn thoải mái với những hình ảnh của riêng tôi lưu trữ trong đầu. Sân trường trong một ngày nghỉ học rộng mông mênh, nước mưa vừa mới đọng thành từng vũng loang loáng trên mặt đất.

Đột nhiên tai tôi như bị ù đi bởi những âm thanh lùng bùng, hỗn độn, rồi những tạp âm dần dần dịu lại, để nhường chỗ cho những tiếng lao xao xì xào vang ra từ trong các lớp. Rồi bỗng nhiên ngay khi còn đứng ở ngoài sân, tôi đã nhìn thấy các câu thành ngữ treo trong các phòng học: *"Ngày nay học tập ngày mai giúp đời", "Tiên học lễ hậu học văn", "Một tinh thần minh mẫn, trong một thân thể tráng kiện".* Tôi nhìn thấy các tấm bản đồ của nước ta, với mầu xanh của biển Đông ôm ấp mầu vàng của lãnh thổ. Chưa bước chân vào trong lớp, nhưng hình như tôi đã nhìn rõ cái bàn của thầy Phái kê sát gần bên cửa sổ, trên một bục xi măng cao hơn nền lớp chừng nửa thước tây. Cái bục xi măng này chạy dài suốt bề ngang lớp học, để thỉnh thoảng thầy từ bàn bước ra, viết các đầu đề lên trên bảng đen. Chữ của thầy viết tuyệt đẹp, ngay hàng thẳng lối mà đều như chữ in. Tôi nhớ rõ chỗ tôi ngồi năm mươi mốt năm về trước, đó là một chỗ đầu bàn thứ hai. Bàn trên cùng là chỗ các chị Thúy, Mão cùng vài chị nữa ngồi. Mấy chị khi ngồi xuống cao hơn tôi hẳn một cái đầu, do đó tôi luôn phải nghiêng mình ra lối đi ở giữa lớp để có thể nhìn thấy những hàng chữ thầy viết trên bảng đen.

Từ dưới sân trường, tôi dợm bước chân lên thềm lớp với những hình ảnh thoáng qua đầu tôi: Ba lớp học buổi sáng xếp hàng vào lớp. Lớp Nhất của chúng tôi đứng ngoài cùng, kế bên là Lớp Nhì của thầy Lâm và sau cùng lẽ ra là lớp Ba, của một thầy tôi đã quên tên, vì khi tới Cẩm Phả tôi đã học nửa năm lớp nhì với thầy Lâm, rồi lên lớp Nhất của thầy Phái. Thay vào Lớp Ba buổi sáng lại là Lớp Năm của thầy Phiên, một lớp học buổi chiều, và tôi thấy hình ảnh đặc biệt thầy Phiên mỗi buổi chiều khi tan trường, tôi phải đi đón em gái tôi học lớp của thầy. Tôi đứng ở ngoài hành lang, thầy to miệng đọc *: "O tròn như quả trứng gà, Ô thì có mũ, Ơ thì có râu ",* bọn trẻ con chúng tôi đứng ngoài gào lên Ô, Ô, Ô, Ô bởi vì thầy Phiên có một hàng ria mép, nên lúc nào mở miệng cũng là một chữ Ô to tướng. Khác với thầy Phái và thầy Lâm mặc complet khi dậy học, thầy Phiên mặc quần ta, áo the thâm khăn xếp trên đầu, giầy Gia Định dưới chân. Thầy là một khuôn mặt đặc biệt trong trường, lúc nào cũng khoan hòa với học trò, không quá nghiêm như thầy Lâm và không dữ đòn như thầy Phái.

Bước chân lên thềm lớp tôi thấy lòng quặn lại, nước vôi quét tường bị bong ra từng mảng lớn,

mầu xanh của sơn cửa bị bụi bám đầy trở thành một mầu đen xỉn, và những tấm gỗ cánh cửa bị thời gian làm cho co lại, tạo thành những kẽ hở rộng bằng đốt ngón tay. Đẩy cửa bước vào, tôi nhận thấy phòng học này dường như đã bị bỏ hoang khá lâu, bàn ghế xiêu vẹo, những mảng ố trên trần, trên tường và trên nền nhà chứng tỏ mái trường đã bị dột khá nhiều. Những hàng chữ viết bằng gạch non nguệch ngoạc trên tường, và thậm chí thỉnh thoảng còn có những hình vẽ bậy bạ chứng tỏ phòng học này đã không còn là nơi cho học trò đến học.

Tôi nhìn lại những cái bàn học trò, chỗ tôi ngồi đầu bàn hai, chắc hẳn năm chục năm qua đã có ít nhất hàng trăm cô cậu bé con ngồi vào chỗ tôi đã ngồi. Với hàng trăm cô cậu bé con dầy vò, nghịch ngợm, leo trèo, nhẩy nhót chắc hẳn những bàn ghế trong lớp học đã phải thay đổi ít ra một hai lần. Cái chỗ đầu bàn hai đó là nơi tôi đã ngồi, nhưng cái bàn đó chắc chắn không phải là cái bàn cũ. Tuy đã nghĩ như vậy, tôi vẫn xăm xăm bước tới, và vẫn thất vọng khi thấy trên mặt bàn không có những lỗ khoét hình tròn, để học trò đặt bình mực của mình cho khỏi đổ. Đã không có chỗ để lọ mực thì tất nhiên tôi cũng không tìm thấy tên mình ngay dưới đường rãnh để bút, mà tôi đã dùng đầu kim của cái compas khắc tên mình ngay dưới đường rãnh để bút này. Đã hơn bốn chục năm nay tôi không còn nhìn thấy cái compas, cái thước kẻ, bình mực tím, những cái ngòi bút lá tre, lá đề, những cục tẩy, những tờ giấy thấm...

Tôi ngồi xuống chỗ mình đã ngồi năm mươi mốt năm trước, khoanh tay lại để trên mặt bàn, mắt chăm chú ngó lên tấm bảng đen. Trên bàn thầy giáo anh bạn đạo diễn Trần Văn Thủy đã ngồi chễm trệ, thế rồi hình ảnh của Thủy nhòe đi. Rõ ràng tôi nghe tiếng thầy Phái kêu tên điểm danh cả lớp. Lố nhố quanh tôi những người bạn cũ ở đâu hiện về. Tôi nhớ cả lớp tôi năm chục người, chỉ có bảy người theo gia đình vào Nam. Trong bảy người này hai anh em Nguyễn Đức Thìn, Nguyễn Đức Phúc còn học chung với tôi thêm sáu năm nữa ở Nguyễn Trãi và Chu Văn An, Sài Gòn. Ngô Quang Nghiêm và Chu Quang Trung cũng học chung trường với tôi, nhưng không cùng lớp như tôi với Thìn và Phúc. Riêng Trần Tuấn Phong thì học Hồ Ngọc Cẩn cho gần nhà. Ngoài ra chị Thúy, chị ruột của Ngô Quang Nghiêm vào trong Nam mất sớm vì bạo bệnh. Cả sáu người học trò của thầy Phái hiện giờ đều cư ngụ ở Mỹ. Nhỏ nhất là tôi đã 62, Phong và Nghiêm 63, Trung và Phúc 64 và sau cùng Thìn 65.

Trước tôi năm năm, bác sĩ Ngô Quang Nghiêm từ Dallas đã đưa mẹ về thăm chốn cũ. Anh ở lại ở Cẩm Phả vài ngày, cùng với một nhóm y sĩ bạn làm một vài công việc từ thiện cho dân chúng. Anh tìm được gần hết những người bạn cùng lớp còn cư ngụ ở đây, mời các bạn cũ ăn một bữa cơm chung. Khi trở lại Dallas, Nghiêm gọi cho tôi biết anh đã mời được hơn một chục người, những người khác hoặc là đã chết, hay đã xiêu tán đi nơi khác. Nhưng chị Mão thì già đến độ như một bà lão tám mươi, mặc dù khi Nghiêm về thăm chốn cũ chị chỉ mới chẵn tròn sáu chục. Trước tôi hai năm bác sĩ Trần Tuấn Phong cũng về thăm Cẩm Phả. Phong cho biết căn nhà cũ của gia đình anh bây giờ vẫn là Ty Bưu Điện, nhưng vườn tược chung quanh thì đã mọc lên những căn nhà khác. Hoài aáy cha của Phong là Chủ Sự Nhà Giây Thép Cẩm Phả Mỏ (Ty Bưu Điện), rồi về hưu. Người thay cho cha Phong lại là bác ruột tôi. Khi bác tôi mới đổi lên đây, mỗi buổi tối cha tôi dẫn tôi sang nhà bác, hai anh em nói chuyện làng mạc, họ hàng nội ngoại có khi suốt đêm, nên căn nhà đó tôi đã từng ngủ lại nhiều lần.

Còn đang ngơ ngẩn thì tiếng quát của Trần Văn Thủy lôi tôi ngược trở về nửa thế kỷ trước:

- Trò Hiển, mang cuốn vở lên đây cho thầy chấm bài.

Tôi ngước mắt nhìn lên, thấy bóng dáng lờ mờ của thầy Nguyễn Huy Phái, với một bộ complet trắng, trên tay thầy là một cái roi mây nhỏ bằng ngón tay bay lượn trong không khí. Một cậu học trò nằm xấp trên một cái ghế dài trước bảng đen, rồi tiếng roi vun vút quất vào mông cậu bé bị phạt. Lần đó tôi bỏ quên cuốn vở tập vẽ ở nhà. Khi thầy gọi lên chấm điểm, tôi quơ đại cuốn vở

của Trần Đăng Mô ngồi bên cạnh mang lên trình thầy. Thầy tôi rất tinh mắt nhìn thấy mọi chuyện, nhưng thầy thản nhiên như không thấy gì. Chấm điểm cho tôi xong, thầy gọi tiếp Trần Đăng Mô, thế là cả hai đứa chúng tôi cùng bị đòn. Mô chỉ bị hai roi đòn cảnh cáo, còn tôi lãnh đủ năm roi mây đau quắn đít. Khi đánh đòn, thầy tôi còn nhiếc: “Đánh cho chừa cái thói dối thầy hại bạn”.

Ngô Quang Nghiêm cho tôi biết Mô hiện đã có cháu nội và ngoại, trước kia Mô làm phu mỏ. Cha con, ông cháu sống như những cái bóng trong một căn nhà ẩm thấp. Mô có nhờ Nghiêm chuyển cho tôi một lá thư, kèm với cái thư là bản fotocopy tấm hình của tôi chụp để làm thẻ học sinh khi chúng tôi đi thi Tiểu Học. Tấm hình này tôi đã cho Mô khi gia đình tôi vào Nam. Lá thư viết tay trên giấy vở học trò của Mô, sau vài lần dọn nhà đã thất lạc trong đống giấy tờ sách vở, thành thử trước hôm về tôi có ý định tìm mà không thấy. Thoắt một cái đã năm chục năm qua đi, đời người ta như một bóng câu qua cửa sổ, tôi không biết hiện giờ người bạn cũ sinh sống ra sao. Khi Nghiêm về thăm Cẩm Phả gặp Mô thì đã năm năm qua, liệu anh còn hiện diện trên cõi đời này, hay anh đã quá bộ theo thầy Nguyễn Huy Phái về nơi tiên cảnh.

Từ trong lớp học bước ra, tôi nhìn sang bên trái thấy một dẫy nhà lầu ba tầng. Đây mới là trụ sở của ngôi trường hiện nay của thị xã Cẩm Phả, và trường đã không còn là trường tiểu học nữa mà đã trở thành trường cấp 2 hay cấp 3 gì đó. Cho dù ngôi trường mới này to và đẹp cách mấy cũng không ăn nhậu gì tới tôi. Trần Văn Thủy nói đúng. Tôi về kịp lúc, chỉ một hai năm nữa thì người ta sẽ phá hủy cái dẫy nhà ngang có bốn lớp học tồi tàn này.

Tôi không hiểu những người bạn cùng lớp của tôi ai còn ai mất. Hoï cư xử với nhau thế nào trong suốt nửa thế kỷ qua. Theo Ngô Quang Nghiêm thì ngay những baïn hoïc cuõ coøn ở tại Cẩm Phả dường như không ai giữ liên lạc với ai. Có một hai người tương đối khá giả và có quyền thế, nhưng phần lớn đều khó khăn chật vật như Trần Đăng Mô. Phần chúng tôi, baûy người học trò vào Nam còn sáu, vì chị Thúy chẳng may mất sớm. Sáu đứa chúng tôi có thể vì đường đời đã phân tán ra khắp bốn phương trời, mười phương đất, nhưng vẫn giữ được tình bạn thời thơ ấu. Mỗi lần tôi qua Dallas, nếu Ngô Quang Nghiêm biết thì không thể nào tôi trốn thoát anh một bữa ăn, còn nếu Nghiêm từ Dallas về chỗ tôi chơi thì thế nào anh cũng tới tìm tôi. Trần Tuấn Phong ở gần tôi hơn, tuy chúng tôi không gặp mặt nhau thường, song thỉnh thoảng chúng tôi vẫn liên lạc với nhau mật thiết. Chu Quang Trung cũng ở gần tôi, thỉnh thoảng anh đọc một cái gì của tôi mà anh cho là được, thì thế nào anh cũng lôi tôi đi ăn trưa rồi nói chuyện cũ. Hai anh em Nguyễn Đức Thìn và Nguyễn Đức Phúc thì định cư ở Oklahoma. Thìn chẳng những là bạn học cùng lớp với tôi ở Cẩm Phả, còn là bạn học ở các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An trong Nam. Có một dạo tôi thất nghiệp, từ Oklahoma Thìn liên lạc với tôi rủ tôi sang Oklahoma làm thợ tiện với anh.

Nửa thế kỷ qua đi như một cái chớp mắt, hương linh thầy giáo của tôi giờ đây đang ở một nơi an bình nào đó. Mỗi năm trong ngày giỗ thầy, em Tần con gái đầu của thầy thường mời Trần Tuấn Phong và Trần Tuấn Lưu tham dự. Lưu là em ruột Phong, là học trò cưng của thầy Phái. Sau này vào Nam Lưu nương theo con đường đi trước của Phong, cũng theo Y Khoa. Sang Mỹ học lại nghề cũ, Lưu trở thành một bác sĩ có tiếng về ung thư, và đã có một thời giảng dậy tại trường UCLA. Cách đây vài năm bác sĩ Trần Tuấn Lưu mất vì ung thư. Thật là sinh nghề tử nghiệp. Anh dạy về ung thư, sống với ung thư rồi mất vì ung thư. Lưu đã nhanh chân đến trước với thầy Phái, nên vài năm nay trong ngày giỗ thầy chỉ có vợ chồng Tần và Trần Tuấn Phong. Sau khi đọc loạt bài ký của tôi nhắc đến trường xưa, nhắc đến thầy cũ, năm nay Tần mời tôi đến ăn giỗ. Thế nào tôi cũng rủ thêm Chu Quang Trung cùng đến, để nhìn lại di ảnh của thầy, người đã mở mắt cho hàng vạn học trò từ Bắc vào Nam, từ Cẩm Phả tới Quảng Ngãi, Quảng Đức, Sài Gòn.

Đứng trên thềm trường cũ, nhìn mấy cây bàng con mới nhú trong sân trường, thay thế cho những cây bàng cổ thụ đã mọc ở đây từ hơn nửa thế kỷ trước, tôi hiểu rằng một thời đại đã qua đi, nhiều thế hệ đã nằm xuống. Những con người mới của xã hội mới đã và đang ầm ầm lao tới...

(Đã in trên HL 82)

Chuyện trò cùng Trương Vũ

Trần Văn Thủy (TVT): *Anh Trương Vũ, anh chị và gia đình sang đây vào năm nào và ra đi trong hoàn cảnh nào?*

Trương Vũ (TV): Tôi rời Việt Nam tháng ba năm 1976. Vượt biển, đúng một tuần lễ trước khi phải trình diện học tập cải tạo. Điều kiện khó khăn và an toàn cho một chuyến đi như vậy vào lúc đó không cho phép tôi mang theo bất cứ một người nào khác trong gia đình. Chuyến đi gồm 5 người, do một đứa cháu, con của anh hai tôi, tổ chức, và mỗi người luân phiên nhau lái ghe. Tám ngày sau, chúng tôi đến được Phi Luật Tân. Tôi ở trong một trại tỵ nạn gần Manila được hơn bảy tháng thì được sang định cư ở Hoa Kỳ. Bằng tiền ở Mỹ gởi về, nhà tôi và các cháu sau đó cũng nhiều lần tìm cách vượt biển nhưng đều thất bại, có lúc cả nhà bị bắt và ngồi tù. Có nhiều lúc nhà tôi cho các cháu đi một mình. Cháu Ni (Linh Đài) lúc 11 tuổi đi vào rừng với một nhóm người dự tính vượt biển, bị động ổ, mọi người chạy tán loạn. Cháu đi lạc trong rừng, một mình. May mắn, gặp một ngôi chùa hẻo lánh, cháu vào xin nước uống, nhưng theo lời dặn trước đó của gia đình cháu không nói là mình đi vượt biển. Nhà sư trụ trì không vặn hỏi, cho cháu cơm nước, để cháu ngủ lại trong chùa, sáng hôm sau dẫn cháu ra tận đường cái và giúp cháu lên xe đò về nhà. Sau đó vài năm, cháu Nô (Anh Tuấn) cũng khoảng 11 tuổi, tìm cách vượt biển, bị bắt, nhốt trên một ngọn núi ở Khánh Hòa chung với những người vượt biển khác. Chị lớn của nó, cháu Na (Thanh Tuyền), lúc đó 16 tuổi hàng tuần mang đồ ăn lên thăm nuôi, có khi ngủ lại đó với em vì thằng bé sợ ma. Khoảng ba tháng sau cháu được thả về. Sau chuyến thất bại đó, gia đình tôi không dám nghĩ đến chuyện vượt biển nữa. Đến cuối tháng 12 năm 1985, tức gần mười năm từ ngày tôi rời Việt Nam, cả gia đình tôi, gồm má tôi, nhà tôi và năm cháu, sang Mỹ theo chương trình Đoàn Tụ Gia Đình. Ba tháng sau đó thì chị tôi và đứa con gái cũng sang. Trước đó khoảng nửa năm, em trai tôi vượt biển thành công và cũng sang định cư ở Mỹ. Tôi, từ một anh độc thân tại chỗ gần mười năm, bỗng có một gia đình đông đảo, gồm 11 người, cùng sống chung trong một căn nhà nhỏ tôi thuê ở quận Montgomery, ngoại ô Washington, DC. Với tôi và cả gia đình, đây là một “happy ending”.

TVT: *Trước khi rời Việt Nam, anh làm gì?*

TV: Tôi học Toán ở Đại Học Sài Gòn rồi dạy Toán ở Trung Học và sau đó, ở Đại Học Duyên Hải Nha Trang, cho tới ngày vượt biển. Tôi có phục vụ hai năm trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa, từ 1968 đến 1970. Khi được biệt phái trở lại dạy học, tôi mang cấp bực thiếu úy trừ bị.

TVT: *Và khi tới Mỹ, anh bươn chải ra sao để giờ đây anh có một vị trí hiếm hoi là phụ trách một nhóm các chuyên gia trong Trung Tâm Nghiên Cứu Vũ Trụ Mỹ (NASA)?*

TV: Khi sang Mỹ, tôi làm công việc quét dọn trong một nhà kho ở Philadelphia (bang Pennsylvania) khoảng gần một năm. Sau đó, tôi được nhận vào chương trình cao học Vật Lý Hạt Nhân ở University of Pennsylvania. Sau khi tốt nghiệp Thạc Sĩ Vật Lý Hạt Nhân, tôi vào làm việc cho NASA, từ 1980 cho đến nay. Trong thời gian làm cho NASA, tôi hoàn tất chương trình

Thạc Sĩ Toán, học thêm ngành kỹ sư Điện, tốt nghiệp Thạc Sĩ rồi Tiến Sĩ Khoa Học về kỹ sư Điện ứng dụng trong kỹ thuật không gian, ở George Washington University. Ở NASA, tôi làm trong nhiều lãnh vực khác nhau, lúc đầu làm vật lý gia trong một chương trình nghiên cứu về lớp ozone, và cuối cùng thì làm kỹ sư về phân tích và triển khai các kỹ thuật xác định quỹ đạo của phi thuyền.

TVT: *Vậy là phi thuyền Columbia vừa bị nạn là có trách nhiệm của anh đấy. Anh có thể nói đôi điều về cụ bà thân sinh ra anh, tôi thấy bà cao tuổi mà vẫn linh lợi và minh mẫn lắm.*

TV: Má tôi là một người đàn bà Việt Nam hoàn toàn, bà cụ chưa học hết lớp ba nhưng rất yêu chuyện học hành của con, chỉ biết hy sinh cho con, sau đó cho cháu và cho chắt. Hai năm trước đây, cả bốn thế hệ sống trong ngôi nhà này. Bây giờ vì công ăn việc làm phải tách ra nhưng cái bóng của má tôi vẫn còn trùm lên, đùm bọc thì đúng hơn, tất cả mọi người kể cả thế hệ thứ tư của gia đình tôi. Anh đã gặp má tôi, chắc anh cảm nhận được điều đó.

TVT: *Ở Việt Nam bây giờ "tứ đại đồng đường" cũng là chuyện hiếm, ở Mỹ thì tôi chưa thấy, mà nhà của anh chị rộng đẹp, tiện nghi như thế này thì thuận tiện rồi. Chỉ tội cho chị, tôi thấy chị vất vả vì lũ trẻ quá.*

TV: Bà xã tôi là người Bắc, ông cụ người Hà Nội và bà cụ người Nam Định. Lúc đầu mới sang đây bà xã tôi cũng đi làm ở các cơ quan Mỹ, nhưng khi cháu lớn sinh con thì nhà tôi quyết định ở nhà trông cháu ngoại, cho đến bây giờ. Nhà tôi đang đi theo con đường của má tôi mặc dầu được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn khác. Các con tôi lúc mới sang gặp nhiều khó khăn, như các cháu trai chẳng hạn, bỏ học từ lớp sáu ở Việt Nam, nhưng nhờ chịu khó nên cuối cùng cũng học hành đến nơi mặc dầu rất vất vả. Đa số tốt nghiệp về kỹ sư, làm việc một thời gian, trở lại trường chuyển sang học các ngành về Sức Khỏe (Health Science) như Nha hay Y Khoa. Đời sống khá ổn định. Ba cháu gái đều đã lập gia đình và đã có con.

TVT: *Tôi biết anh là người khiêm nhường. Nhưng khi ở Cali, tôi đã nghe bạn bè của anh ở đó rất khen anh chị và các cháu. Họ bảo rằng gia đình anh ở Nha Trang vất vả là thế mà bây giờ trong nhà, trai gái, dâu rể có tới 6 tiến sỹ và bác sỹ, các cháu đều thành đạt, có cuộc sống đàng hoàng, gia đình hòa thuận. Như vậy nếu tôi đặt câu hỏi: Lý do nào anh quyết định rời bỏ Việt Nam thì có thừa lắm không?*

TV: Về câu hỏi của anh "lý do nào đã làm tôi quyết định rời bỏ Việt Nam", tôi thấy khó có một câu trả lời có thể làm chính tôi hài lòng với nó. Quyết định rời bỏ quê hương mình không bao giờ là một quyết định dễ làm, và cũng không thể có một lý do chung cho tất cả mọi người. Mỗi người phải tự làm lấy quyết định đó cho chính mình, cho riêng mình. Không ai có thể nói quyết định đi hay ở là đúng cho mọi người. Tháng 3 năm 1975, tôi quyết định ở lại Nha Trang, không di tản vào Sài Gòn, mặc dầu có phương tiện và mặc dầu cả gia đình đã chuẩn bị di tản. Cái đêm 2 tháng 4. 1975, khi những chiếc xe tăng T54 của quân đội Giải Phóng tiến vào thành phố, cả thành phố im như một xác chết. Khi bà xã tôi đang nằm ngủ vụt ngồi dậy ôm mặt khóc, tôi nín lặng nhưng bắt đầu tự hỏi về cái đúng, sai của quyết định ở lại. Gần một năm sau ngày "giải phóng", tôi hoàn toàn tin rằng ra đi là đúng. Thật ra, nó vẫn không hoàn toàn đúng cho chính tôi, vì tôi chỉ có thể đi một mình. Nhà tôi biết được tâm trạng đó, đưa má tôi và cháu út, Bảo Trâm, lúc đó mới bốn tuổi, vào Sài Gòn thăm chị tôi. Hai ngày sau, tôi nhìn thành phố Nha Trang lần cuối cùng cho đến mãi 25 năm sau mới thấy lại. Đến nay, tôi vẫn tin rằng quyết định ở lại của riêng tôi vào 1975 có phần đúng có phần sai nhưng quyết định ra đi vào 1976 thì hoàn toàn đúng.

TVT: *Anh thường nói anh buồn là cuộc chiến Việt Nam đã không thực sự chấm dứt từ 1975,*

anh có thể cho biết rõ hơn không?

TV: Về chuyện đánh nhau bằng súng đạn thì cuộc chiến đã thực sự chấm dứt vào 30 tháng 4 năm 1975. Vị Tổng Thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, lên cầm quyền do sự chấp thuận của Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa, đã chính thức tuyên bố đầu hàng. Theo nghĩa đó, cuộc chiến đã chấm dứt. Tôi cũng rất mừng là nó đã chấm dứt (mặc dầu đến nay tôi vẫn tin rằng tương lai có thể tốt đẹp hơn cho đất nước Việt Nam nếu Miền Nam thắng trận). Tôi biết có những bà mẹ ở Miền Nam không còn đứa con trai nào sống sót, và tôi cũng biết có rất nhiều bà mẹ như vậy ở Miền Bắc. Mọi người đều phải mừng là không còn cảnh huynh đệ tương tàn như trước 1975 nữa. Thế nhưng, những mâu thuẫn giữa người Việt với nhau, liên hệ đến cuộc chiến hay phát sinh từ cuộc chiến, vẫn còn nặng nề lắm. Cuộc chiến đã chấm dứt 28 năm rồi, mà những mâu thuẫn đó vẫn còn rõ nét, ở trên đất nước Việt Nam, ở trong các Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại, trong từng gia đình, và có thể trong mỗi con người của chúng ta.

TVT: *Trước khi sang đây, tôi cứ nghĩ rằng, khi sống trên một đất nước có tự do dân chủ, với một đời sống vật chất cao, con người có thể trở nên khoan dung với nhau hơn. Chạm với thực tế, tôi thấy không hoàn toàn đúng như vậy. Tại sao lại có những hiện tượng một số người ở hải ngoại chống đối rất dữ dằn bất cứ ca sĩ nào ở trong nước ra trình diễn, dù là những ca sĩ rất trẻ sinh ra sau 1975? Tôi cũng rất buồn khi đọc một số báo chí ở hải ngoại viết thiếu chân thực cũng như rất thiếu tình người về những gì không may xảy ra ở Việt Nam. Như vụ hỏa hoạn ở khu Thương xá Tam Đa, người ta hân hoan đưa tin, buộc tội chính quyền trong nước. Nhưng vừa xảy ra một vụ hỏa hoạn khủng khiếp không kém ở The Station Night Club tại tiểu bang Rhode Island, hàng trăm người chết, cháy rụi cả một khu vực, liên quan đến trách nhiệm của nhiều quan chức, có thể phải bồl thường hàng tỉ Mỹ kim, không thấy báo Việt ngữ nào săn đón tin này để lên án chính phủ Mỹ cả. Tôi thiết nghĩ người ta có thể ghét một chế độ, không ưa một tập thể cầm quyền, nhưng làm sao lại có thể tàn nhẫn với đồng bào mình như vậy?*

TV: Tôi có phản ứng giống như anh về những hiện tượng đó. Tôi còn nhớ, gần 20 năm trước đây, vào thời gian cuộc chiến tranh ở Campuchia đang sôi động, một số báo chí hải ngoại vẫn thường loan những cái tin như "20 bộ đội Cộng Sản Việt Nam bị Khờ Me Đỏ phục kích giết chết" như loan một tin vui vì chứng tỏ đảng Cộng Sản Việt Nam đang sa lầy ở Campuchia, không một chút xúc động nào về cái chết của những thanh niên vô tội này cùng những đau đớn mà cha mẹ, anh em, bà con của họ gánh chịu. Tôi có nói đến phản ứng của tôi trong một bài viết đăng trên Hợp Lưu. Về cái thảm kịch liên quan đến vụ hỏa hoạn tại Sài Gòn trong năm rồi, anh Lê Xuân Khoa có chuyển đến tôi một e-mail nêu bất mãn của một trí thức trẻ gốc Việt về những phản ứng thiếu nhạy cảm của một số người Việt và báo chí ở hải ngoại, chỉ nhằm đổ tội chế độ mà quên đi nỗi đau của người trong cuộc. E-mail này đã được phổ biến rộng rãi. Điều đáng mừng là số đông đồng bào ở hải ngoại không có những phản ứng như vậy. Anh cũng không thấy những loại phản ứng đó trên các tạp chí văn học như Văn Học, Văn, Hợp Lưu. Bảy tám năm trước đây, ở vùng Washington DC, thỉnh thoảng có những cuộc biểu tình chống đối đồng bào gởi tiền hay về thăm nhà, cho đó là "thiếu quyết tâm chống Cộng, tiếp tay nuôi dưỡng và tuyên truyền cho chế độ". Số người biểu tình khoảng 100. Số tiền gởi về là hai tỉ USD. Số đồng bào về thăm quê hương trong năm đó là 200 ngàn, và cứ mỗi năm mỗi tăng. Trong những năm lũ lụt vừa qua, chắc anh có nghe nói đến những tiếp trợ ào ạt của người Việt ở hải ngoại gởi về cho đồng bào mình? Tôi không chắc có bao nhiêu người Việt ở hải ngoại thương yêu chế độ chính trị hiện thời tại Việt Nam, nhưng tôi tin đa số, thường là thầm lặng, thương yêu đồng bào và đất nước họ. Mặt khác, mỗi lần có các ca sĩ trong nước sang trình diễn ở Mỹ, bao giờ cũng có một số đoàn thể chính trị tổ chức biểu tình phản đối ở bên ngoài hội trường, nhưng số tham dự bên trong hội trường thường đông hơn cả chục lần, coi như không có chuyện gì xẩy ra và thường đứng dậy vỗ tay khi phần trình diễn chấm dứt. Một mặt nào đó, tôi thích có sự khác biệt trong những phản ứng, nó đem lại sự đa dạng cho đời sống, miễn là đừng dùng vũ

lực hay bất cứ hình thức đe dọa nào để buộc người khác suy nghĩ giống như mình. Dầu sao thì quả thực cũng có một thực tế còn in hằn dấu ấn của những hận thù, những uất ức từ cuộc chiến huynh đệ vừa qua. Theo tôi, những hận thù, mâu thuẫn giữa anh em lẽ ra đã phải được chấm dứt ngay sau khi chiến tranh kết thúc vào 30 tháng 4. 1975. Thế nhưng, thay vào đó lại là những trại tù, mang tên là trại cải tạo. Rồi đổi tiền, rồi "kinh tế mới", rồi ăn cơm độn trên một đất nước vốn xuất cảng lúa gạo, rồi những đối xử phân biệt, rồi cả triệu người đành phải nhào xuống biển bất kể có phải làm mồi cho cá hay hải tặc. Tôi không thấy có bao nhiêu giọt nước mắt dành cho họ. Tôi chỉ đọc được rất nhiều những trang sách báo kết án "bọn phản quốc", "bọn từ bỏ tổ quốc". Sau bất cứ một cuộc chiến nào, người thắng trận dễ chìa bàn tay để hòa giải hơn người bại trận. Người thắng trận, tôi muốn nói người có quyền và thắng trận, đã không làm chuyện đó mà còn làm điều ngược lại.

TVT: *Anh về lại Việt Nam vào dịp nào và có những cảm nhận gì sau nhiều năm xa cách?*

TV: Cách đây gần hai năm, tôi về thăm quê hương, sau 25 năm xa cách. Một anh Từ Thức về làng. Đầy xúc động. Tôi về Sài Gòn, ra Nha Trang, ra Hà Nội. Đời sống thoải mái hơn lúc tôi đi rất nhiều. Tuy nhiên, vẫn còn những cái không thay đổi chút nào. Bạn bè tôi ở Hà Nội rất tự tin. Bạn bè tôi ở trong Nam thì chấp nhận. Cả một loạt bạn bè giáo chức của tôi là những người đã được đào tạo rất kỹ ở trong Nam, nhiều người giỏi hơn tôi, nhưng không một ai được lên đến chức hiệu trưởng một trường trung học, dù là một trường trung học nhỏ, trừ một vài người, tuy không giỏi nhưng có thân nhân tập kết. Lúc tôi trở về, chiến tranh chấm dứt đã 26 năm rồi. Lúc đó, vào dịp kỷ niệm 30 tháng 4, đài truyền hình chiếu nhiều phim về "lính ngụy", bọn "lính ngụy" trông thật là ác ôn! Tôi, tên "lính ngụy" 25 năm trở về, nhìn hình ảnh "mình" trên truyền hình, cười ra nước mắt. Nhưng nói chung, tôi rất mừng là tôi đã trở về. Tôi có đến cái vùng mà tôi nghĩ là hồi còn nhỏ cháu Linh Đài đã tìm cách vượt biên để tìm lại ngôi chùa cũ và vị sư đã cứu cháu nhưng tìm không ra. Tôi không tìm được những người đi vượt biên với cháu trong loạt đó. Nhưng, tôi sẽ trở lại. Trong một buổi họp mặt với hơn 100 sinh viên cũ, tôi không ngăn được nước mắt. Học trò tôi đã dành cho tôi những tình cảm tôi không ngờ. Cái thời gian dài 25 năm hình như không có nghĩa lý gì. Gặp gỡ lại các thầy giáo và bạn bè cũ cũng thế. Chúng tôi không nói với nhau nhiều nhưng hiểu nhau và thấy thấm thía những tình nghĩa có được từ những ngày cũ. Những gặp gỡ này làm tôi tin một điều, con người Việt Nam tự thân của nó có những sức sống và cách sống khó tìm được ở đâu khác. Trở về, trong đời sống thật, giữa những con người thật, tôi bắt gặp lại mình.

TVT: *Anh có lưu ý tới một điều, đó là việc hòa hợp và hòa giải mà những năm qua cả trong và ngoài nước đã quan tâm không?*

TV: Người Việt không phải là loại người thù dai, không có một nền văn hóa hay những tôn giáo khích động sự thù dai. Tuy nhiên, người Việt chưa có truyền thống dân chủ lâu đời nên dễ chịu ảnh hưởng của những chính sách hay chủ trương của người cầm quyền hay các tổ chức chính trị về cách ứng xử với những tập thể con người khác. Chẳng hạn, ngày nay lãnh đạo Việt Nam không còn xem người Đại Hàn là "bọn lính đánh thuê Phác Chính Hy" nữa mà là bạn tốt thì cách ứng xử với nhau cũng thay đổi theo, và sự thay đổi đó được chính thức công nhận và khuyến khích. Đối với người Mỹ cũng vậy. Ngược lại, chưa có chủ trương hòa hợp hòa giải giữa người Việt với nhau do lãnh đạo Việt Nam hay các tổ chức chính trị hải ngoại có ảnh hưởng với quần chúng cổ võ. Thực tế là ở hải ngoại không có một tổ chức chính trị nào thực sự có ảnh hưởng tới đông đảo quần chúng nhưng ngoại trừ một vài nhóm như Thông Luận chẳng hạn, hầu hết đều giống nhau là không cổ võ chuyện hòa hợp hòa giải. Còn chống đối mãnh liệt là đằng khác. Lãnh đạo trong nước thì rõ ràng là chưa thực lòng hòa hợp, hòa giải. Nó chỉ nằm trên khẩu hiệu và nghị quyết. Một điều khôi hài là báo chí Việt Nam có thể đăng hình một cựu chiến binh Miền Bắc trong bộ quân phục của Quân Đội Nhân Dân ôm một anh

cựu chiến binh Mỹ trong bộ quân phục của quân đội Mỹ, nhưng không biết bao giờ chúng ta mới thấy một hình ảnh như vậy giữa một anh cựu chiến binh Quân Đội Nhân Dân Việt Nam với một anh cựu chiến binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa? Phần còn lại bây giờ chỉ là nỗ lực hàn gắn giữa những người Việt bình thường với nhau. Thiếu hậu thuẫn chính trị, nỗ lực này khó hơn và phức tạp hơn. Tuy nhiên, nó có thể dễ hơn nhờ tình đồng bào giữa người Việt và tánh không thù dai của mình. Nó sẽ dễ hơn nữa nếu được hỗ trợ của văn học nghệ thuật. Nhà văn và nghệ sĩ có trách nhiệm lớn trong vấn đề này. Thất bại, chúng ta lãnh đủ với câu nói "nhân dân nào chính phủ đó". Đúng ra, chuyện hòa hợp hòa giải không nên còn là một vấn đề lớn của người Việt. Cứ đến với một con người chỉ vì cá nhân của người đó, anh có thể thương, anh có thể ghét nhưng chỉ vì cá nhân đó thôi, không vì những nhãn hiệu gán lên cho anh ta. Tốt hơn nữa, anh kính trọng sự khác biệt, khác biệt do hoàn cảnh, do giáo dục, do tôn giáo, và đặc biệt, do sự lựa chọn chính trị của cá nhân.

TVT: *Trên văn đàn và trong giới cầm bút ở hải ngoại, người ta nhắc nhiều đến anh. Tôi được biết Trương Vũ chỉ là bút danh của anh. Vậy anh có thể cho hay động lực nào, nguồn cảm hứng nào đã lôi cuốn một nhà khoa học như anh sáp vào với văn chương?*

TV: Trương Vũ chỉ là bút hiệu, tên thật của tôi là Trương Hồng Sơn. Hồi còn nhỏ tôi rất dốt và sợ các môn học nhân văn, đặc biệt là Việt văn. Vì sợ bị kêu lên trả bài nên thỉnh thoảng tôi chịu khó học thuộc lòng vài bài thơ nhưng sau đó thì quên ngay. Tôi chỉ bắt đầu yêu văn chương sau khi nhập ngũ. Những bài thơ mà tôi đã quên hoàn toàn bỗng nhiên trở về và lúc đó tôi mới thực sự cảm nhận được cái đẹp của thi ca. Sau này, ra hải ngoại, mặc dầu vẫn tiếp tục làm việc trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật, văn chương và hội họa luôn luôn là nơi trú ẩn an toàn và tuyệt vời cho tôi. Tôi tham dự vào các sinh hoạt văn học ở hải ngoại rất sớm. Rất thích các sáng tác văn học, nhưng khi viết tôi lại viết lý luận, có lẽ vẫn còn chịu ảnh hưởng khá nặng của toán học. Có một thời gian, tôi làm chủ bút tạp chí Đối Thoại, nhằm tạo một diễn đàn cho trí thức Việt Nam cả trong và ngoài nước. Tôi có cộng tác với giáo sư Huỳnh Sanh Thông, làm đồng chủ biên tập san Việt học The Vietnam Review, được ba số thì tôi nghỉ vì xét không đủ khả năng và cũng không có thì giờ để theo kịp với sức làm việc phi thường của giáo sư Thông. Tôi cũng là đồng chủ biên, với Wayne Karlin và Lê Minh Khuê, tuyển tập văn chương chiến tranh *The Other Side of Heaven* (*Phía bên kia thiên đường*), do Curbstone Press xuất bản năm 1995. Tôi rất mong một ngày nào đó có thể để hết thì giờ vào chuyện viết và vẽ, sẽ sáng tác nhiều hơn là lý luận. Tôi rất thoải mái khi giao du với những bạn bè đam mê văn học và thực sự vui sướng khi lang thang trong một bảo tàng viện nghệ thuật.

TVT: *Anh nghĩ gì về thế hệ trẻ ở hải ngoại?*

TV: Thế hệ trẻ ở hải ngoại không ràng buộc với quá khứ như thế hệ cha anh. Đa số được hưởng một nền giáo dục lành mạnh, tiến bộ, với sự khuyến khích và cả sự hy sinh của cha mẹ, và sự giúp đỡ của quốc gia đã thâu nhận họ hay thâu nhận cha mẹ họ. Họ thành công và hội nhập vào xã hội mới một cách dễ dàng. Những ý niệm về tự do và dân chủ đi vào máu của họ một cách tự nhiên. Hầu hết những người trẻ này lễ phép nhưng giữ khoảng cách với các đảng phái chính trị ở hải ngoại. Họ cũng không chia sẻ được với cách sinh hoạt nhiều khi rất phản dân chủ và rất tiêu cực của một số tổ chức chính trị hay báo chí trong cộng đồng. Đôi khi vì bực mình với những đối xử phân biệt hay những vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo ở trong nước, họ hăng hái tham dự vào các sinh hoạt đấu tranh ở hải ngoại nhưng rồi sau đó họ lại tan vào trong xã hội Mỹ. Nhiều báo chí và tổ chức đấu tranh chỉ trích sự lơ là của lớp trẻ và e ngại sự "thiếu hiểu biết chính trị" của họ dễ khiến họ "bị cộng sản dụ dỗ" nên luôn tìm mọi cách để "bảo vệ" họ. Cách "bảo vệ" này ít nhiều khiến họ càng ngày càng tránh xa cộng đồng. Có một vấn đề quan trọng tôi muốn nói đến ở đây. Đội ngũ chuyên viên ở hải ngoại mà thành phần chính là giới trẻ rất lớn. Không biết bao giờ cả nước Việt Nam có thể sản xuất được một đội

ngũ như vậy, mà đội ngũ này lại càng ngày càng lớn hơn. Nhưng, cái cách chơi chính trị rất thiển cận ở cả trong lẫn ngoài nước đang đẩy lực lượng này xa dần với mình.

TVT: *Anh biết, khi tôi gặp Hoàng Khởi Phong, ông ấy có sự so sánh lý thú cộng đồng người Việt với các cộng đồng khác sinh sống trên đất Mỹ. Anh có thể có một góc nhìn khác về sự so sánh này không? Và nhất là quan hệ đến tương lai của lớp trẻ.*

TV: Người Do Thái, người Nhật Bản, người Trung Quốc, người Đại Hàn trên đất Mỹ hiện nay là người Mỹ hoặc sẽ là người Mỹ, nhưng luôn luôn có những ràng buộc tinh thần và vật chất với quốc gia gốc, dù bao nhiêu triều đại hay chế độ khác nhau đã cầm quyền trên quốc gia đó. Cái động lực chính tạo nên sự ràng buộc là cái phần văn hóa gốc của người di dân. Nó được nuôi dưỡng bởi cộng đồng hải ngoại và đặc biệt, bởi chính quốc gia gốc, ngoại trừ người Do Thái trước khi lập quốc, do tôn giáo của họ. Trong nỗ lực này vai trò các cộng đồng hải ngoại quan trọng nhưng không đủ, văn hóa của một quốc gia chỉ phát triển mạnh trên chính quốc gia đó. Người Trung Quốc khôn hơn người Việt Nam. Trung Hoa Lục Địa và Đài Loan tranh nhau tạo ảnh hưởng văn hóa trên các cộng đồng người Hoa, và những nỗ lực tích cực này rất mạnh so với những nỗ lực tiêu cực. Việt Nam, trong nước, tịch thu sách vở và chối bỏ những đóng góp văn hóa của Miền Nam cũ, cố lờ đi những nỗ lực gìn giữ và phát huy văn hóa Việt Nam nơi hải ngoại, ngăn chận văn hóa phẩm từ hải ngoại đi vào trong nước vì sợ "diễn biến hòa bình". Cách ứng xử như vậy rất khó hấp dẫn giới trẻ hải ngoại vốn có tinh thần cởi mở và tôn trọng sự công bình. Để chống trả lại chính sách văn hóa ở trong nước đối với Miền Nam cũ và hải ngoại, các tổ chức chính trị hải ngoại dồn nhiều nỗ lực để ngăn chận những ảnh hưởng văn hóa từ trong nước, và sự ngăn chận này thường đi quá đà.

TVT: *Anh nói cụ thể được không?*

TV: Đại loại như chuyện thằng bé Lam Trường ra hải ngoại hát mấy bài tình ca, cũng chống, vì sợ cộng sản tuyên truyền. Mấy đào kép cải lương đến ca vọng cổ khiến các bà má hải ngoại rớt nước mắt, cũng chống, sợ cộng sản tuyên truyền. Sự ngăn cản quá đà và vô lý thường không hữu hiệu lắm trong một đất nước tôn trọng tự do. Thế nhưng, những trò chơi chính trị tiêu cực và không hợp văn hóa như vậy của cả trong và ngoài càng làm cho giới trẻ trở nên nghi ngờ những giá trị đích thực của truyền thống văn hóa Việt Nam. Những nỗ lực tích cực và bền bỉ của một số cá nhân hay nhóm nhỏ ở hải ngoại chưa đủ sức làm cân bằng những ảnh hưởng tiêu cực này. Vai trò của giới trí thức và văn nghệ sĩ trong nước rất quan trọng, nhưng cho tới nay, thành thực mà nói, chưa thấy những nỗ lực đáng kể phát sinh từ trong nước, ngoại trừ việc xuất bản vài cuốn sách như trường hợp tiểu thuyết dã sử *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác (được viết nhưng không được in khi anh còn ở trong nước trước khi vượt biển). Cái văn hóa Việt Nam vốn đã nghèo mà còn loại trừ nhau, không biết sẽ còn bao nhiêu dính lại trong ruột gan những đứa nhỏ Việt Nam hằng ngày không ngừng tiếp thu cái văn hóa Tây Phương từ những quốc gia đang nuôi dưỡng chúng. Những quốc gia vừa lớn, vừa khỏe, vừa giàu có, vừa phóng khoáng và tự tin. Nếu cứ tiếp tục như thế, tôi không tin cộng đồng Việt Nam hải ngoại sẽ còn giữ được cái sắc thái của riêng mình, sẽ được tôn trọng như các cộng đồng Do Thái, Trung Hoa, Nhật Bổn, Đại Hàn...

TVT: *Vậy, không chừng ngay từ bây giờ ta có thể nhìn thấy một tương lai xa của cộng đồng?*

TV: Với cái xu thế này, tình cảnh này thì không phải là không chừng, mà chắc chắn một ngày nào đó người ta sẽ vẫn thấy những nhà khoa học, những kỹ sư, những bác sĩ, những giáo sư, v.v. mang những cái tên Nguyen, Tran, Ly, v.v. ở nước Mỹ, ở nước Pháp, Úc, Canađa... Nhưng cái gọi là cộng đồng Việt Nam sẽ chỉ còn là cái tên gọi, không có thực chất nào cả. Đến lúc đó, tôi không tin là những thế hệ gốc Việt sẽ vẫn còn yêu thương đất nước cũ, gắn bó với bà con

thân thuộc ở quê nhà đến cái độ chắt chiu tiền bạc gởi về hằng năm, mang tổng số lên hai tỉ USD như bây giờ. Đến lúc đó, tôi không biết cái "khúc ruột ngàn dậm" của VN sẽ là cái gì.

TVT: *Anh Trương Vũ, anh có muốn thêm ý kiến nào không?*

TV: Tôi nghĩ là chúng ta nên giúp nhau làm "người tử tế".

TVT: *Cám ơn anh. Anh đóng góp cho việc xác định quỹ đạo những phi thuyền của NASA thế nào thì tôi không rõ, nhưng con thuyền gia đình "tứ đại đồng đường" của anh vác từ Việt Nam qua Mỹ quả là một kỳ tích. Xin chúc bà và gia đình anh chị sự an bình.*

Washington DC, cuối đông 2003

Trò chuyện với Nhật Tiến - 1

Câu chuyện giữa ông Trần Văn Thủy với nhà văn Nhật Tiến, cho thấy bên cạnh một số quan điểm rõ ràng, không hiểu vì lý do gì, nhà văn này đã không nói rõ về một vài điểm khác. Ông Nhật Tiến đã nói thẳng nhận xét của mình khi có mặt tại Việt Nam: "Cảm giác xa lạ, sự không thể hòa nhập được vào đám đông ở chung quanh mình và cái bầu không khí sinh hoạt văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng 'dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào". Là một người xuất thân từ miền Nam trước đây, làm sao tôi có thể hòa nhập được'"

Cái nhìn của nhà văn Nhật Tiến đối với binh sĩ Miền Nam cũng rất rõ ràng: "Trong bao nhiêu năm khói lửa ròng rã ấy, chúng tôi biết chắc là đã có rất nhiều người gục ngã ngoài trận địa với lý tưởng là bảo vệ xóm làng, bảo vệ hậu phương trước sự tiến công của bộ đội miền Bắc. Nhân dân miền Nam biết ơn họ, đây là một thực tế trong đời sống có thể dễ dàng kiểm chứng..."

Ông Nhật Tiến cũng không ngần ngại nhìn thẳng vào các nhà lãnh đạo cả hai miền Bắc, Nam: "Trong thời kỳ Cải cách ruộng đất, cấp lãnh đạo tiến hành những cuộc đấu tố, con tố cha, vợ tố chồng, cái đó có phải là sản phẩm của những người có đầu óc dân tộc, có tinh thần dân tộc không? Chủ trương dẫu có thiêu đốt cả dẫy Trường Sơn để hoàn thành việc thống nhất đất nước với cả triệu sinh mạng dân chúng ở cả hai miền có phải xuất phát từ một tấm lòng yêu thương dân tộc không? Hay như lời lẽ của một vị Tổng Thống nói công khai trên đài truyền hình là viện trợ 700 triệu thì đánh theo kiểu 700 triệu, viện trợ 300 triệu thì đánh theo kiểu 300 triệu, thì đó có phải là lời lẽ của một thứ tay sai hay một loại con bài của ngoại bang không?"
Tuy nhận mình là người xuất thân từ miền Nam trước đây, nhà văn Nhật Tiến muốn thoát khỏi vị trí bên này hay bên kia, đứng trên bình diện dân tộc để nhìn lại cuộc chiến. Và từ vị trí này, ông cho rằng: "con đường hòa hợp hòa giải dân tộc là sinh lộ duy nhất để đem quê hương ra khỏi tình trạng mất tự do dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến và tràn lan tệ nạn tham nhũng và bất công như hiện nay". Ông Nhật Tiến đã có can đảm, đề cập tới một đề tài cấm kỵ (ta-bu), điều mà nhiều người thường tránh, vì sợ bị hiểu lầm.
Tại sao "hòa giải" vốn là chuyện tốt đẹp đã trở thành đề tài cấm kỵ? Vì không phải một mình ông Nhật Tiến cổ võ hòa giải. Cộng Sản Việt Nam cũng đã làm điều này, khiến tiếng nói của ông Nhật Tiến như một tiếng vang từ Hà Nội. Do đó, dễ bị hiểu lầm. Tất nhiên, một nhà văn chỉ sử dụng ngôn ngữ để diễn tả ý nghĩa thực của nó. Nhưng với Cộng Sản, ngôn ngữ là một thứ cạm bẫy dùng để lừa lọc. Nhà văn nói "một tháng" để chỉ 30 ngày. Nhưng trong ngôn ngữ của Cộng Sản, "một tháng" có thể là trên dưới 10 năm, như trong vụ Cải Tạo.

Ông Nhật Tiến đã coi hòa hợp hòa giải như một phương thuốc chữa bách bệnh. Có thể ông kỳ vọng hơi nhiều, nhưng đó là chuyện khác. Vấn đề đặt ra ở đây là, tại sao phải hòa giải dân tộc? Dân tộc ta có chia rẽ, có thù hận nhau tới mức phải coi hòa giải là điều kiện tiên quyết để giải quyết mọi vấn đề hay không? Ở đâu cũng có chia rẽ: Những người trong cùng một gia đình, cùng một tổ chức chống nhau. Gia đình này chống gia đình kia, tổ chức này chống tổ chức khác. Ngay nội bộ Đảng Cộng Sản cũng có phe này phe kia, như phe Lê Đức Anh dùng đòn độc để hạ phe Võ Nguyên Giáp... Nhưng trên bình diện lớn hơn, có thể nói, không có bằng chứng nào cho thấy dân tộc Việt hận thù nhau tới mức sẵn sàng giết nhau.

Dù ngược dòng mấy trăm năm lịch sử, thời Trịnh Nguyễn phân tranh, cũng là do hai họ Trịnh và Nguyễn chống nhau để bảo vệ quyền lợi và địa vị, người dân Bắc và Nam đâu có thù hận gì nhau. Đến thời Tây Sơn và nhà Nguyễn cũng vậy, chỉ những người đứng đầu giết nhau, dân đâu có ai hận thù gì nhau. Rồi Thực Dân Pháp chia nước ta thành ba miền, dân Bắc Trung Nam cũng đâu có thù hận gì nhau. Cùng lắm, chỉ có chuyện người miền nọ trêu chọc những thói quen của miền kia. Đó không phải thù hận, chỉ là chuyện thường tình, ở đâu cũng có. Sau Hiệp Định Genève năm 1954, gần một triệu dân miền Bắc, hòa nhập với 14 triệu dân miền Nam vĩ tuyến 17, một tỷ lệ pha trộn khá cao, nhưng người dân vẫn sống thuận hòa.

Rồi đến cuộc chiến Quốc Cộng, chính nhà văn Nhật Tiến cho rằng lãnh đạo của cả hai miền đều là tay sai ngoại bang. Vậy nếu ông Nhật Tiến đúng, chính những tay sai này là vai chánh trong cuộc tương tàn ba mươi năm, người dân hai miền chỉ là nạn nhân, đâu phải họ giết nhau vì hận thù. Cái gốc của hận thù không bắt nguồn từ dân, bởi đó, đặt vấn đề hòa giải dân tộc, là sai. Muốn giải quyết vấn đề hận thù, phải truy tận gốc. Nó bắt nguồn từ hai guồng máy cai trị tại Bắc và Nam. Chính quyền miền Nam đã tan biến từ năm 1975. Chỉ còn lại chính quyền miền Bắc hiện đang cai trị cả nước. Đây chính là nguồn gốc còn lại của hận thù.

Nguyên do của hận thù là bất công. Cá nhân hay tập thể tạo bất công, là gây bất hòa, đưa tới hận thù. Trên lý thuyết, Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện đang nắm quyền cai trị phải chịu trách nhiệm về những bất công do mình gây ra từ 60 năm qua. Nhưng trên thực tế, hơn hai triệu đảng viên cũng chỉ là công cụ của một nhóm thực sự nắm quyền hành, đó là Bộ Chính Trị. Dù núp dưới danh nghĩa gì, cái nhóm này, thực sự chỉ là một băng đảng ăn cướp. Đừng ngần ngại gọi họ bằng tên thật của họ.

Họ đã cướp công cách mạng của các đảng phái Quốc Gia. Họ đã cướp quyền cai trị mà chính họ từng long trọng tuyên bố thuộc về toàn dân. Họ đã cướp của cải, vàng bạc của dân để hối lộ cho tướng Tầu. Họ đã cướp mạng sống của người dân trong vụ Cải Cách Ruộng Đất. Họ đã cướp tự do sáng tác của các văn nghệ sĩ trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Họ đã cướp cả Miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 đến Mũi Cà Mâu (họ nói phải đánh Miền Nam để dành lại độc lập từ tay Đế Quốc Mỹ, nhưng do những tài liệu đã được công bố, trước năm 1975, Bắc hay Nam Việt Nam đã lệ thuộc ngoại bang nhiều hơn? Miền Nam đâu có nghe lệnh Mỹ giết dân như Miền Bắc tuân lệnh Tầu trong vụ Cải Cách Ruộng Đất? Miền Nam đâu có nhượng một tấc đất nào cho Mỹ như Miền Bắc đã nhượng cho Tầu?). Họ đã cướp mạng sống của hàng triệu binh sĩ Bắc cũng như Nam vì chủ xướng cuộc chiến mệnh danh giải phóng Miền Nam. Họ đã ăn cướp hạnh phúc của hàng triệu gia đình có thân nhân phải đi cải tạo. Họ đã ăn cướp tài sản của những người phải đi Kinh Tế Mới. Và họ đã ăn cướp của cả dân tộc Việt Nam nửa thế kỷ tiến bộ.

Tóm lại, dân tộc Việt Nam không có hận thù gì với nhau, nên không cần đặt vấn đề hòa giải dân tộc. Hiện tại, chỉ có hận thù giữa băng đảng ăn cướp đang nắm quyền cai trị, và khối dân tộc bị trị. Kẻ nào, thành phần nào gây ra bất công, là nguyên nhân của bất hòa, phải đóng vai chủ động trong việc hòa giải. Do đó, không phải người dân hòa giải với nhà cầm quyền, ngược lại, Bộ Chính Trị phải hòa giải với dân. Thay vì thể hiện hòa giải qua hành động, như nhận lỗi và sửa lại những gì đã làm sai, đền bù những gì đã gây thiệt hại v.v...Họ kêu gọi người dân, nhất là những nạn nhân của họ, hãy hòa giải với họ. Nghĩa là chấm dứt chỉ trích, chống đối, hãy tiếp tay họ, chấp nhận để họ tiếp tục gây bất công, hận thù. Đây là điều phi lý, ngược ngạo.

Đã có nhiều thí dụ hòa giải trong lịch sử. Vào thời Trung Cổ, Tòa Thánh La Mã đã có những

việc làm sai trái, điển hình là tòa án Inquisition của Giáo Hội dưới thời Giáo Hoàng Urban VIII, vào năm 1633 đã xử phạt nhà thiên văn học Galileo, bắt ông phải từ bỏ khám phá cho rằng quả đất quay chung quanh mặt trời. Cách đây mấy năm, chính Đức Giáo Hoàng Gio An Phao Lồ Đệ Nhị đã hòa giải bằng cách nhân danh Giáo Hội, xin lỗi về những việc làm sai lầm này.

Vào hồi Đệ Nhị Thế Chiến, những người gốc Nhật sống tại mấy tiểu bang bên bờ Thái Bình Dương đã bị chính quyền của Tổng Thống Roosevelt bắt phải bỏ nhà cửa, sống tập trung tại mấy trại ở vùng sa mạc sâu trong lục địa, hầu tránh làm nội ứng cho quân Nhật. Biện pháp cứng rắn này, tuy không đến nỗi khốn nạn như các trại "Cải Tạo" tại Việt Nam sau 1975, nhưng đã gây buồn lòng không ít, chẳng những riêng với các nạn nhân, mà đối với cả những ai hằng quan tâm tới quyền sống của con người. Thời Tổng Thống Reagan, nước Mỹ đã chính thức nhận lỗi về vụ này, và chịu bồi thường cho gia đình những người bị tập trung. Đó là hòa giải.
Cũng vào hồi Đệ Nhị Thế Chiến, Quân Phiệt Nhật đã bắt nhiều phụ nữ Triều Tiên xung vào đội "gái ủi an" (comfort girls) để phục vụ binh sĩ Thiên Hoàng. Nửa thế kỷ sau, dân Đại Hàn vẫn không quên được mối hận này. Cuối cùng, Thủ Tướng Nhật đã phải chính thức xin lỗi, và bồi thường cho nạn nhân. Đó cũng là hòa giải.
Cho đến nay, Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm gì để hòa giải trước những tội ác tầy trời của họ?

Nhà văn Nhật Tiến khẳng định: "Tôi chưa và cũng chẳng bao giờ lại chủ trương hòa giải, hòa hợp với độc tài hay bạo lực". Nhưng với những người có lập trường cứng rắn đối với độc tài hay bạo lực, ông Nhật Tiến lại nói rằng "con đường cứu nước của họ chỉ là một thứ đường mòn vô dụng" chẳng những không có ích, còn cản bước tiến của dân tộc. Ông chủ trương "Ổn định và phát triển", nhưng lại nói thêm: "Dĩ nhiên, ổn định không có nghĩa là cam chịu làm tôi tớ cho giai cấp cầm quyền..." Nếu giai cấp cầm quyền cứ ngồi lì, tiếp tục độc tài, tham nhũng và coi dân chúng như tôi tớ, có nên tìm cách loại bỏ chúng đi không? Và làm như vậy, có phạm vào chủ trương "ổn định" không?

(trích đoạn "Đọc…Nếu đi hết biển…chuyện đi, về" - Đinh Từ Thức – trang 68)

***

Trò chuyện với Nhật Tiến - 2

Đến khi TVT đi vào cuộc trò chuyện với Nhật Tiến (NT), tôi (Trần Nghi Hoàng) thấy ngay được ở NT một sự *misinformation* trầm trọng, vì tôi không tin NT đã nói những điều này như là một sự đãi bôi (mà tôi thấy không cần thiết):
NT: "Anh làm tôi ngạc nhiên, vì trong đầu óc của tôi, từ cả chục năm nay, tôi cứ hình dung anh là một nhà nghệ sĩ với đầu tóc bạc phơ. Nay lần đầu tiên gặp anh, tôi thấy anh trẻ trung, nhanh nhẹn ngoài sức tưởng tượng.
TVT: "Anh đoán tôi năm nay bao nhiêu?

NT: "Dưới 50, khoảng 45 là nhiều.
TVT: "cám ơn, mới gặp anh, anh đã làm tôi thấy vui rồi. Thế anh cư ngụ ở quận Cam này đã lâu chưa?"
(NĐHB, trang 67 & 68)

Chính NT làm tôi (Trần Nghi Hoàng) ngạc nhiên!!!

Bùi Nhật Tiến
Bút hiệu : Nhật Tiến
Sinh ngày : 24-08-1936 tại Hà-nội
Viết văn từ năm 1957.

Chưa gặp ông lần nào, nhưng thời còn chủ trương tạp chí Văn Uyển, tôi có đôi lần trò chuyện với NT qua điện thoại, ngay ở giai đoạn NT mới về Việt Nam trở qua Mỹ (dường như từ khoảng 1989 đến 1996 thì phải, tôi không nhớ rõ năm) và đang bị nhiều dư luận tấn công vào những quan điểm "hòa giải hòa hợp" của NT về vấn đề Việt Nam. Qua những lần trò chuyện đó, tôi có cảm giác ở NT một con người rất nhân bản, đầy nhiệt tình với dân tộc đất nước Việt Nam. Cảm giác của tôi cũng một phần được vun bồi từ những tác phẩm của NT mà tôi đã đọc từ Việt Nam hồi trước 1975, nhất là cuốn Chim Hót Trong Lòng.

Lần đó, NT có gửi cho tôi một bai viết về những cái nhìn của ông trong vấn nạn Việt Nam. Tôi đọc, và thấy những cảm nhận của tôi khi nói chuyện với NT qua điện thoại không có gì thay đổi! Những cái nhìn, nhận thức của NT về Việt Nam hiện tại và về một Việt Nam miền Nam Cộng Hòa ngày xưa chẳng những có nhiều chính xác, mà dường như đồng thời khẳng định được quan điểm chính trị của NT. (Tuy nhiên, tôi có thể thấy được giữa quan điểm chính trị và "thái độ chính trị" của NT lại rất mâu thuẫn nhau, điều này tôi sẽ phân tích sau!):

"TVT: Từ năm 1990, nghe nói anh vẫn có dịp về thường về thăm quê nhà?
NT: Vâng, thường thì cứ một hay hai năm tôi lại về Việt Nam một lần, và đã đi từ Bắc xuống Nam.

TVT: Điều gì đã khiến cho anh cảm thấy mình bị lưu vong ngay cả trên quê hương mình?
NT: Cảm giác xa lạ, sự không thể hòa nhập được vào đám đông ở chung quanh mình và cái bầu không khí sinh hoạt văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật cũng như báo chí nói riêng, vẫn bao trùm một niềm kiêu hãnh rằng "dân tộc ta anh hùng, đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào". Là một người xuất thân từ miền Nam trước đây, làm sao tôi có thể hòa nhập được. Tuy nhiên cũng phải nói thêm là những những nhận thức này tôi chỉ cảm thấy khi ra tiếp xúc với xã hội bên ngoài, còn ở chỗ riêng tư trong gia đình hay tròng vòng thân mật giữa các bạn bè, dù ở bất cứ nơi đâu, Hà Nội hay Sài Gòn, tôi đều cảm thấy chan hòa một tình cảm thân thuộc, gắn bó." (NĐHB, trang 68 & 69)

Những thông tin về NT thì TVT tỏ ra hiểu biết một cách rành rẽ: NT đã thường về Việt Nam từ 1990. NT có ấn tượng không đúng về TVT là một ông già râu tóc bạc phơ… Thế mới thấy sự chênh lệch cán cân giữa một tay làm văn hóa theo chỉ đạo, và một tay làm văn hóa theo cảm tính… lơ tơ mơ ! Điều này chứng tỏ dù NT có về nước rất nhiều lần, đã đi từ Bắc chí Nam, nhưng những kiến thức về giới "văn học nghệ thuật" trong nước của NT chẳng được bao nhiêu và phần nhiều là do NT… tưởng tượng (qua tác phẩm hoặc lời kể của ai đó!) nên tất nhiên là khó chính xác. TVT ngược lại, ông ta không được quyền tưởng tượng, mà TVT phải làm *home work*, phải thu thập "dữ kiện" của những nhân vật mình sắp sẽ tiếp xúc nơi hải ngoại, phải *study* từng nhân vật một. NT bày tỏ cảm quan của ông về một xã hội Việt Nam hiện tại đã đánh động vào ông như thế nào. NT diễn tả chân thực và tôi cũng phải công nhận là tôi cũng từng có những cảm quan tương tợ như vậy trong những lần về Việt Nam (như tôi đã viết trong Vọng Mãi Từ Tâm Một Tiếng Chuông). Nhưng ở phần mà NT nói là *"ở chỗ riêng tư trong gia đình hay*

trong vòng thân mật giữa các bạn bè, dù bất cứ nơi đâu, Hà Nội hay Sài Gòn, tôi đều thấy một tình cảm thân thuộc, gắn bó"… thì tôi quả tình không tin ở điều này! Chẳng phải tôi không tin là NT đã nói thật cái cảm quan của ông. Tôi chỉ muốn nói rằng, chỉ với gia đình tôi thì tôi có được cảm giác thân thuộc, gắn bó, an toàn…. Còn ngay với bạn bè, dù những người bạn từ trước 1975 ở miền Nam, hay những người bạn "bất ngờ" quen sau 1975, tôi đều giao tế với "hầu hết" bọn họ trong một cảm thức e dè, bất an và không mấy gì… tin tưởng! Nói chi đến những naò là gắn bó với thân thuộc. Và xin xác minh là cái lỗi không phải do tôi đa nghi! Mà chẳng qua, cái "không khí" xã hội chung quanh ở Việt Nam hiện nay đã "điều khiển" cái cảm quan của tôi thành ra như vậy! Tôi luôn lo ngại tất cả những hiện thể mà tôi đang thấy chung quanh tôi (lúc tôi về ở Việt Nam) là không… có thật! Những hàng quán, những sinh hoạt, những náo nhiệt sầm uất… rất có thể sau một đêm sẽ biến mất biệt không để lại chút dấu vết và cũng sẽ không gây cho tôi một chút ngạc nhiên.

NT nói:
"Điều bất hạnh cho dân tộc ta là những người đã hy sinh trong cuộc chiến vừa qua đều đã mang nhận thức mình đã hy sinh cho chính nghĩa. Chống Mỹ xâm lược là chính nghĩa mà bộ đội đã theo đuổi. Bảo vệ miền Nam tự do là chính nghĩa mà những chiến sĩ VNCH sẵn sàng đổ máu. Sự hy sinh của cả hai phía đều mang một ý nghĩa chính đáng, nhưng rút cục thực chất của cuộc chiến chỉ là một sự tương tàn khủng khiếp mà thủ phạm là những kẻ lãnh đạo đã cam tâm làm con bài cho ngoại bang ở cả hai phía."
TVT: Với anh, tôi không ngại luận bàn những vấn đề chính trị tuy đã cũ nhưng cảm nhận của tôi có đôi chỗ khác anh. Nếu những người bộ đội, những người lính tham gia chiến tranh mà tới nay vẫn thực sự ý thức là họ hy sinh cho chính nghĩa, thì quả là điều đáng mừng. Nhưng tôi nghĩ, đối diện với cuộc sống hiện nay, tâm trạng thực trong cuộc đời thực, số đông không hoàn toàn là như thế. Còn những người đã nằm xuống, tức là những người đã hy sinh như anh nói, chúng ta chẳng thể biết chính xác là họ nghĩ gì khi xung trận. Lại nói về những người cầm quyền bên này hay bên kia. Theo chỗ tôi hiểu không phải ai ai cũng có ý thức cam tâm làm con bài cho ngoại bang. Trong số họ, cũng không ít người có đầu óc dân tộc, tinh thần dân tộc. . . . " (NĐHB, trang 69)

NT đưa ra hai mẫu số: Miền Bắc chống Mỹ xâm lược; miền Nam bảo vệ tự do. Ngay ở trong hai mẫu số đã có một sự mâu thuẫn khôi hài bất khả lý giải! Miền Nam bảo vệ tự do, NT từng sống ở miền Nam từ bao nhiêu năm trước tháng Tư 1975, NT có thể xác minh được là miền Nam có tự do hay không nên người lính Cộng Hòa mới cần phải bảo vệ. Và nhất là người Mỹ có xâm lăng miền Nam hay không mà miền Bắc lại cần phải đưa quân vào để chống? Rõ ràng là NT đã đem cái "chủ trương thật" của miền Nam, làm vế đối với chiêu bài tuyên truyền để tiến quân của Việt Cộng miền Bắc! Và TVT đã vin vào những "nhận thức" của NT vừa trên, rồi đưa ra một cú lừa banh tuyệt hảo: *"cái tâm trạng thực của những người lính thắng trận miền Bắc hiện nay*". TVT đã tạo được cảm giác "thân thuộc, gắn bó… an toàn" của NT ở TVT qua nhận thức tưởng chừng rất "táo tợn" này. Nhưng tôi chỉ thấy đây là một cú lừa banh. Và NT đã lọt bẫy:
"NT: Dĩ nhiên, tôi không có thẩm quyền phát biểu về tư duy bộ đội miền Bắc trước 75, nhưng nếu nói về những người lính VNCH đã nằm xuống, đã hy sinh mà bảo rằng chúng tôi chẳng biết đích xác họ nghĩ gì khi xông trận thì không thể chấp nhận được! … . …. Trong bao nhiêu năm khói lửa ròng rã ấy, chúng tôi biết chắc đã có rất nhiều người gục ngã ngoài trận địa với lý tưởng là bảo vệ xóm làng, bảo vệ hậu phương trước sự tiến công của bộ đội miền Bắc. Nhân dân miền Nam biết ơn họ, đây là một thực tế trong đời sống có thể dễ dàng kiểm chứng chứ chẳng phải sự tưởng tượng trong đầu một người viết văn như tôi. Cũng xin phép anh cho tôi được phát biểu thêm về cái ý anh cho rằng hầu hết các cấp lãnh đạo không có ý thức cam tâm làm con bài cho ngoại bang. . . . Vâng, đúng là đi sâu vào vấn đề này thì dài dòng lắm, nhưng tôi chỉ xin hết sức vắn tắt đôi điều. Trong thời kỳ cải cách ruộng đất, cấp lãnh đạo tiến hành

những cuộc đấu tố, con tố cha, vợ tố chồng, cái đó có phải là sản phẩm của những người có đầu óc dân tộc, có tinh thần dân tộc không? Chủ trương dẫu có thiêu đốt cả dẫy Trường Sơn để hoàn thành việc thống nhất đất nước với cả triệu sinh mạng dân chúng ở cả hai miền. . . . Hay như lời lẽ của một vị Tổng Thống nói công khai trên đài truyền hình là viện trợ 700 triệu thì đánh theo kiểu 700 triệu, viện trỡ 300 triệu thì đánh theo kiểu 300 triệu, thì đó có phải là lời lẽ của một thứ tay sai hay con bài của ngoại bang không?. . . ."
(NĐHB, trang 70)

NT được TVT cổ súy cho nói những điều rất dễ "đi" vào lòng người của cả hai miền Nam Bắc. Những điều mà theo NT là phải đứng ra ngoài cái "vị trí bên này hay bên kia", chỉ đứng trên "bình diện dân tộc" mà nhìn lại cuộc chiến. . . . TVT đạt mục đích, cái mục đích "Mỹ du" để làm công việc "hòa giải hòa hợp dân tộc" nay lại được chính nhà văn NT công bố giùm cho TVT với những lý lẽ dẫn chứng đầy thuyết phục. Lãnh đạo cả hai miền đều có sai lầm. Nhưng những người lính của cả hai bên đều đã thành tâm cho đất nước trong lúc xung trận hy sinh. Cuộc chiến đã lùi xa. Đã thành quá khứ. Bây giờ là thời khắc của "anh em đồng bào" làm công việc "hòa giải" với nhau để "hòa hợp" trong "tinh thần dân tộc". NT đã nói giùm TVT. Và TVT vẫn tiếp tục đánh trống lãng trước những câu hỏi ngược lại từ NT. Tất cả mọi phát biểu đều do NT, từ NT mà ra. Cải cách ruộng đất. Thiêu đốt Trường Sơn. Sự vụ ông Tổng Thống miền Nam đánh Cộng theo tiêu chuẩn viện trợ 700 triệu hay 300 triệu chỉ là phụ thuộc.
TVT không trả lời gì hết với NT.

Tuy nhiên, "hòa giải, hòa hợp" không chưa hết, mục đích, chỉ tiêu công tác của TVT được triệt để thi hành. Trái banh lại được TVT tung ra, và NT lại lần nữa đá… tung vào lưới chính mình:

"TVT: Rõ ràng hòa hợp, hòa giải là cần, là "sinh lộ" cho dân tộc ta như anh nói, nhưng tôi không nghĩ nó là thần dược chữa bách bệnh như mất dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến, tham nhũng, bất công như anh hy vọng đâu. Nhưng trên tiến trình hòa hợp hòa giải đó, anh nghĩ sao về những khuynh hướng cực đoan trong cộng đồng VN ở hải ngoại đại để như những chủ trương không du lịch Việt Nam, không gửi tiền về trợ giúp thân nhân cũng như các công tác từ thiện ở VN, không tiêu thụ những sản phẩm từ trong nước, và cả việc tẩy chay, gây rối khi những ca sĩ từ trong nước qua đây trình diễn?
NT: Tôi cảm thông tâm trạng của những người còn duy trì những chủ trương cứng rắn đó, nhưng con đường cứu nước của họ chỉ là một thứ đường mòn vô dụng không đem lại một lợi ích nào cho dân tộc nếu không muốn nói là lại còn làm cản trở bước tiến của dân tộc. . . ."
(NĐHB, trang 72)

TVT giả vờ nhắc sơ về món thuốc "hòa hợp, hòa giải" chưa chắc đã trị được các chứng *"mất dân chủ, nghèo nàn, chậm tiến, tham nhũng, bất công*". Nhưng TVT lại tránh không đào sâu vào những căn bệnh này. TVT lại lái câu hỏi qua một hướng khác cho NT trả lời: Những khuynh hướng "chống Cộng" cực đoan trong cộng đồng VN ở hải ngoại!!!
Cái dở là NT đã không biết hỏi lại TVT về cái khuynh hướng "tối cực đoan" của chủ nghĩa Cộng Sản: Nhân dân Việt Nam trong nước hiện bị chia làm hai "loại" chính: Đảng viên và không Đảng viên. Rồi sau đó là cán bộ nồng cốt và không nồng cốt; rồi thì bao nhiêu thứ khác. Như vậy có là cực đoan hay không? Tôn giáo bị kiểm soát, những người trí thức phát biểu cho dân chủ, cho tự do và cho quyền sống bị quản chế, cầm tù. Quyền tự do ngôn luận báo chí chưa có. Những tệ nạn mà TVT đưa ra như "mất dân chủ, (thực ra, đã có dân chủ bao giờ đâu mà nói là mất!!!) nghèo nàn, chậm tiến, tham nhũng, bất công. Như vậy là có cực đoan hay không? Sự cực đoan bảo vệ *"ngôi vị và quyền lực tập đoàn"*. Nếu tôi bảo rằng những người Việt tị nạn hải ngoại sở dĩ có "cực đoan" trong vấn đề chống Cộng, là vì họ đang chống những tệ nạn, những thối nát, hư hoại, băng rã v.v..(chính TVT có nêu ra và tôi, TNH có bổ sung thêm bên trên) mà Đảng Việt Cộng và Nhà Nước đã tạo ra và đang cật lực giữ gìn bảo vệ thì TVT sẽ trả lời sao?

Tất nhiên là TVT lại tránh né không trả lời gì hết!!! Biết là TVT sẽ tránh né không trả lời, tôi vẫn thích NT phải nên hỏi.

Nhưng vừa trên, khi đặt câu hỏi với NT, chính TVT đã đưa ra *"không gửi tiền về trợ giúp thân nhân cũng như các công tác từ thiện"* là sao???? Tiền bạc, khi nào thì "trân tục" và khi nào thì "cần thiết" để… mồi chài??? TVT quả tình có lối nói chuyện rất ư là "đánh bài lận". Điều tôi không hiểu là vì sao những "nhà văn, những nhà tư tưởng sâu sắc đáng kính" ở hải ngoại của chúng ta lại cứ hết người này đến người khác, cùng nhau "yên tâm" mà tiếp tay cho TVT "tráo bài", rồi luân phiên nhau phe ta lại cứ sút banh vào "gôn" của phe mình???

NT tiếp tục "lạc quan" và "ngây thơ" giải thích với TVT:
"Vào thời điểm cách đây 10 hay 15 năm, thì những suy nghĩ chính trị của tôi như vừa kể trên phải kể là quá sớm và do đó tôi phải nhận lãnh nhiều hệ quả. Tuy nhiên, nhìn vào sinh hoạt của đa số thầm lặng trong cộng đồng VN ở hải ngoại, tôi thấy những suy nghĩ của mình dần dà được chia sẻ. Từ nhiều năm qua, du lịch về Vn không còn là một điều phải giấu giếm, các nhóm thiện nguyện đem tiền bạc và kỹ thuật về làm công tác từ thiện ở trong nước ngày cang nhiều, việc các báo Việt ngữ loan lại tin tức VN trích từ các báo trong nước, ngay cả những tin tốt lành, không còn là điều cấm kỵ hay phải tránh né, và đặc biệt, cứ nhìn vào ngân khoản trợ giúp thân nhân của Việt kiều hải ngoại gửi về mỗi năm lên tới 2, 3 tỉ đô la thì đủ thấy người Việt hải ngoại gắn bó thế nào với quê hương, đất nước, đồng bào, quá khứ chính trị không còn là một vấn nạn nặng nề trên tâm thức của nhiều người nữa. Tôi hiểu rằng, con đường ổn định và phát triển là con đường ngaỳ càng được nhiều người ở cả trong và ngoài nước chấp nhận."
(NĐHB, trang 73)

Phải, người Việt hải ngoại bây giờ về thăm nước rất nhiều và rất thường. Các nhóm thiện nguyện đem tiền bạc và kỹ thuật về làm công tác từ thiện ở trong nước tấp nập. Các báo Việt ngữ hải ngoại trích tin từ báo trong nước. Tiền Việt kiều gửi về thân nhân lên tới hàng 2, 3 tỉ mỗi năm v.v.. Nhưng tất cả những cái đó, những công việc và dấu hiệu đó, chỉ dồn vào một mục tiêu tối hậu là làm lung lay và sẽ xô ngã chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam, là phá nát đi cái guồng máy ì ạch làm trì trệ đất nước của Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa. Vẫn có những tập thể kéo nhau biểu tình chống "văn công Việt cộng", chống các buổi hội họp của "sứ quán Việt cộng". Nhưng vẫn có những Việt kiều đi về Việt Nam thăm quê hương, những Việt kiều gửi tiền cho thân nhân ở quê nhà mỗi tháng v.v… Đó là Dân Chủ, là Tự Do và trên hết, đó là một phương cách chống phá chế độ Việt Cộng ôn hòa nhưng sẽ hữu hiệu. Việt kiều hải ngoại về thăm thân nhân thường, sẽ chia sẻ với gia đình những điều mắt thấy tai nghe nơi xứ người. Những điều văn minh tiến bộ tự do dân chủ. Thân nhân của Việt kiều sau đó, sẽ thông tin lại cho những người Việt trong nước mà họ quen biết. Tiền của Việt kiều gửi về trong nước chẳng khác nào một cái tát trái vào mặt Đảng và Nhà Nước Việt Cộng. Cái lũ "Ngụy" bây giờ đã "thành khúc ruột ngàn dặm" đến nỗi Đảng và Nhà Nước Việt Cộng phải có kế sách chiêu dụ, làm thân. Những món tiền đó còn giúp cho người dân trong nước biết đòi đứng riêng làm kinh tế, không còn chịu nằm trong hệ thống kềm kẹp "quốc doanh" của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng.
Nói cho cùng, những món tiền mà Việt kiều gửi về cho thân nhân, tôi tin rằng, tùy theo khả năng và hoàn cảnh của mỗi gia đình, món tiền đó sẽ là để giúp cho thân nhân sống qua những ngày khốn khó dưới chế độ Việt Cộng, hay là một thứ "vốn" để thân nhân gầy dựng làm ăn khi Nhà Nước và Đảng Việt Cộng cho "mở cửa kinh tế".
NT có thể đã nói đúng phần nào: *"… quá khứ chính trị không còn là một vấn nạn nặng nề trên tâm thức của nhiều người nữa."* Nhưng điều này chỉ để minh xác là những con người Việt Nam từ trong nước hay lưu vong hải ngoại đã ngày càng chán mứa với những thể chế chính trị nửa mùa của một đất nước Việt Nam nghèo đói và chậm tiến! Ho,ï nếu có Việt kiều gửi những món tiền về Việt Nam, thuần túy là chỉ để giúp cho thân nhân họ. Cái bản chất văn hóa Việt Nam nói

riêng và Á Đông nói chung, khiến họ luôn gắn bó với gia đình, tộc họ. Chứ không phải như NT đã nói là *"người Việt hải ngoại gắn bó thế nào với quê hương, đất nước, đồng bào…"*

Cái thủ thuật *"quê hương, đất nước, đồng bào"* là của Việt Cộng. Nhưng mọi người Việt Nam từ ở quốc nội cho tới ở hải ngoại bây giờ ai cũng biết rất rõ là những con người Cộng Sản chỉ xem *"quê hương, đất nước, đồng bào"* là thứ yếu!!! Nó chỉ như một cũ cà rốt treo lững lơ trước mặt những người Việt Nam nào còn nhẹ dạ và viễn mơ.
Thường, người ta hay nhầm lẫn giữa hai thứ: lòng Nhớ Nước (hoài hương) và lòng Yêu Nước! Có người sẽ lý luận rằng: Không Yêu Nước sao (những người Việt lưu vong) lại Nhớ Nước? Tôi thì cho rằng: Nhớ Nước là một cảm xúc thụ động có thể xảy đến cho hết thảy mọi người Việt tha hương. Nhưng Yêu Nước (hiểu theo nghĩa tích cực), chỉ có ở những người Việt lưu vong nào còn muốn làm một điều gì đó cụ thể cho Việt Nam.
NT khả dĩ là một người Yêu Nước. Nhưng NT đã yêu nước một cách hết sức viễn mơ như đã tin vào TVT mà "bày tỏ gan ruột" của NT, bằng cách "nói giùm TVT" những điều "trong kế hoạch của TVT". Và tất cả những diễn tiến này đã do TVT khéo léo lái và dàn dựng nên.

Nhật Tiến khả dĩ là một người rất nhân bản. Nhưng NT đã nhân bản bằng cảm ứng và không có sự lý luận, biện giải với chính mình và với sự việc, như NT đã tin vào cuốn "nhật ký" của anh Mỹ lai Kiên Nguyễn! Cuốn The Unwanted mà một người chỉ cần có chút ít đầu óc phân tích đọc qua, sẽ nhận ra ngay đây vỏn vẹn là một cuốn "tiểu thuyết giả tưởng" loại ba xu chuyên chở trùng trùng những bi kịch, nhưng sẽ được đền bù bằng một kết thúc "có hậu" làm vui lòng người đọc bình dân.
Một lần nữa, NT tiếp tục lọt vào trận đồ của TVT, và đã trả lời theo ý TVT muốn, khi TVT đặt câu hỏi:
"TVT: Ở Mỹ, người cầm bút có đủ tự do để viết tất cả những gì mình muốn viết chứ?
NT: Về đại thể thì ai cũng cho là như thế, nhưng thu hẹp vào những cộng đồng nhỏ nhoi thì vấn đề có khác, nhất là cái cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại vốn đã từng có nhiều năm chất ngất hận thù đến độ không chấp nhận một sự suy tư nào khác hơn là sự suy tư đã đông đá trong đầu óc họ."
(NĐHB, trang 75)

Tôi muốn NT nên phân biệt rõ ràng giữa các Hội Đoàn mang danh xưng Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, và cái cộng đồng người Việt hải ngoại thực sự khắp thế giới hay ở từng địa phương. Theo tôi, một người cầm bút lưu vong nhất là ở Mỹ, có viết được hay không những điều tim óc của mình là do các điều kiện đòi hỏi sau đây: "Khả Năng", "Tài Ba", Trí Tuệ" và "Đảm Lược". Và thêm một điều kiện nữa mà trong bài Việt Tide phỏng vấn NT, NT đã có nhắc tới:
(NT đang kể cho Việt Tide về "khóa bồi dưỡng chính trị" do Việt Cộng tổ chức dành cho văn nghệ sĩ miền Nam sau tháng Tư năm 75)

"VT (Viet Tide): Và họ đã hỏi anh những câu hỏi như thế nào?
NT (Nhật Tiến): . . . . Một câu hỏi khác mà tôi còn ghi nhớ được là của ký giả Thái Bạch, thuộc hàng ngũ những người viết miền Nam. Anh này đứng dậy gần giọng hỏi tôi: "Anh cho tôi biết, anh có liên hệ gì tới tên phản động Nhất Linh? Tôi chưa kịp trả lời thì chị Nguyễn Thị Vinh đã đứng dậy, chỉ mặt Thái Bạch và nói ngay: "Anh muốn biết về Nhất Linh thì hãy hỏi tôi, vì tôi mới là người có nhiều liên hệ với nhà văn Nhất Linh, cả về mặt văn chương lẫn đời sống chính trị". Nói chung đa số anh chị em văn nghệ tham dự khóa vẫn còn giữ được tư cách của người cầm bút.. . . ."
(Văn Nghệ Sĩ Miền Nam Trong Những Ngày Đầu Của Chế Độ Mới, Việt Tide Phỏng Vấn Nhà Văn Nhật Tiến, Việt Tide số 146, tuần lễ 30 tháng 4 đến 6 tháng 5, 2004)

Vâng, "tư cách của người cầm bút" chính là một điều kiện tất yếu với những điều kiện mà tôi vừa kể bên trên để làm nên "một người cầm bút chân chính". Xin đọc tiếp:

"VT: Có một cuộc đấu khẩu rất sôi động trong khóa học về tương lai của nhà văn miền Nam. Anh có thể kể lại vụ này không?
NT: Một nhà văn nữ miền Nam trong khóa học đã phát biểu tự nhận mình là đứa trẻ sơ sinh so với những nhà văn miền Bắc đã tham gia "cách mạng" trước đó hàng mấy chục năm, vậy thì cần phải có thời gian học tập để sau này sẽ được cầm bút trở lại. Ngay lập tức, Mai Quốc Liên một cây bút đến từ miền Bắc đã đứng dậy nói ngay: "Khóa học này mở ra để các anh các chị hiểu biết về xã hội mới thôi chứ đừng trông mong vào việc cầm bút trở lại. Bởi vì miền Nam các anh các chị làm gì có văn hóa!"

VT: Phản ứng của anh chị em văn nghệ lúc đó ra sao?
NT: Phải nói là sôi sục. Trước tiên, Đỗ Phương Khanh đứng lên chỉ mặt Mai Quốc Liên và hỏi ngay: "Anh vào trong Nam được bao lâu rồi, và anh đã đọc được bao nhiêu tác phẩm của miền Nam rồi mà anh dám nói miền Nam không có văn hóa?" Rồi nhiều người khác cũng nhao lên, cả tôi lẫn nhà văn Nguyễn Thụy Long đều đứng dậy. . . ."
(Như trên, Việt Tide)

Điều cần lưu ý ở đây, là trong cả hai lần "gay cấn" của buổi "học tập" do NT kể, phản ứng "nhạy bén và quyết liệt" từ phía văn nghệ sĩ miền Nam vẫn là do các nhà văn nữ. Một lần do Nguyễn Thị Vinh và một lần do Đỗ Phương Khanh, vợ của NT. Hai người phụ nữ này làm tôi hả lòng qua chuyện kể của NT. Tuy rằng, trong câu chuyện này cũng có một nhà văn nữ miền Nam đã ỏn ẻn xin nhận làm "trẻ sơ sinh" trước sự "cao lớn" của những nhà văn miền Bắc… Nhà văn nữ này, mà hiện nay đang sống ở Úc hay Canada gì đó, sau khi ra khỏi Việt Nam đã từng viết một tiểu thuyết tự ví mình như công chúa An Tư và Việt Cộng là tên thái thú Thoát Hoan!!! Một lời biện giải khá ly kỳ!!!
Nhưng tại sao tạo ra những biến động hay giải quyết những biến động, đều là các nhà văn nữ? Những nhà văn nam của miền Nam tự do đâu rồi? Tôi đặt câu hỏi nhưng tôi đã ngầm hiểu. Những nhà văn đàn ông phải trầm ổn hơn bởi vì họ là đích nhắm của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng nhiều hơn, và vì vậy, phản ứng tất nhiên cũng chậm rãi hơn các nhà văn đàn bà! Cái mà NT gọi là *"tư cách của người cầm bút", "tư cách"* thôi chứ chưa cần dùng đến hai chữ *"khí phách"*, theo NT, nói chung văn nghệ sĩ miền Nam vẫn còn giữ gìn chững chạc.

Nhân tiện, chúng ta thử tìm hiểu về "tư cách" của giới văn nghệ sĩ miền Bắc, xem sao! Xin đọc:
"Nuốt đờm
Ban sớm, cơ quan xúm nhau đọc bài Bửu Tiến chê vở Topaze của M. Pagnol. Có người nói, vì hắn vớ được một câu ông Hoàng Văn Hoan nói bang quơ đâu như đại ý là: Vở Topaze là vở đầu hàng đồng tiền.!
K.Lân tự dưng kể một đoạn Tây Du. Đức Phật khạc đờm, Đại Thánh vớ lấy, ăn hết đống đờm là thành phép! Đó, muốn có phép thì phải luyện cac1h đó… Tuy anh không nói gì nữa, mọi người đều tức khắc hiểu rằng, BTiến đã trở nên "một chiến sĩ cách mạng" chính vì bí quyết nuốt đờm kia."
(Trần Dần, Ghi 1954 - 1960. td mémoire xb 2001. Trang 191)

Cái khủng khiếp trong cuốn Ghi của Trần Dần (TD), là ông chỉ GHI lại những sự việc hay kết luận của một suy nghĩ. TD không lý giải hay lý sự chi hết!!! Câu BTiến, tức *Bửu Tiến đã trở nên "một chiến sĩ cách mạng" chính vì bí quyết nuốt đờm kia* nói lên đầy đủ và rành mạch cái sinh hoạt "văn học nghệ thuật" của miền Bắc, của Việt Cộng Xã Hội Chủ Nghĩa! Điều tôi chưa biết là TVT đã nắm được "bí quyết" nào dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam mà đã tỏ ra rất thành công, đến mức được xem như là một thứ "sứ giả của hòa hợp và hòa giải dân tộc", được Nhà Nước

và Đảng cho đi đây đó tứ tung, thâm nhập vào giới văn nghệ sĩ Việt kiều lưu vong để thi hành công tác!!!
Trở lại chuyện NT nói với TVT là *"cái cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại vốn đã có nhiều năm chất ngất hận thù đến độ không chấp nhận một sự suy tư nào khác hơn sự suy tư đã đông đá trong đầu óc họ."* Tôi xin hỏi NT, ông đã biết những gì, đã tiếp xúc tiếp cận được bao nhiêu những người Việt lưu vong ở hải ngoại? Ngay cả trong giới văn nghệ, NT đã đọc, đã tiếp xúc được với bao nhiêu những người cầm bút lưu vong? Những điều NT nói, phát biểu trước mặt TVT khi TVT đặt câu hỏi với NT, là NT đã có suy tư *"không đông đá"* chưa? Hay chỉ là một cách nói, một câu chuyện làm quà để "vui lòng người hỏi, an tâm người trả lời"??? Và sự *"suy tư đông đá"* là sự suy tư ra làm sao??? Cái cách nghĩ, cái nhìn của NT về người Việt lưu vong có *đông đá* hay không???

Ở câu hỏi tiếp theo của TVT và câu trả lời của NT, cho tôi thấy là sự suy tư của NT nếu có, (nhưng tôi khó tin là NT có suy tư và tìm hiểu về cộng đồng Việt kiều lưu vong hải ngoại qua những gì NT trả lời TVT!), quả thật là một sự *"suy tư kiểu đông đá"* như NT đã khải định! (Thật ra và tiếc thay, những *suy tư đã đông đá trong đầu óc* vẫn còn khá hơn *một đầu óc đã đông đá mà vẫn còn muốn làm công việc suy tư*!!!!)

"TVT: Nhưng giới trẻ trong cộng đồng thì phải khác chứ, họ không bị ràng buộc gì với quá khứ và đa số, tại thời điểm năm 2003 này, nhiều thành phần trẻ không hề biết cuộc chiến ở Việt Nam là cái gì.
NT: Đồng ý là như thế, nhưng họ vẫn được dạy dỗ để tiếp tục nuôi dưỡng hận thù. Phong trào tuổi trẻ "Nối bước cha anh" là một ví dụ cụ thể. Kiến thức về cộng sản Việt Nam đối với họ là kiến thức của những thập niên từ 50 đến 80 do cha ông truyền lại. Thì cũng như tuổi trẻ ở Việt Nam bây giờ, họ luôn luôn bị nhồi nhét để biết ơn Đảng lãnh đạo đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào. Ít có tuổi trẻ nào nhận thức được ra rằng để thay thế cho cái xã hội vốn đã bị lật nhào ấy, lại sản sinh ra một xã hội y hệt như thế mà mức độ đồi trụy còn tăng lên gấp bội phần. Thế thì xương máu của các bậc đi trước đã đổ xuống quê hương có phải là một sự uổng phí đến kinh hoàng không?
(NĐHB, trang 75)

NT nói ra về chủ trương Đảng Việt Cộng luôn nhồi nhét cho tuổi trẻ Việt Nam trong nước phải *biết ơn Đảng lãnh đạo đã đánh cho Mỹ cút, cho Ngụy nhào. Ít có tuổi trẻ nào nhận thức được ra rằng để thay thế cho cái xã hội vốn đã bị lật nhào ấy, lại sản sinh ra một xã hội y hệt như thế mà mức độ đồi trụy còn tăng lên gấp bội phần.* Như vậy, để đương cự lại cái Đảng, cái chính quyền đã làm cho đất nước tang thương, đã làm cho xã hội đồi trụy gấp bội phần đó, tức là những cái vô cùng xấu, NT muốn giới cha ông, các bậc phụ huynh của cộng đồng Việt kiều lưu vong, phải nên dậy dỗ con cháu họ như thế nào??? Hòa hợp hòa giải với cái XẤU, với BẠO LỰC với ĐỘC TÀI và NGU DỐT chăng???
Ở một đoạn trước, NT đã trả lời TVT:
"TVT: Vậy hẳn là chủ trương hòa giải và hòa hợp mà hình như anh đã theo đuổi từ lâu, cũng nằm trong tâm thức hướng về dân tộc ấy?
NT: Đúng vậy! Tôi chưa và cũng chẳng bao giờ lại chủ trương hòa giải, hòa hợp với độc tài hay bạo lực…."
(NĐHB, trang 71)

NT từng khẳng định như trên! Vậy thì cái chủ trương *hòa giải và hòa hợp* mà trong bài phỏng vấn, TVT đã thong dong nhét vào mồm để NT nói ra trong "tâm thức hướng về dân tộc" ấy, là NT muốn *hòa giải và hòa hợp* với ai??? Dưới chế độ và chủ nghĩa Việt Cộng, không chịu "nuốt cục đờm" của Đảng thì sẽ chẳng bao giờ "có phép". Mà trong một xã hội ma quỷ như xã hội chủ nghĩa Việt Cộng, không "có phép" thì làm sao tồn tại, nói gì đến xây dựng và thực hiện "ý

thức dân tộc". Và NT đã nói rất đúng về một hiện trạng Việt Nam Cộng Sản, về chủ trương của Đảng và Nhà Nước vẫn còn và luôn hãnh tiến về sự việc "đánh cho Mỹ cút, Ngụy nhào"… để truyền dạy cho con cháu Đảng viên, cho nên TVT đã vẫn chơi tiếp lá bài "tảng lờ", miễn bình luận hay góp ý với NT…
Vì sao? Vì TVT đã được tôi luyện nhuần nhuyễn rằng, đối với Đảng và Nhà Nước, "bình luận" hay "góp ý" mà chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn của Chính Trị Bộ là một cách… tự sát! Xin đọc:
"Cũng phải nói thêm, rằng ít lâu nay, thái độ của PhCung (thằng Đang nó bảo: đéo mẹ thằng Hcầm, nó khai bố láo cả) hay của HLoan (khi kiểm thảo trước cơ quan HLoan 2 lần chửi xỏ: thằng HC hèn nhát!), những cái đó làm cho HCầm "nghĩ ngợi", nhụt cả kết quả lớp học. Vả cuộc đời, nó có cái bình thường "hỗn tạp" của nó, không giống không khí cac1h mạng của lớp học, cuộc đời Hà Nội đã ít nhiều làm "hả" HCầm đi. Anh chàng một hôm viết thư cho VCao, đại ý nói muốn thanh minh về chuyện lớp học, song nhà VCao thì nguy hiểm, thì mời VCao đến nhà mình!
VCao nhận được thư ấy, không biết nghĩ sao, bèn đi gặp NđThi, đem việc ấy ra báo cáo, và xin chỉ thị "xem có nên đi gặp HCầm không?"
Dĩ nhiên NđThi không thèm ngăn cản một cái việc chẳng có gì là nguy hiểm mà phải xin chỉ thị ấy!

VCao đến gặp HCầm, phố Lý Quốc Sư.
Một cuộc "hội đàm" bỉ ổi bắt đầu. HCầm khúm núm, nhận là mình dát, bị đánh quá, mụ đi như "một con đồng", họ hỏi đâu thì cứ phun ra tuồn tuột, không còn nghĩ ngợi gì cả nữa! Thế cho nên, khi về HCầm "không dám đi gặp anh em" nữa, sợ bị trách, ngượng mặt! Tóm lại, tức là sau khi đã thành khẩn thú tội trước Đảng trong lớp học, thì bây giờ thì HCầm lại thành khẩn thú tội trước "tiên chỉ VCao"!
VCao lên mặt hách. Anh hạch tội HCầm, chẳng hạn: "pum thì có phải là chống đối đâu, sao lại khai? Anh lại bảo là HCầm tố điêu, để che dấu cái việc có "Đảng phái chính trị", đánh lạc lãnh đạo đi về hướng anh! HCầm thì nói hiện tượng. Tdần thì nâng lên "nguyên tắc", đều là cái "âm mưu che đậy cái tổ chức chính trị ấy". Anh lại nói là việc ấy, anh đã báo cáo lãnh đạo.
Hơn nữa, anh còn cinique đến nước nói là: "Tao chỉ có tội chống Thữu, chứ tao có chống Đảng đâu? Toàn là chúng mày làm đổ vấy cho tao! Sao không tố những điều tốt, tao đã khuyên răn chúng mày?" (Ôi chao, lại có điều tốt VCao khuyên anh em nữa chứ!)"
(Trần Dần, Ghi 1954 - 1960. td mémoire xb 2001. Trang 264 & 265)

Những tay cự phách như Văn Cao, như Hữu Loan, như Trần Dần, như Phùng Cung v.v… mà qua Ghi của Trần Dần, tức là những sự, những việc thật đã xảy ra 100%, chúng ta còn thấy nó thê thảm đến như vậy!!! Họ, những văn nghệ sĩ tôi vừa kể tên bên trên, là những công thần, là những tay khai sơn phá thạch cho nền văn học và chủ nghĩa Việt Cộng, mà còn phải sống ấp a ấp úng trong cái xã hội mịt mờ bụi nước, và xem chừng chẳng có chút hy vọng nào là "hòa hợp, hòa giải" được với Đảng và Nhà Nước Việt Cộng! Vậy thì, ông NT, ông là ai, là cái gì mà toan bề ra tay "hướng về dân tộc", "hòa hợp và hòa giải" với một cái Đảng mà nó chẳng cần thèm biết đến ông? Chưa cần chống Đảng! Chỉ cần chống THữu là đã thành chống Đảng! Dưới chế độ và chủ nghĩa Việt Cộng, tuy nay Tố Hữu đã chết, nhưng tôi tin rằng trong văn học văn nghệ Xã Hội Chủ Nghĩa bất cứ lúc nào, cũng đếu có những THữu, những "tiên chỉ VCao", những HCầm hèn nhát v.v…

Chúng ta hãy nghe TVT hỏi tiếp:
"TVT: Vậy anh trông mong gì ở giới trẻ, cả trong lẫn ngoài nước?
NT: Tôi kỳ vọng ở nơi tuổi trẻ một tấm lòng trong sáng, thẳng băng không nhuốm chút hận thù để biết làm một cái vươn vai lớn mạnh có tính cac1h Phù Đổng. Vươn vai để giả từ mọi hệ lụy, ràng buộc trong quá khứ mà nhìn thẳng vào những nhu cầu khẩn thiết của quốc gia dân tộc.

Vươn vai để biết rũ bỏ tinh thần ỷ lại chỉ biết cậy trông vào sức mạnh của cường quốc để cầu xin giải quyết vấn đề của chính quốc gia mình, dân tộc mình. Họ cũng phải biết nhận thức rằng quê hương còn rất nhiều vấn đề cần sự tiếp tay của tất cả mọi phía: Dân trí chậm tiến, phẩm chất đạo đức cá nhân suy đồi, tệ đoan và bất công xã hội gia tăng năng nề, sinh mệnh, đất đai của dân tộc như chỉ mành treo chuông trước mộng bá quyền của phương Bắc.v.v… Chỉ có sự khơi mạch yêu thương và hóa giải hận thù để tập hợp được hết sức mạnh của toàn dân cả trong lẫn ngoài nước thì mới mong từng bước làm cho những vấn đề khẩn thiết của quê hương có cơ hội giải quyết. Nói tóm lại là, một thiên niên kỷ mới đã bắt đầu. Con người Việt Nam hơn hai mươi nlăm năm sau cuộc chiến cũng cần phải thay đổi não trạng để góp phần vào công cuộc phục hưng thực sự cho xứ sở".
(NĐHB, trang 76)

Câu hỏi vừa rồi, có thể xem là câu hỏi cuối của TVT đặt ra cho NT trong bài phỏng vấn. Những điều NT đưa ra về một ước vọng ở tuổi trẻ Việt Nam cả trong nước lẫn ở hải ngoại thật mượt mà và đẹp như nhung tơ!!! Nhưng có điều, NT đã nghĩ ra phương cách nào để đưa sự thể đến chỗ tốt đẹp như vậy chưa? Để tuổi trẻ Việt Nam khắp nơi cùng nhau làm một cuộc vươn vai Phù Đổng? Ở những người tuổi trẻ hải ngoại lưu vong, mong mỏi từ họ một tấm lòng trong sáng thì còn khả dĩ và hy vọng. Nhưng tuổi trẻ đang sống trong nước, trong sự thể phải "tranh đấu" thường xuyên để "sinh tồn", tôi nói là "sinh tồn" thôi chứ không nói là "thành đạt", và dưới sự kiểm soát tư tưởng cũng như hành động của Đảng và Chính Trị Bộ, thì làm thế nào để những người tuổi trẻ này "trong sáng"?. Họ, những người tuổi trẻ Việt Nam ở quốc nội hiện nay, là những chồi xanh chưa kịp lớn và khó thể lớn dưới tay Đảng, rồi sẽ mòn héo chẳng biết thế nào, thì làm sao lớn dậy và vươn vai??? Muốn một cành cây đâm chồi, nẩy lộc thì ít ra, nó phải được nuôi dưỡng trong một bầu không khí trong lành và cần nhất, là nó phải có đủ ánh sáng mặt trời để trưởng sinh toàn vẹn diệp lục tố để xanh tươi. Tuổi trẻ Việt Nam quốc nội thiếu ánh sáng mặt trời của tự do và tiến bộ, của niềm tin và hy vọng. Làm sao cho họ "trong sáng và thẳng băng" được???

Xem ra, những ước vọng và câu hát về một "thiên đường" của "hòa hợp hòa giải" để "hướng về dân tộc" của NT, chẳng qua rồi cũng chỉ là những tiếng hót của một con chim đang bị nhốt trong lồng. Chiếc lồng của sự ảo tưởng viễn mơ giữa một trận đồ chưa tìm thấy lối Đi, Về!!!

(trích đoạn “Nhật Tiến: vẫn “Chim hót trong lồng” - Trần Nghi Hoàng, trang 41)

****

Phụ đính

Sau khi đi hết biển

Trần Gia Phụng

Ông Trần Văn Thủy là một đạo diễn ở trong nước, được Trung tâm nghiên cứu William Joiner Center (WJC) thuộc Viện đại học UMass Boston mời cộng tác trong chương trình nghiên cứu mang tên «(Re)Constructing Identity and Place in Vietnamese Diaspora». Theo thông cáo của WJC, đề tài của ông Trần Văn Thủy là «Những Câu Chuyện của Người Việt», nhưng sách của ông do Nhà xuất bản Thời Văn ấn hành vào đầu năm 2004, tại Hoa Kỳ, mang tựa đề là Nếu đi hết biển (dày 193 trang). Sách gồm hai bài mở đầu và những bài ông Trần Văn Thủy phỏng vấn bảy người Việt và một người Mỹ, mà theo ông Kevin Bowen, giám đốc WJC, là «những nhà văn, những nhà tư tưởng sâu sắc đáng kính, với những tiếng nói đa dạng và phong phú» (trích từ tr. 12).

Trong bài viết tựa đề «Nếu đi hết biển», ông Trần Văn Thủy kể lại rằng lúc nhỏ, ông rất khâm phục bà thím chăm sóc ông có tầm hiểu biết khá rộng, nhưng khi ông hỏi nếu đi hết biển sẽ đến đâu, thì bà thím không thể trả lời được. Sau nầy, khi khôn lớn, ra nước ngoài du học, ông mới tìm ra được câu trả lời. Đó là: «Một lần thắp hương bên mộ thím, tôi xót xa thì thầm với thím rằng: «Thím ơi! Cháu thương thím, vì cho đến lúc chết thím cũng không biết đi hết biển là đến đâu. Bây giờ cháu biết rồi thím ạ. Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình, thím ạ.» (trích từ trang 23)

Quả địa cầu hình tròn, phần lớn do biển bao bọc. Do đó trên lý thuyết, nếu một người đi một vòng quả đất thì sẽ trở lại khởi điểm. Ông Trần Văn Thủy ví von người vượt biên là người đi biển, và người vượt biên đi tìm đất sống, trước sau rồi một ngày kia sẽ trở về lại quê hương mình. Đây là sự thật, ai cũng muốn tìm về quê hương, không phải vì đã đi hết biển, nhưng vì hồn thiêng sông núi, vì tình tự dân tộc luôn luôn âm thầm thúc đẩy mọi người tìm về cội nguồn xuất phát của mình, tìm về quê hương yêu dấu của mình. Tình tự nầy có tính cách thiêng liêng, phổ quát đối với tất cả mọi người, mọi thời trên thế giới, chứ không phải riêng của một sắc dân nào. «Chiều chiều ra đứng ngõ sau,/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.» (ca dao)

Có một câu hỏi cần đặt ra, dầu yêu nước, yêu nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng những người Việt Nam vượt biên, lập nghiệp ở những đất nước dân chủ tự do, khi đi hết biển, trở về quê mình, làng mình để làm gì và được làm gì dưới chế độ cộng sản mà họ đã trốn tránh?

Để làm gì thì chẳng làm gì được vì «Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện vẫn nắm quyền chính và không cho phép có sự bất đồng chính kiến nào.. ..» (Xin xem xuất xứ câu nầy phía dưới.) Trước đây, có nhiều nhà thông thái lỡ tin vào chế độ cộng sản, trở về Việt Nam thì thân tàn ma dại suốt đời theo đúng nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Ví dụ Trần Đức Thảo (1917--1993), Nguyễn Mạnh Tường (1909--1997). Trần Đức Thảo được xem là triết gia Việt Nam ngang hàng với Jean Paul Sartre (1905--1980) của Pháp. Nguyễn Mạnh Tường đậu lưỡng khoa tiến sĩ tại Pháp khi còn rất trẻ. Cả hai ông trở về phục vụ đất nước sau năm 1954, bị đảng Lao Động hành hạ và sống vất va vất vưởng, thì còn nhà trí thức nào dám trở về đóng góp với quê hương xã hội chủ nghĩa?

Hiện nay, mỗi năm khoảng vài trăm ngàn người về Việt Nam, nhưng họ về chỉ để thăm gia đình, thăm bạn bè, du lịch, và một số để hưởng thụ, rồi lại ra đi chứ chẳng có ai ở lại. Rõ ràng về Việt Nam chơi thì nhiều người về, còn về để trở thành công dân Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) thì chẳng thấy ai về cả.

Ngay cả bảy nhà văn nhà báo Việt Nam ở hải ngoại mà ông Trần Văn Thủy phỏng vấn trong sách Nếu đi hết biển, tuy lời phát biểu được ông Thủy in lại thành sách, nhưng chẳng có ai chịu về trong nước sinh sống. Ai dại gì mà trở về Việt Nam để phải lâm vào thân phận những Phan Khôi (1887--1959), Trần Dần (1924--?), Phùng Quán (1932--1995)?

Ông Nguyễn Bá Chung, giữ chức vụ Residency Program Director trong chương trình của WJC, đã lớn tiếng cho rằng di tản
«là mảnh vụn của sỏi đá
là giọt nước của ao tù
là tia nắng cuối cùng mong manh
là viên đạn lép
cuối lòng súng dỉ
là ngôn ngữ bất lực
của tháng ngày bất lực
là vết bầm cuối cùng.. ..»

(trích phần đầu bài thơ «Di tản» của Nguyễn Bá Chung).

Ngôn ngữ của ông không khác gì các đài truyền thanh hoặc truyền hình CSVN, nhưng ông Chung không chịu về Việt Nam để gia nhập đội ngũ Bộ thông tin tuyên truyền Hà Nội, mà vẫn bám trụ ở Hoa Kỳ.

Ông Chung quên rằng những người di tản mà ông thóa mạ là công dân của nước Việt Nam Cộng Hòa, quốc gia đã nuôi nấng, dạy dỗ và gởi ông đi du học. Trong số những người di tản đó có những bà con thân thuộc của ông, có những bậc chú bác thầy cô của ông, có những chiến binh đã hy sinh để bảo vệ miền Nam, giúp ông có cơ hội du học. Nếu không có họ, chưa chắc ông đã được qua Hoa Kỳ ăn học và nếu không có họ, chưa chắc ông có được ngày hôm nay. Không biết «những nhà văn, những nhà tư tưởng sâu sắc đáng kính.. ..» đã từng là người di tản nghĩ như thế nào về một kẻ đã miệt thị những người di tản như thế?

Về phần ông đạo diễn Trần Văn Thủy, khi qua tới Hoa Kỳ, ông lại có một ưu tư khác: «Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với Cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên một thím tôi: «.. ..Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình.. ..» Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ không ít người Viết xa xứ «qua các đại dương vả các châu lục, đi mãi, đi mãi» mà cuối cùng không thể 'trở về quê mình, làng mình được.» (trích từ trang 24)

Vấn đề đặt ra tại đây. Tại sao người ta «cuối cùng không thể 'trở về quê mình, làng mình được»? Trả lời câu hỏi nầy không phải về phía cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản ở hải ngoại, bởi vì đã làm người, ai cũng quyến luyến cố hương. Từ bao năm nay, trên bước đường lưu vong, biết bao nhiêu người Việt đêm đêm mộng du trở về ngôi nhà cũ, mái trường xưa, «hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa» (Kiều câu 2236). Do đó, hãy để cho những người đang làm chủ đất nước trả lời trả lời câu hỏi nầy.

Theo đài BBC Luân Đôn ngày 4--5--2004, kết quả bản khảo sát mang tựa đề «Freedom of the Press 2004: A Global Survey of Media Independence», cho biết hiện nay ở trong nước «mọi cơ sở truyền thông đều nằm trong sự sở hữu hoặc kiểm soát của đảng Cộng Sản, các cơ quan nhà nước, hoặc quân đội và nhiều nhà báo thực thi việc kiểm duyệt.. ..».(bbcvietnamese.com, ngày 4--5--2004.)

Thông báo ngày 26--10--2004 của Hội Phóng Viên Không Biên Giới phổ biến tại Thụy Sĩ cho biết CHXHCNVN đứng thứ 161 trên 167 nước được khảo sát về sự tôn trọng Quyền tự do báo chí, thua xa nước Cambodia lân cận đứng thứ 109.(vietbao.com ngày 27--10--2004) Nói một cách khác, tính ngược lại thì CHXHCNVN đứng hạng thứ 7 trên thế giới về việc vi phạm quyền tự do báo chí. Báo chí chưa được tự do, thì làm gì có tự do xuất bản, tự do hội họp, tự do chính trị, tự do kinh doanh, tự do ngôn luận để ông Trần Văn Thủy có thể tự do đi lại, tự do phỏng vấn, và tự do in sách?

Cũng theo tin đài BBC Luân Đôn ngày 16--9--2004, ông John Hanford, Đại sứ đặc trách tự do tôn giáo tại Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, cho biết «Việt Nam là một quốc gia kiểm soát việc hành đạo rất chặt chẽ và có nhiều người đã bị bỏ tù vì dính líu đến tôn giáo, trong đó có đạo Phật, đạo Tin Lành, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo.» Hoa Kỳ đã xếp Việt Nam vào danh sách những quốc gia đáng quan tâm đặc biệt vì «Hoa Kỳ nhận thấy Việt Nam vi phạm rất nghiêm trọng, thường là đối xử rất tệ với những người chỉ muốn hành đạo của họ trong hòa bình.»(bbcvietnamese.com, ngày 16--9--2004)

Phóng viên đài BBC, ông William Horsley, đi vào Việt Nam tìm hiểu tình hình sinh hoạt chính trị, đã viết như sau trong bài phóng sự ngày 19--10--2004 của đài nầy: «Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện vẫn nắm quyền chính và không cho phép có sự bất đồng chính kiến nào.. ..Và giới chức Việt Nam vẫn bảo vệ sự độc quyền của họ với những biện pháp cũ. Các tổ chức nhân quyền nói giới chức đã bắt hoặc bỏ tù hàng chục người hoạt động về dân chủ và những người lên chiến dịch đòi hỏi quyền tự do tôn giáo.» (bbcvietnamese.com, ngày 19--10--2004)

Bên cạnh những tin tức báo chí quốc tế trên đây, có lẽ nên chú ý thêm nhật ký mới được đưa ra ánh sáng của một đảng viên cộng sản kỳ cựu. Đó là Nhật ký rồng rắn của ông Trần Độ, cựu trung tướng Quân đội Nhân dân CHXHCNVN, Phó bí thư Trung ương cục miền Nam của đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN), cựu Trưởng ban Văn hóa văn nghệ trung ương (nay là ban Tư tưởng văn hóa trung ương), và cựu Phó chủ tịch Quốc hội Hà Nội. Ông viết xong quyển Nhật ký rồng rắn năm 2001, một năm trước khi ông từ trần. Quyển nầy không được phép xuất bản ở trong nước, nhưng đã được bí mật chuyển ra nước ngoài, sẽ xuất hiện một ngày gần đây. Sau đây là một đoạn trong nhật ký của Trần Độ được ghi lại trên Việt Báo Online (vietbao.com) số 3489 ngày 21--10--2004:

«Sự chuyên chính tư tưởng được thực hiện bởi một đội ngũ nòng cốt là «lưu manh tư tưởng». Chuyên chính tư tưởng định ra những điều luật tàn khốc để bóp nghẹt mọi suy nghĩ, mọi tiếng nói.. .. Nền chuyên chính tư tưởng nầy đang làm cho tất cả trí thức không dám suy nghĩ gì. Thực ra nền chuyên chính vô sản nầy đã làm tê liệt toàn bộ đời sống tinh thần của một dân tộc, làm tê liệt sự hoạt động tinh thần của nhiều thế hệ, ra sức nô dịch toàn bộ tinh thần của nhiều thế hệ, làm nhiều thế hệ con người trở thành những con rối chỉ biết nhai như vẹt các nguyên lý bảo thủ, giáo điều. Nó làm cho nền giáo dục khô cứng, làm cho các hoạt động văn học nghệ thuật nghèo nàn, mất hết cơ hội sáng tạo và mất hết hào hứng, nó làm cho các hoạt động khoa học bị khô cứng và nô dịch. Nền chuyên chính tư tưởng hiện nay ở Việt Nam là tổng hợp các tội ác ghê tởm của Tân Thủy Hoàng và các vua quan tàn bạo của Trung Quốc, cộng với tội ác của các chế độ phát xít, độc tài. Nó tàn phá cả một dân tộc, hủy hoại tinh anh của nhiều thế hệ. Xét đến cùng, đó là tội nặng nhất về sự vi phạm nhân quyền. Vì không phải nó chỉ xâm phạm đến quyền sống của con người mà nó hủy hoại cuộc sống của rất nhiều người, đó là cuộc sống tinh thần, cuộc sống tư tưởng của cả một dân tộc. Nó đang làm hại cả một nòi giống.. ..»

Chỉ mới tóm tắt vài bản tin báo chí, và chỉ cần đọc thêm một đoạn nhật ký của một đảng viên cộng sản thâm niên về chế độ ông đã phục vụ, là đã có đủ câu trả lời tại sao «không ít người Việt xa xứ «qua các đại dương vả các châu lục, đi mãi, đi mãi» mà cuối cùng không thể 'trở về quê mình, làng mình được.».

Nói một cách khác, sau khi đi hết biển, người Việt tỵ nạn cộng sản cũng chỉ ghé thăm quê nhà rồi tiếp tục ra đi, vì không thể nào sống nổi dưới chế độ độc tài đảng trị và toàn trị của nhà cầm quyền hiện nay ở trong nước. Ngày nay, câu nói mà nhiều người cho rằng do danh ca Trần Văn Trạch phát ngôn cách đây trên hai thập niên, cũng còn có giá trị: «Ở Việt Nam, cái cột đèn cũng muốn ra đi».

Không phải riêng Việt Nam, lịch sử thế giới từ đầu thế kỷ 20 cho thấy rằng nơi nào có chế độ cộng sản hay xã hội chủ nghĩa thì nơi đó có người ra đi tỵ nạn. Từ chân lý lịch sử nầy, có thể suy ra khi nào chế độ cộng sản còn thì còn người bỏ trốn ra đi tỵ nạn. (Hiện nay, người Cuba sẵn sàng bơi qua eo biển Florida vào Hoa Kỳ; người Bắc Hàn trốn xuống Nam Hàn; người Trung Hoa ẩn nấp trong những kiện hàng hay hầm tàu để vào Hoa Kỳ hay Canada.)

Đó là lý do giải thích vì sao hiện nay hàng trăm ngàn sinh viên Việt Nam ra nước ngoài du học

đều kiếm tất cả các cách ở lại nước ngoài mà không muốn quay về; cũng là lý do vì sao đi «lao động hợp tác» rất cực khổ mà nhiều người vẫn muốn ghi danh ra đi; đồng thời là lý do vì sao xảy ra chuyện lấy chồng Đài Loan, Đại Hàn tràn lan hiện nay ở Việt Nam. Thật là đau đớn với câu hỏi đặt ra phải chăng lấy chồng Đại Hàn, Đài Loan là một hình thức dùng chính thân mạng của mình để «vượt biên» khỏi Việt Nam hiện nay một cách hợp pháp? Việc nầy có thể xảy ra, vì trên Việt Báo (California), số 3506, ngày 7--11--2004, trong mục «Tin Việt Nam», đăng lại tin của báo Đài Loan, cho biết có bốn cô gái Việt Nam, đến Đài Loan bằng visa du khách, đã «tìm cách rao bán đấu giá đời các cô để kết hôn» [nguyên văn bản tin] trước chùa Matsu, trên đảo Penghu với giá từ 1,000 đến 9,000 Mỹ kim để được ở lại Đài Loan, không về Việt Nam.

Cuối cùng, theo thông báo của WJC, đề tài nghiên cứu của ông Trần Văn Thủy là «những câu chuyện của người Việt» ở hải ngoại. Ông Thủy làm một vòng phỏng vấn bảy người Việt và một người Mỹ, mà điểm đáng chú ý đầu tiên là tất cả những vị nầy đều ở hải ngoại.

Cách nghiên cứu đề tài của ông Thủy rất đúng thời, đúng người, và đúng chỗ. Đúng thời là vì quyển sách của ông Thủy được tung ra đúng vào lúc Nghị quyết 36/NQ--TW ngày 26--3--2004 của Bộ Chính trị đảng CSVN đang được khai triển ở hải ngoại. Nhiều người nghĩ rằng đây là sự trùng hợp tình cờ, nhưng xin đừng quên rằng trong sinh hoạt chính trị, nhất là với cộng sản, mọi sự tình cờ đều có kế hoạch.

Đúng người và đúng chỗ vì những người được ông Thủy phỏng vấn đều là những người sống trong cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản ở hải ngoại. Dầu họ phát biểu như thế nào, và tiếng nói của họ có được xem là đại diện cho Cộng đồng người Việt ở hải ngoại hay không, nhưng không một vị nào trong bảy người Việt trả lời cuộc phỏng vấn của ông Thủy công khai phủ nhận tư cách tỵ nạn cộng sản của họ, bởi vì muốn nhập cư vào Hoa Kỳ, khi vượt biên họ phải chứng minh đã từng bị cộng sản ngược đãi, và càng bị ngược đãi thì đơn xin nhập cư của họ càng dễ được Hoa Kỳ chấp nhận. Nếu họ được bảo lãnh, thì người bảo lãnh họ cũng đã từng trải qua những thủ tục như thế.

Ở đây lộ ra sự phân công kín đáo của WJC, ông Kevin Bowen và ông Nguyễn Bá Chung. Họ giao cho một cán bộ văn hóa của CSVN ở trong nước phỏng vấn những người ngoài nước. Đó là «những nhà văn, những nhà tư tưởng sâu sắc đáng kính, với những tiếng nói đa dạng và phong phú». Có vậy mới tạo thế thăng bằng để cho WJC, ông Kevin Bower, ông Nguyễn Bá Chung đi mời hai ông Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi, những cán bộ văn hóa và đảng viên CSVN, thuộc thành phần thống trị của đảng độc tài toàn trị hiện đang thao túng đất nước, tham gia công cuộc nghiên cứu về Cộng đồng người Việt tỵ nạn.

Hai ông Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi đều là đảng viên và cán bộ văn hóa CSVN. Theo lời thề khi vào đảng, các ông phải tuyệt đối vâng theo mệnh lệnh và trung thành với đảng CSVN. Vậy hai ông có thể viết được gì ngoài những điều Ban Tư tưởng văn hóa trung ương đảng CSVN đã dạy cho các ông? Thế thì cần gì phải mời hai ông Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi, mà cứ trực tiếp mời thẳng Ban Tư tưởng văn hóa trung ương đảng CSVN cho dễ được việc.

Theo ký giả William Horsley, «Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện vẫn nắm quyền chính và không cho phép có sự bất đồng chính kiến nào.. ..» (BBC ngày 19--10--2004). Trong bài phóng sự của mình, ký giả William Horsley kể lại rằng bất cứ nơi nào ông đi cũng đều có một người của Bộ Ngoại giao Việt Nam đi kèm gọi là «hướng dẫn viên chính thức», để ngăn chặn ông ta hay các phóng viên nước ngoài phỏng vấn những người có thể thách thức về cách cầm quyền của đảng CSVN. Khi ký giả William Horsley tới Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh tại Sài Gòn, với mục đích phỏng vấn các giáo sư và sinh viên học môn «Quan hệ quốc tế» về những gì hiện còn

mang tính xã hội chủ nghĩa tại nước CHXHCHVN, thì chỉ có ông Võ Văn Sen, Trưởng khoa Sử của Viện đại học, được phép trả lời và giải thích về những hạn chế trong việc tự do bày tỏ các ý tưởng chính trị.

Một ký giả Tây phương của một đài truyền thanh lớn trên thế giới, đến Việt Nam tìm hiểu mà luôn luôn có một «hướng dẫn viên chính thức» đi kèm, và khi ông đến một viện đại học, thì chỉ có một giáo sư được quyền trả lời. Vậy hai ông Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi đang ở trong nước, mà viết một đề tài liên hệ đến cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản hải ngoại, muốn sống còn, hai ông chỉ còn có cách phụ họa theo chủ trương và ngôn ngữ của đảng CSVN để yên thân, nếu không, số phận của Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Đan Quế đang chờ đợi hai ông.

Có người nói cứ để cho hai ông Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huệ Chi viết, rồi mới biết họ nói những gì. Điều nầy trên lý thuyết thật là đúng, nhưng trong trường hợp hai đảng viên và cán bộ văn hóa CSVN, thì chẳng cần phải đợi họ viết ra, vì hiện nay chỉ cần nghe bất cứ đài Truyền thanh hoặc Truyền hình nào ở Việt Nam nói gì, thì sẽ biết ngay những cán bộ, đảng viên CSVN nghĩ gì, nói gì và viết gì. Đảng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tất cả đảng viên các cấp từ trên xuống dưới. Nếu hai ông đi ra ngoài sợi chỉ đỏ, thì hai ông dư biết số phận hai ông sẽ đi về đâu.

Tóm lại, hiện nay dầu đi hết biển, qua các đại dương, qua các châu lục, đi mãi, đi mãi và cuối cùng nếu có cơ duyên trở về quê mình, làng mình, thì người lữ hành chỉ dừng chân thăm hỏi, trao đổi vài câu tâm tình, rồi lại lên đường tiếp tục ra đi. Ra đi qua các đại dương, qua các châu lục, chồn chân mỏi gối thật đó, nhớ nước thương nhà thật đó, nhưng vì quen hít thở không khí tự do dân chủ, nên ai ai cũng tránh xa cái thiên la địa võng mang nhản hiệu cộng sản hiện đang trùm lên quê hương như một ngôi nhà lồng khổng lồ ngột ngạt, mệnh danh là «thiên đường xã hội chủ nghĩa». Ở đó cái cột đèn cũng muốn ra đi cơ mà!

Do đó, chỉ còn một cách duy nhất là phải phá bỏ ngôi nhà lồng đó, phải chặt gãy những mắt xích la võng đó, phải tiêu hủy cái chủ nghĩa ngoại lai đó, phải để cho dân chúng tự do, dân chủ, thoải mái sinh nhai, thì chẳng cần nghị quyết 36/NQ--TW ngày 26--3--2004 của Bộ Chính trị đảng CSVN, chẳng cần các đoàn văn công ra đi lưu diễn, chẳng cần ông Trần Văn Thủy lo chuyện có người «cuối cùng không thể 'trở về quê mình, làng mình được.» Bởi vì một khi đất nước Việt Nam không còn cảnh độc tài đảng trị, trở lại tự do dân chủ, thì tự nhiên «cây lành chim đậu». Người Việt trong nước sẽ không còn tìm đường ra biển, sẽ an vui sinh sống nơi chôn nhau cắt rốn, dầu đó là «vùng đất cày lên sỏi đá». Và những lữ hành Việt Nam muôn phương, dầu ở chân trời góc bể, sẽ dần dần tự động kiếm đường trở về với quê hương Việt Nam ngàn đời yêu dấu.

Còn bây giờ, sau khi đi hết biển, qua các đại dương, qua các châu lục, đi mãi, đi mãi và cuối cùng nếu có cơ duyên trở về quê mình, làng mình, thì người Việt chỉ ghé lại thăm cảnh cũ, người xưa, rồi lại tiếp tục lên đường ra đi, đi mãi, đi mãi .. ..

(Toronto, Canada)

Thư của Trần Văn Thủy
(Nguồn : trang Nguyễn Trọng Tạo)

Trước hết tôi xin có lời cám ơn các anh và cáo lỗi cùng các anh. Cáo lỗi bởi tôi là tác nhân đầu tiên, tác nhân chính gây ra vụ trao đổi ồn ĩ, căng thẳng cả tháng qua trên các trang mạng của

các anh xung quanh cuốn ***Nếu Đi Hết Biển*** của tôi và cuốn sách phản đối nó. Sự việc đã làm mất nhiều thì giờ và làm bận tâm các anh. Nhân đây tôi cũng xin cáo lỗi và cám ơn ông Nguyễn Hữu Đính, ông Trần Huy Thuận, trang mạng Facebook, Đàn Chim Việt. Info và một số bạn đọc đã quan tâm tới đề tài này.
Thành thật mong các anh lượng thứ.
Trong bài của mình, ông Lê Thanh Dũng và một số bạn đọc yêu cầu tôi trao đổi đôi điều và công bố cuốn ***Nếu Đi Hết Biển*** trên mạng. Xin thưa, những cuộc tranh luận, viết lách như thế này thực tình mà nói, tôi rất, rất ngại. Hơn nữa, đó là chuyện xảy ra cũng quá lâu rồi, tôi lại rất ít thì giờ, sức khỏe không tốt, trong lòng thiếu sự an bình, nhưng thôi, tôi xin cố gắng phúc đáp để khỏi mang tiếng bất nhã.
Cũng xin cho phép tôi được nghĩ gì nói nấy, chẳng có bài bản gì, kể lại đôi ba câu chuyện liên quan đến cuốn ***Nếu Đi Hết Biển***. Xin coi câu chuyện này như một lời tâm tình thay cho lời cám ơn đối với các anh mà thôi.

1- "ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT CỘNG"

Như các anh biết, có ý kiến khẳng định rằng: Tôi được "*Đảng và nhà nước Việt cộng*" "*cấp giấy thông hành*" cử đi Mỹ để làm nhiệm vụ. Lạy Chúa! Sự việc chẳng đến nỗi long trọng như thế đâu!
Về việc "*cấp giấy thông hành*" phải nói dài dài như sau: Ngay từ chuyến đi châu Âu 1997 (có việc ở Bruxelle, Aix en Provence , Paris …) tôi đã không phải làm bất cứ thủ tục nào dù nhỏ nhất với các cơ quan hữu trách Việt nam. Lúc đầu tôi rất ngạc nhiên, nhưng sau mới biết đấy là kết quả của những công ước quốc tế mà nhà nước Việt Nam đã ký kết cam đoan thực hiện. Từ đó cho đến nay, tất cả các chuyến đi nước ngoài của tôi (Nhật, Pháp và nhiều nhất là ở Mỹ - hầu hết là do lời mời từ các nước sở tại) tuyệt đối không có can hệ gì đến bất kỳ cơ quan nào của nhà nước Việt Nam. Tôi chỉ việc cầm hộ chiếu của mình (mà mọi người dân bình thường đều có thể có nếu họ xin ở Sở Công an thành phố với lệ phí khi đó là 200 ngàn đồng) cùng giấy mời đến Đại Sứ Quán của các nước muốn tới, họ cấp visa, thế là tôi đi. Sự thay đổi thủ tục này là một bước ngoặt lớn trong việc giao lưu quốc tế vốn cực kỳ rắc rối khó hiểu kéo dài suốt nhiều thập kỷ ở Viêt Nam. Vậy thì, với một chuyện thanh thiên bạch nhật như thế này, cả triệu người biết như thế này thì một người có đầu óc bình thường không thể nghĩ ra rằng tôi đi Mỹ vì được *"Đảng và nhà nước Việt cộng" "cấp giấy thông hành".*
Về việc "*Đảng và nhà nước Việt cộng*" cử tôi sang Mỹ "làm nhiệm vụ" (!):
Giữa năm 2002 William Joiner Center (WJC) thuộc trường đại học Massachusett ngỏ ý mời tôi sang Mỹ để tham gia chương trình gọi là "*Nghiên cứu về cộng đồng người Việt*" do Rockefeller tài trợ. Tôi đã cám ơn và từ chối vì đơn giản là tôi không biết "nghiên cứu" và tôi không thích "nghiên cứu". Làm một cái việc rất mất thì giờ, mất nhiều công sức, kết quả là một xấp giấy được bỏ vào ngăn kéo, may ra một năm được vài ba người đọc. Theo tôi đó là chuyện vớ vẩn. Tháng 8-2002 WJC lại liên lạc với tôi nhắc lại lời mời, tôi rất cám ơn và vẫn từ chối. Cuối cùng họ chân tình cho biết, nhiều người ở Mỹ muốn gặp tôi. Tôi vui vẻ *Thank you very much* và bay qua Mỹ. Nhận 6 tháng lương, các loại vé bay nội địa và một cái Thẻ Xanh (nếu có thì giờ tôi sẽ trở lại câu chuyện cái Thẻ Xanh này sau nhé. Lúc đó tôi chẳng hiểu nước Mỹ cấp cho tôi cái đó để làm gì, mãi đến sau này tôi mới hiểu được giá trị của cái Thẻ Xanh). Viết tới đây tôi rất nhớ và cám ơn mấy người bạn ở WJC đã trở thành thân thiết, quan tâm chu đáo với tôi rất nhiều.
Sự can dự của "*Đảng và nhà nước Việt cộng*" vào những chuyến đi nước ngoài của tôi, có chăng là trước đó, vào cuối những năm 80, tôi vô cùng khốn khổ với những việc làm, với những bộ phim không được sự chấp thuận của cấp trên.

2- "GIÀ RỒI, LÀM THẾ ĐỦ RỒI! CHƠI ĐI! KHÔNG CHƠI THÌ CŨNG CHẾT!"

Ngày 1-10-2002 tới Boston, mấy ngày sau tôi tới văn phòng của WJC trong khuôn viên của Đại học Massachusett để chào mọi người, "nhận việc" với ông Kevin Bowen giám đốc Trung tâm. Sau một hồi trao đi đổi lại về những băn khoăn của tôi trước lời mời và những việc mà tôi sẽ làm. Các bạn ở WJC hóm hỉnh nói với tôi rằng:
- Đây là nước Mỹ…có nghĩa là ông muốn làm gì thì làm, ông muốn đi đâu thì đi, muốn viết lách hoặc làm phim gì tùy ông. Nếu không hứng thú làm cái gì cả, tiêu hết tiền thì ông về Việt nam.
- Nước Mỹ của các ông thật là tuyệt! Nếu không làm được gì thì tôi đi chơi. Ông có biết không?
Trước khi lên máy bay ở Hà nội một bạn trẻ của tôi, nó bô bô dặn tôi rằng "*Già rồi! Làm thế đủ rồi! Chơi đi! Không chơi thì cũng chết!*" Nó nói rất thật lòng và có ý thương tôi.
OK! Thế là tôi đi chơi. Một nhà thơ mới quen biết, anh Hoàng Chính Nghĩa đã đưa tôi đi Las Vegas . Lần khác, một cô gái Mỹ chính cống nói tiếng Việt rất sành điệu lái xe đưa tôi đi Hollywood . Cô ấy rất tốt với tôi, có lúc hai đứa dừng xe, ngồi trên đồi cao, ngắm toàn cảnh vùng Hollywood …Thế mà bây giờ tôi quên mất tên cô ấy rồi, chán thật! Tôi gặp lại Lưu Hà, người quay phim ***Hà Nội Trong Mắt Ai*** sau nhiều năm lưu lạc. Hà đãi tôi một chuyến du ngoạn Disneyland. Rồi mấy bạn trẻ từ Việt Nam sang du học rủ tôi đi xem Lá Vàng, mùa thu vàng ở vùng Đông Bắc, tiểu bang Vermont…Thiên nhiên nước Mỹ, bầu trời, rừng cây, sóng biển, màu nắng qủa là hấp dẫn trong mắt một người làm phim như tôi.
Nhưng, tựa như một ma lực, một định mệnh, tôi bắt gặp nhiều hoàn cảnh, nhiều câu chuyện trong bà con người Việt mà tôi có thể tiếp xúc. Vui thì tôi chóng quên, buồn thì tôi bị ám ảnh, ám ảnh nhiều lắm, nhất là chuyện vượt biên, vượt biển, cải tạo, tù tội…
Bất giác trong tôi, mơ hồ một mặc cảm tội lỗi…
Rồi một lần đi trên xa lộ mênh mông với hơn chục làn đường, dài hun hút, ngước nhìn bầu trời, có những đàn chim bay rất cao về phương Nam, bên phải là Đại Tây Dương sóng đập ầm ầm vào vách đá tung bọt trắng xóa. Tôi chợt rùng mình, như thấy một sự mách bảo từ rất cao, từ rất xa, rằng: Trời Phật đang cho ngươi một cơ hội để làm một việc có ích! Tôi lặng người…
Từ đó tôi không đi chơi nữa, tôi quyết định toàn tâm toàn ý vào một công việc rất mơ hồ và không rõ cái đích ở đâu, chỉ đinh ninh là nó sẽ có ích. Tất nhiên với WJC, với Kevin, nói gì thì nói, nghĩ gì thì nghĩ chứ trước khi rời khỏi Mỹ, dài ngắn nông sâu gì thì tôi cũng sẽ nộp cho anh ta một xấp giấy có chữ. Gọi nó là gì cũng được, nhưng xin chớ gọi là "công trình nghiên cứu" Kevin ạ!
Tôi không rong chơi được nữa, dù lời người bạn trẻ vẫn văng vẳng bên tai: "*Già rồi! Làm thế đủ rồi! Chơi đi! Không chơi thì cũng chết!*"

3- ĐẦU TÊU LÀ BỐ NGUYÊN NGỌC!

Tôi đặt bút viết những trang đầu, rồi cố gắng "rặn" ra được quãng bốn năm mươi trang, suôn sẻ. Do có thói quen "đội mũ Kim Cô ôtômatích" (trong giới văn nghệ sĩ Việt Nam không ít người chỉ cần nghĩ khác cấp trên là tự nhiên thấy đau đầu), tôi luôn nghĩ đến người đọc, người đọc trong nước và đặc biệt là người đọc ở Mỹ. Tôi bị khựng lại hoàn toàn. Tôi không thể viết được, dù cố gắng, dù có tấm lòng, dù chân thực, dù khách quan thì những gì tôi viết ra vẫn sẽ bị xăm soi, mổ xẻ, suy diễn bởi một điều đơn giản: Tôi từ Việt nam sang! "*Ôi, cái người Việt mình nó thế*!" Có biết bao điều cần nhắn gửi, cần tỏ bày, cần suy ngẫm xung quanh tôi, nhất là tôi đi nhiều tiểu bang, gặp nhiều người, thăm nhiều gia đình, lắng nghe và nói chuyện đến gần một trăm buổi ở các Đại Học danh tiếng nước Mỹ.
Hoàn cảnh xui khiến, nghề nghiệp mách bảo, có một cách làm khả dĩ hơn, người đời dễ cảm thông hơn, đó là đè mấy ông bạn văn chương, trí thức, cởi mở để trao đổi, trò chuyện về chính cuộc sống và suy nghĩ của người Việt ở đây. Ôi đó là thượng sách, khỏi phải đau đầu, khỏi phải viết, chỉ việc ghi chép trung thực và cam đoan với nhau: nếu công bố thì phải "Y như bản chính".
Tôi nhẹ cả người, tấm lòng của bạn bè và sự tinh quái của một người làm phim tài liệu đã mở ra một lối đi cho tôi. Nhưng cũng mất nhiều công sức lắm, bàn thảo với các anh chị ấy nhiều

lắm, cuối cùng thì toàn bộ bản thảo được chỉnh lý, đánh máy đóng bìa, chốt lại trên 200 trang, để nộp cho WJC, hai tuần trước khi tôi rời nước Mỹ.
Thế rồi, "trời xui đất khiến" thế nào, bỗng dưng bố Nguyên Ngọc lù lù tới Boston , ở cùng nhà, đi dạo, chuyện trò, thăm hỏi linh tinh: "*Thủy, cậu sang đây làm gì?*" … "*Thế à? Viết xong chưa*?"… "*Đưa tớ đọc chơi được không?*"… Bố Nguyên Ngọc đọc 3 đêm, sáng dậy chưa ngồi vào bàn ăn, mắt còn đỏ vì thức khuya, bố đặt tay lên tập bản thảo và nhìn vào mắt tôi: "*Thủy! Cái này nó rất cần và có ích*." Tôi không tin ở tai mình, hỏi lại: "Anh bảo sao?" Nguyên Ngọc nhắc lại: "*Cái này rất cần và có ích.*" Tôi nóng ran cả người. Bố này mà đã nói là tôi tin, nhưng chẳng lẽ cái "công trình nghiên cứu" dơi chẳng ra dơi, chuột không ra chuột này mà lại cần và có ích sao? Một người bạn đứng bên nghe chuyện, anh không khen chê, không bình luận mà chỉ thủng thẳng: "*Tập này mà in thì cậu không về nước được! Về nước thì không bao giờ có chuyện in. Chưa có thằng nào qua đây in sách kiểu này mà dám vác mặt về nước.*" Chỉ vài giây im lặng, tôi nói rành rọt với nhà văn Nguyên Ngọc: "*Nếu anh bảo cái này nó cần và có ích thì chắc chắn tôi in ngay và tôi cũng sẽ về nước ngay*."
Ngay hôm sau tôi bay từ Boston qua Las Vegas đến Los Angeles. Đón tôi ở sân bay là nhà văn Hoàng Khởi Phong và Cao xuân Huy. Ngay lập tức, trên xe, với mobilephone, Hoàng Khởi Phong cùng Cao Xuân Huy đã liên lạc, thu xếp và quyết định việc in ***Nếu Đi Hết Biển*** trước khi tôi bay về VN. Tôi bảo in ấn thì phải xin phép và duyệt nữa thì chẳng kịp đâu. Hoàng Khởi Phong và Cao xuân Huy cười phá, diễu nhau: Chán quá! nước Mỹ không có Ban Tư Tưởng Văn Hóa! Ừ nhỉ, ngay cả Bộ Văn Hóa cũng không có nữa! Vậy mà tại sao người Mỹ lại ẵm về quá nhiều giải Văn hóa Nghệ thuật đến thế, cả Oscar và cả Nobel ?…Quái lạ!
Cuốn Nếu Đi Hết Biển nó ra đời lòng vòng là vậy. Chẳng có âm mưu gì đáng ngại, chẳng có tài cán gì đáng nể. Chung qui, hay dở, đúng sai gì thì do bố Nguyên Ngọc đầu têu mà thôi.

4- *"CÁI NGƯỜI VIỆT MÌNH NÓ THẾ!"*

Cuốn Nếu Đi Hết Biển ra đời ở Quận Cam năm 2003, ngay lập tức được lan truyền. Nói một cách công bằng rằng, ở Mỹ khá nhiều người đọc chấp nhận nó, nhưng cái kẹt của nó là: Do một người trong nước sang thực hiện. Thời điểm đó, phương tiện thông tin đại chúng của người Việt ở Mỹ không dễ dàng đồng tình với việc làm của một người trong nước, vốn sống dưới chế độ "cộng sản toàn trị". Do vậy những người đồng tình thì im lặng; những người sốt sắng tỏ thái độ phản đối, lên án thì sẵn sàng có diễn đàn.
Tình cảnh của ***Nếu Đi Hết Biển*** ở Mỹ lúc đó cũng giống như tình cảnh của ***Hà Nội Trong Mắt Ai*** ở Việt nam vào đầu những năm 80. Ngày ấy người thích thú, tán thành ***Hà Nội Trong Mắt Ai*** thì khá đông nhưng không có quyền, không có diễn đàn; người phản đối, lên án thì rất ít, nhưng có quyền, có diễn đàn, thậm chí có cả một guồng máy. Các cụ ngày xưa nói "Trong họa có phúc" chẳng sai. Người ta tò mò tìm mua, biếu tặng nhau và gửi về Việt Nam "***Nếu Đi Hết Biển***" đến đoạn hết sạch. Năm 2004 Hoàng Khởi Phong lại lo việc tái bản. Tái bản sách tiếng Việt ở Mỹ cũng là chuyện hiếm vì người đọc tiếng Việt thưa thớt dần. ***Nếu Đi Hết Biển*** giống ***Hà Nội Trong Mắt Ai*** ở chỗ được mọi người quan tâm tìm xem, đọc vì nó được chửi, được đồn thổi nhiều chứ chưa hẳn vì nó hay. Cho nên "trong họa có phúc" là thế.
Chuyện phúc-họa này tôi cũng đã có lần nói với các đạo diễn điện ảnh Mỹ nhân dịp ở Viện Hàn Lâm Âm nhạc Brooklyn (BAM) – New York tổ chức chiếu phim của tôi với sự có mặt của đạo diễn đoạt giải Oscar, Peter David. Người ta hỏi tôi:
- Làm phim ở Việt nam có phải kiểm duyệt qua nhà nước không?
Tôi bảo:
- Câu hỏi vừa rồi như của một người ở hành tinh khác! Đương nhiên là có chứ!
-Tại sao?
- Làm phim ở Việt nam muốn công chiếu thì phải duyệt! Nhờ duyệt, nhờ phê phán, nhờ cấm đoán ầm ĩ mà tôi được mọi người chú ý, rồi có thể nói… tôi nổi tiếng! Đấy các ông xem, làm phim mà cứ muốn làm thế nào thì làm như ở Mỹ các ông thì làm sao tôi nổi tiếng được. Tôi

thương các đạo diễn Mỹ, các vị thường phải bỏ ra đến một phần ba kinh phí để làm quảng cáo thì mới có đông người xem, mới nổi tiếng. Tôi chẳng mất xu nào, chỉ nhờ vào duyệt, vào phê phán, cấm đoán, tôi nổi tiếng.

Thưa các anh, bởi vậy các anh có thể tin là tôi rất bình thản trước những phê phán, bài xích, bôi nhọ ***Nếu Đi Hết Biển***. Chuyện này tuyệt đối không là cái gì so với những điều tôi từng trải qua. Những chuyện từng trải trong việc làm nghề của tôi nó kinh khủng hơn nhiều, nó ly kỳ hơn nhiều, những chuyện ấy thật mà như bịa, hấp dẫn chẳng kém chuyện kiếm hiệp Tàu.
Có chăng, tôi thấy buồn cho người Việt mình. Hãy đọc lại Vũ Ánh (một phóng viên kỳ cựu của VNCH, đã từng tháp tùng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thăm Italia). Trong lời bạt của ***Nếu Đi Hết Biển***, ông đã thất vọng như thế nào về bản ngã của người Việt.
Mọi người đều biết, ở Mỹ từ lâu đã có một khái niệm "Nồi Hầm Nhừ" (Melting Pot). Nó rất có ý nghĩa với các cộng đồng nhập cư vào Mỹ. Về nghĩa bóng, tự điển tiếng Anh BBC (1993) định nghĩa Melting Pot như sau: "*Một nơi, một hoàn cảnh trong đó những con người những nền văn hóa và tư tưởng hòa trộn với nhau*." (Hồ sơ Văn Hoá Mỹ. trang 63. NXB Thế giới.) Ở Mỹ, sự hòa trộn đó không diễn ra như một quá trình xâm thực, đồng hóa, áp đặt mà dựa trên nền tảng ***chấp nhận sự khác biệt*** để cùng nhau xây dựng cuộc sống văn minh và thịnh vượng. Phải chăng đó là cốt lõi, là tinh hoa của "Nồi Hầm Nhừ". Vậy nó có tác động gì không đối với cộng đồng người Việt nam trong vấn đề mà chúng ta đang đề cập?
Theo nhiều nhà nghiên cứu xưa và nay, bản ngã con người Viêt là rất có vấn đề. Bởi vậy cụ Phan Chu Trinh mới chủ trương nâng cao dân trí là việc hàng đầu; rồi học giả Nguyễn Văn Vĩnh đã có mục "Xét Tật Mình" trên các trang báo của ông đầu thế kỷ 20, cũng là để nói vấn đề này. Vậy phải chăng cái gốc của vấn đề không chỉ là thể chế chính trị (đương nhiên thể chế chính trị là quan trọng, tối quan trọng) nhưng vấn đề cốt lõi là**bản ngã con người Việt**?

Có lẽ nên kể thêm rằng, thời kỳ đó cùng qua Mỹ tham gia chương trình của WJC có anh Huệ Chi, anh Hoàng Ngọc Hiến và nhiều trí thức ở các quốc gia khác nhau. Anh Huệ Chi, một trí thức có bản lĩnh, chưa bao giờ là đảng viên cộng sản, một người luôn đau đáu với những ngang trái của xã hội, lúc đó cũng bị la ó, chửi bới tồi tệ là tay sai cộng sản, là du kích văn hóa…Anh Huệ Chi chỉ mỉm cười và chăm chú vào việc học vi tính để đến ngày nay làm chủ một trang mạng được kính trọng vào bậc nhất VN: BauxiteVN. Tôi thì rất dốt về computer, may quá hồi đó cùng ở với đạo diễn Đỗ Minh Tuấn, anh là người đầu tiên chỉ dẫn cho tôi cách meo móc, chát chúa…Hồi đó, ở Mỹ, anh Hoàng Ngọc Hiến cũng bị chửi dữ lắm, nhưng anh cũng chỉ cười khì khì, suốt ngày cậu cậu, tớ tớ. Chúng tôi quý trọng anh lắm, thăm hỏi, gặp nhau luôn, ở nhà, ở câu lạc bộ, ở hội thảo văn học Việt Mỹ vừa rồi. Chứng kiến thời thế, tình cảnh dở khóc dở cười của người Việt mình ở trong nước cũng như ở ngoài nước, anh thường lắc đầu, hạ một câu mà ai cũng khoái: "*Ôi! Cái người Việt mình nó thế*."

5- «MÊ LỘ»

Thưa các anh,
Thư tới đây kể như đã dài dòng. Tuy nhiên sẽ không khách quan, không trung thực nếu lảng tránh hoặc quên đi một việc quan trọng mà có thể nhiều bạn đọc quan tâm. Đó là thái độ của cấp có thẩm quyền nhà nước Việt nam ra sao với cuốn Nếu Đi Hết Biển. Vui đáo để. Xin kể:
Sau khi tôi từ Mỹ về Hà Nội vài ngày, có một người bạn, xưa cùng đi chiến trường đến thăm tôi (anh viết văn, tôi làm phim). Anh rất OK với Nếu Đi Hết Biển và đặc biệt lưu ý xin tôi một cuốn để về chuyển cho một người, cũng là bạn thuở chiến tranh nhưng bây giờ làm thủ trưởng cơ quan Tư Tưởng Văn Hóa của Đảng. Tôi ngại quá, nói rằng đây không phải tác phẩm, tác giả gì cả mà chỉ là một điều tra xã hội học trực tiếp, chẳng hay ho gì đâu, đưa ông ấy đọc chẳng tiện tí nào. Anh bạn quyết xin và nói ông ấy đọc xong sẽ gặp tôi. Anh bạn cầm cuốn sách đi, rất chân thành. Tất nhiên tôi chẳng có thì giờ chờ đợi gặp gỡ ai cả. Nhưng, sau đó, vào đầu năm 2005,

chuyện chẳng lành đã tới: Một người thương tôi đã chuyển cho tôi một văn bản có tiêu đề: «Báo cáo tổng kết tình hình Tư tưởng Văn hóa năm 2004» có đóng dấu TỐI MẬT, do một người tên là Đào Duy Quát ký. Tất nhiên trong cái báo cáo «tối mật» mà tôi bất đắc dĩ phải đọc ấy có nhiều chuyện trời ơi đất hỡi mà tôi chẳng quan tâm. Nhưng đến cái mục phê phán gay gắt cuốn Nếu Đi Hết Biển thì tôi phải đọc. Tôi đã quen đọc những bài báo, những tổng kết, báo cáo phê phán tôi rồi, không những thế trong tay tôi còn lưu giữ khá nhiều những gì trong và ngoài nước viết về tôi. Chẳng lẽ lại chụp hình bản «báo cáo tối mật» đó và đính kèm cùng bức thư này, làm thế thì cầu kỳ, sang trọng quá.
Nhưng có lẽ ơn nhờ vào sự phê phán ấy, cùng với những lời đồn thổi của Thông Tấn Vỉa Hè, Nếu Đi Hết Biển được lén lút mang về Việt nam cũng không ít, nhiều người chuyền tay đọc bản photo của bản photo và thậm chí thuê, mượn ở các quán sách vỉa hè. Một số nhà xuất bản có nhã ý muốn in. Anh Nguyễn Đức Bình, giám đốc Nhà Xuất Bản Văn nghệ từ Sài gòn ra Hà nội, tới nhà tôi thương thảo việc in Nếu Đi Hết Biển. Tôi vui vẻ tiếp anh và rằng, tôi cám ơn sự quan tâm của anh và sẽ không lấy một xu bản quyền. Nhưng có một điều kiện duy nhất: Nhà Xuất Bản phải in nguyên xi 100%, đúng từng dấu chấm dấu phảy. Anh Bình bảo chữ nào nhạy cảm quá anh sẽ cho lược bỏ và chấm chấm. Tôi nói: Có lẽ không nên như thế, bởi vì làm như vậy, các bạn và những người đã đối thoại với tôi, giúp tôi làm cuốn sách này ở bên kia sẽ ăn đòn vì bị cho rằng: Mắc mưu cộng sản.
Quả là không đơn giản.

Thưa các anh,
Tổng quát lại, nhân đây tôi cũng muốn tâm sự một điều, người Việt nam ta không biết tự bao giờ, không biết vì lý do gì, bỏ ra không biết bao công sức, thời gian, tiền bạc và tính mạng để (nói theo kiểu dân gian)…Oánh nhau!
Thật khổ! Một dân tộc thiệt thòi đủ đường, khó khăn đủ đường; chung sức chung lòng, hết tình hết nghĩa với nhau còn chẳng ăn ai huống hồ chỉ ham «oánh nhau» thì làm sao mà khá lên được. Sức lực đâu còn, ca-lo đâu còn để mà xây dựng, để mà kiến thiết nữa. Phải chăng cái chuyện «Biểu Diễn Lập Trường», cái chuyện «Mê Lộ» (tôi ngẫm nghĩ nhiều lắm về cái từ «Mê Lộ» này của Nguyễn Mộng Giác) vẫn còn là vấn nạn của người Việt chúng ta dài dài. Các thể chế chính trị và cả giới trí thức chưa thực sự quan tâm đúng mức đến vấn nạn này. Rõ ràng là bên cạnh những cốt cách tốt đẹp, thì người Việt nam ta, đâu đó vẫn tiềm ẩn không ít những thói hư tật xấu rất tệ và rất hại.
Cuối cùng cho tôi được thành tâm bày tỏ tình thân ái và lòng biết ơn chân thành với các anh vì đã có dịp được sẻ chia những điều mà tôi cho là đáng lưu tâm này.

Tái bút:

À quên, các anh có nhắc tôi đồng ý hoặc tự đưa Nếu Đi Hết Biển lên mạng. Về phía tôi, không có gì trở ngại, nhưng tôi vốn là người được dạy dỗ kỹ nhất ngành điện ảnh Việt nam về «ý thức tổ chức kỷ luật» nên tôi đề nghị các anh: Thứ nhất, xin phép Ban Tư Tưởng Văn Hóa. Thứ hai, đọc rồi nếu thấy cuốn sách dở quá thì ráng chịu.

Tôi nghĩ tết nhất sắp đến rồi, mong có dịp được gặp gỡ các anh, làm một bữa rượu, hi hi, ha ha cho vui cuộc đời. Ở đời, c áigì quan trọng thì quan trọng rồi nhưng xét cho cùng thì chẳng có gì là quan trọng cả. C'est la vie!

Trong đống tro tàn
Phạm Phú Minh

Theo sự hiểu biết của tôi thì nhà văn, nhà đạo diễn điện ảnh Trần Văn Thủy là người đầu tiên sống trong xã hội Việt Nam đương thời đã đặt vấn đề Tử Tế bằng tác phẩm của mình. Cuốn phim tài liệu Chuyện Tử Tế của ông thực hiện năm 1985, được công bố ít năm sau đó, đã gây một chấn động trong lương tâm của con người, không những của người Việt Nam mà còn nhiều nơi trên thế giới.
Có chuyện gì vậy? Chuyện tử tế? Thì có gì lạ? Chẳng phải là từ khai thiên lập địa con người vẫn sống giữa cuộc tranh đấu giữa cái Thiện với cái Ác đó sao, một cuộc tranh đấu bất tận như tên của một cuốn phim Mỹ: *From Here To Eternity -Từ đây cho đến mãi mãi về sau*, được người Pháp chuyển dịch thành *Tant qu'il y aura des hommes – Cho đến khi nào còn con người*. Hai cái tên tiếng Anh và tiếng Pháp của cuốn phim nổi tiếng ấy đều cho thấy cuộc xung đột giữa cái tốt và cái xấu nó sẽ còn mãi mãi trong xã hội loài người, khiến người ta phải nghĩ một cách sâu xa hơn, là bản chất và mục tiêu đời sống của chúng ta chính là cố gắng đẩy lùi cái xấu để cái tốt được lên ngôi.

Nhưng nghĩ cũng lạ, cái trật tự tinh thần để phân biệt tốt xấu thì đã được con người xác định từ rất xa xưa, có lẽ ngay từ bản năng của sự sống: mạng sống là tốt, giết hại là xấu; thương yêu là tốt, thù hận là xấu; tự do thoải mái là tốt, gông cùm kiềm hãm là xấu; sáng kiến phát triển là tốt, hủ lậu trì trệ là xấu; no cơm ấm áo là tốt, đói rét là xấu… Những cặp tốt xấu như thế có thể kể ra vô tận, cho thấy thân phận của con người thật ra rất chênh vênh, nhưng kinh nghiệm sống và sự thăng hoa tinh thần của con người trong quá trình "thành người" của mình đã khẳng định phía nào nên theo, cái gì nên loại bỏ. Ý thức đó tạo nên ĐẠO LÝ chung cho cuộc sống của con người đông tây kim cổ.
Chuyện con người sống tử tế với con người và vạn vật chẳng qua cũng chỉ nằm trong Đạo Lý ấy mà thôi, nhưng sở dĩ có người như Trần Văn Thủy phải làm phim để đặt ra như một vấn nạn trước lương tâm con người, là vì cuộc sống trong cơ chế đang ngự trị trên đất nước Việt Nam xem ra thiếu vắng sự Tốt lành mà ngược lại, nghiêng về phía cái Ác. Đây không phải là chuyện tốt xấu trong một xã hội bình thường, mà là kết quả của một chế độ khác thường. Vì thế nguy cơ của cái Ác trở thành một khuynh hướng đè bẹp cái Thiện ngày càng rõ rệt, và đã trở thành một nguy cơ cho đất nước và dân tộc Việt Nam.

Phim Chuyện Tử Tế ra đời năm 1985, tính năm nay 2016 đã là 31 năm, vậy hành trình của nó và của tác giả làm nên nó, hiện đã tới đâu rồi? Câu chuyện nó vượt biên một cách bí mật để đến được Liên Hoan Phim Leipzig Đông Đức cuối năm 1988 có thể dựng thành một cuốn phim trinh thám nghẹt thở. Và sau khi nó chiếu và được nhiệt liệt hoan nghênh tại liên hoan này thì tới phiên tác giả của nó lập tức "vượt biên" sang Pháp ngay trong đêm đó, cũng nghẹt thở không kém. Khi đã đến Pháp, tác giả của nó mới biết Chuyện Tử Tế đã được giải thưởng Bồ Câu Bạc ở liên hoan phim Leipzig. Rồi nó được chiếu trong rạp hát và đài truyền hình Pháp. Rồi nhiều nước khác đã mua phim Chuyện Tử Tế…

Đạo diễn Trần Văn Thủy vào thời điểm tham dự liên hoan phim Chuyện Tử Tế đã đứng trước một đường ranh giới rất mong manh, hoặc nó đoạt được giải thì ông là người có công, được quay về Việt Nam an toàn, hoặc nó không gặt hái được gì cả thì ông bắt buộc phải chọn con đường lưu vong tại Tây Âu.

Nhưng sự tử tế đã mỉm cười với ông, và hôm nay đạo diễn Trần Văn Thủy, ở tuổi 76, và đã đúc kết mọi chuyện với cuốn sách Chuyện Nghề Của Thủy và cuốn Trong Đống Tro Tàn mà độc giả đang cầm trên tay. Hình ảnh "đống tro tàn" mà tác giả gợi ra nó như thế nào là tùy cách nhìn của người đọc, nhưng với tác giả, thì tôi đoán cái tên đó phần nào cũng là tổng kết cái hành trình mà ông đã đi suốt nửa thế kỷ qua, tròn 50 năm (1966-2016). Chưa hẳn nó có ý nghĩa tiêu cực như khi chúng ta đứng trước một căn nhà đã bị thiêu rụi, mọi thứ đã thành tro, mà chỉ là tổng kết thời gian gần cả đời người với nhiều nỗi truân chuyên gay cấn liên tục với một chủ đề gần như duy nhất: sự tử tế. Đống tro tàn chỉ là một cách nói, có thể là một ám chỉ rằng trong cái đám ngổn ngang đó vẫn còn sót lại một vài tàn lửa sẽ làm bùng lên ngọn lửa của cái Thiện.

Nhưng có một điều chắc chắn, trong đống mà tác giả gọi là tro tàn này chứa đựng một tấm lòng hừng hực nóng, qua các câu chuyện đời của tác giả. Có nhiều chuyện được kể lại, xem qua thì là những chuyện vui buồn, những kỷ niệm trong đời, nhưng tất cả hầu như chỉ một chủ đề, đó là sự thăng hoa tốt đẹp của bản chất con người, mà các tôn giáo lớn từ hàng ngàn năm trước đã nhìn ra và dẫn dắt nhân loại.

Đây có thể là tác phẩm văn học cuối cùng của ông, vì có cả lời trăng trối căn dặn mọi chuyện sau khi ông qua đời. Trong Mấy Lời Gửi Lại, xem như là Di Chúc của ông, sau những dặn dò cụ thể liên quan đến tang lễ và việc gia đình, gia tộc, ở phần cuối ông viết:

"Hình như trên đời này chẳng có mấy ai khi nhắm mắt xuôi tay lại không nuối tiếc việc nọ, việc kia. Phần tôi, tự xét mình là thường dân nhưng đã cố gắng trong mọi hoàn cảnh, mọi bổn phận. Sức của tôi có hạn, tôi chỉ thương xót cho bọn trẻ, con cháu tôi và con cháu chúng ta. Chúng thừa hưởng một gia tài quá bề bộn của tiền nhân để lại. Không dễ gì để chúng có được một cuộc sống hạnh phúc đúng nghĩa mà thế hệ chúng ta hằng mơ ước cho chúng.
Dẫu sao, tôi xin chân thành cầu chúc cho mọi người được sống trong niềm vui, trong an bình và sự thanh thản của một xã hội lương thiện, tử tế hơn".
Điều ông nuối tiếc là ở chỗ lớp con cháu sẽ không được sống hạnh phúc đúng nghĩa mà thế hệ ông hằng mong ước, nghĩa là sống trong một "xã hội lương thiện, tử tế hơn". Một chữ "hơn" đầy ý nghĩa, nói lên thực tại đáng buồn của xã hội Việt Nam trong hiện tại.

Chương 2, Cha Tôi, là một bài viết mà tôi cho quan trọng nhất trong tập sách này. Kể lại cuộc đời cha mình, ông đã ghi rõ "tưởng nhớ về Thầy – người Cha đẻ và là người Cha tinh thần của con" cho thấy cái nhìn đầy yêu mến và khâm phục của ông về thân phụ của mình, mà theo tôi, ông coi là một mẫu mực, một tấm gương cho suốt cuộc đời của ông.

Có một câu nói của thân phụ ông mà suốt đời ông không quên, đó là câu thân phụ ông thốt ra một cách bình tĩnh sau khi chứng kiến cảnh người bạn thân của mình (bác Phó Mâu) đã bị bắn chết trong cuộc đấu tố:

"Sau hôm về chợ Cồn để chôn cất bác Phó Mâu, Thầy tôi lên gác nằm. Một lát sau ông cho gọi tôi và Lai, người em sát tôi lên. Hai chúng tôi ngồi chờ bố bảo gì. Ông vẫn nằm vắt tay lên trán, im lặng. Không hiểu sao những lúc Thầy tôi im lặng như thế tôi rất sợ, tôi lên tiếng rất khẽ:
– Thầy bảo gì chúng con ạ?
Một lát sau ông mới thủng thẳng nói một câu rất ngắn: – Hỏng – hẳn – rồi – các – con ạ!
Tôi không hiểu. Lúc đó tôi hoàn toàn không hiểu. Tôi hỏi lại:
– Thầy bảo gì cơ ạ?
– Thầy và bác Phó Mâu đã giúp Việt Minh quá nhiều, bây giờ bác chết oan, Thầy không còn tin vào cái gì nữa!

Trong cuộc đời, tôi rất nhớ những điều Thầy tôi đã nói với tôi. Đây không phải là lúc kể ra tất cả, nhưng cái câu đau đớn, bất đắc chí: " Hỏng – hẳn – rồi – các – con ạ"! Thì chắc chắn xuống mồ tôi cũng không thể nào quên được".
Kể ra một người trong tuổi thiếu niên mà được nhận lãnh một câu nói như thế từ cha của mình trong một hoàn cảnh đặc biệt của đất nước thì cũng khó mà quên được. "Hỏng-hẳn-rồi-các-con-ạ" là một khẳng định khái quát cả một sự sụp đổ toàn diện trong tâm hồn người cha, truyền lại cho các con mình nhận thức về tương lai của cái chế độ mà họ đang sống trong đó với biết bao kỳ vọng chế độ đó sẽ mở ra một thời kỳ tốt đẹp cho đất nước. "Hỏng hẳn rồi" đã ghi một dấu ấn quan trọng nhất trong lòng tác giả khi mới lớn, để suốt đời ông luôn để tâm nhìn thấy nó hỏng ở chỗ nào, và định hướng các hành vi của ông để lên tiếng cảnh báo cho mọi người về cái nguy cơ vô cùng thảm khốc cho cả một dân tộc.

Trong cuốn sách mà có vẻ tác giả cho là cuối cùng này của mình, chúng tôi nghĩ chương Cha Tôi là nơi Trần Văn Thủy khẳng định điều tâm huyết nhất trong đời mình, đó là nét Đạo Lý mà cha ông đã truyền cho ông. Đạo Lý ấy cha ông đã tiếp nhận từ truyền thống của dân tộc Việt Nam, nó cũng không khác với Đạo Lý chung của nhân loại đã có từ ngàn đời.

Trần Văn Thủy thì quan tâm và suy nghĩ rất nhiều về vấn đề nền tảng ấy trong các chương khác trong cuốn sách này. Ông vốn là người làm phim tài liệu, luôn luôn ghi nhận và viết xuống những đề tài mà ông cho là đáng làm phim trong suốt cuộc đời nghề nghiệp của ông, nhưng tiếc thay không mấy dự định của ông đã được thực hiện. Chương "Những kịch bản không thành phim" ông ghi lại nội dung những đứa con điện ảnh không bao giờ được ra đời ấy, với những nhận xét có khi nhiều phẫn nộ.

Ví dụ từ năm 1980 ông đã có một kịch bản về Trịnh Công Sơn:

"Một kịch bản khác tôi tâm đắc vô cùng đó là khi tôi viết về Trịnh Công Sơn năm 1980. Có lẽ khi ấy vừa ở Nga về, vừa làm xong bộ phim "Phản bội" nổi tiếng (1979 – 1980), đang "hăng tiết vịt", tôi đã viết về Trịnh Công Sơn. Tôi kể những ngày tháng nằm hầm ở chiến trường miền Nam (1966 – 1969), mở trộm đài Sài Gòn, nghe nhạc Trịnh mà nổi da gà. Những Đại bác đêm đêm vọng về thành phố/Người phu quét đường dừng chổi đứng nghe*/Những* Người con gái Việt Nam da vàng*… Con người miền Nam, hơi thở miền Nam, nhạc Trịnh ám ảnh tôi. Sao lại yêu thương đến thế! Sao lại da diết lay động đến thế! Vấn đề tôi đặt ra trong kịch bản đó không chỉ là những giai điệu, những ca từ hút hồn của nhạc Trịnh mà tôi tự vấn: Mảnh đất nào, văn hóa nào, phẩm hạnh nào đã nuôi dưỡng một tâm hồn trong sáng và chân thiện đến thế, đã sản sinh ra con người chân tình đến thế? Nếu như Karl Marx nói: "Con người là sản phẩm của tổng hòa mọi quan hệ xã hội" thì cái xã hội miền Nam đầy rẫy những "Tội ác và tàn dư của Mỹ Ngụy" ấy tại sao lại sản sinh ra Trịnh Công Sơn?"*

Ba mươi năm sau khi làm phim Chuyện Tử Tế để kêu gọi lòng tử tế trong xã hội mình đang sống, đạo diễn Trần Văn Thủy cay đắng nhận ra mình vẫn sống trong xã hội ấy, nhưng:

"Ngày nay trong một chế độ nhân danh sự ưu việt, người ta lại thấy bao điều xót xa trong quan hệ giữa người với người. Tham nhũng, bè phái, cửa quyền. Đạo đức xuống cấp một cách khủng khiếp." …
"Ai cũng biết rằng tòa án và pháp luật chỉ làm công việc giải quyết hậu quả của hành động. Còn muốn ngăn chặn cái mầm gây ra tội ác, làm nó triệt tiêu khi còn trong trứng, triệt tiêu ngay trong ý nghĩ của con người, thì không gì bằng tôn giáo" (…) "tôn giáo nói chung, cái đạo chân chính nào cũng khuyên con người nghĩ thiện, làm thiện, tránh xa tội lỗi, xa điều độc ác. Và như vậy nó góp phần tích cực vào việc giữ gìn đạo đức, trật tự an ninh xã hội, làm cho đất nước lành mạnh".
Mỗi một chương của cuốn sách này là một câu chuyện hay, có thể nói là hấp dẫn, nhưng luôn luôn ẩn nỗi cảm động, thấm thía và rất lôi cuốn người đọc. Tác giả quan sát rất tinh tế về các nhân vật mình quen biết, các sự kiện vui buồn xảy ra với mình, nhưng khi kể ra thì chuyện nào cũng đáng là một bài học cho người đọc, bài học về nhân cách, về thái độ sống ở đời với một chủ đề bất biến là tích cực nhấn mạnh về sự tử tế, lòng nhân ái.

Tác giả có sự quan hệ rất rộng rãi, đề tài viết có thể là về giới làm phim Nhật Bản, hoặc những người Mỹ hoạt động văn hóa và nhân đạo; về việc thực hiện một cuốn phim tài liệu về nhà thờ Phát Diệm với kiến trúc tôn giáo độc đáo; về một người thầy thuốc hiếm có về bệnh phong cùi, Bác sĩ Trần Hữu Ngoạn, mà khi đọc xong câu chuyện của ông, độc giả chỉ có thể thốt lên: đó là một bậc Thánh, hoặc là một Bồ Tát; về nhạc sĩ Phạm Duy là người ông rất hâm mộ từ thời còn rất trẻ…

Với con mắt quan sát tinh nhạy của một đạo diễn phim tài liệu cộng với một tấm lòng đề cao cái Thiện và chống lại cái Ác, và cộng thêm nữa sự sắc sảo tinh quái của một người sống trong sự kềm cặp mà lúc nào cũng khao khát xé rào để rao giảng những điều chẳng phù hợp chút nào với đường lối của xã hội đương thời, Trần Văn Thủy rất xứng đáng với câu nhận xét sau đây của Larry Berman, một nhà văn Mỹ:

"… on a war that ravaged so many, yet left us with survivors like Tran Van Thuy, war photographer, filmmaker and ultimately philosopher."
"… về một cuộc chiến đã hủy hoại biết bao sinh mạng, nhưng đã để lại cho chúng ta những người sống sót như Trần Văn Thủy, một nhà quay phim thời chiến, một đạo diễn điện ảnh, và cuối cùng là một triết gia." [Trích từ lời Tựa trong bản dịch sang Anh ngữ cuốn tự truyện Trong Mắt Ai (In Whose Eyes) của Trần Văn Thủy]
Nhìn cuộc sống ở một xã hội mà ông phải sống và rút ra từ đấy những nhận xét, những phán đoán, thẩm định nhằm phá vỡ hàng rào dây thép gai ý thức hệ quái đản trong thời đại của chúng ta, thì ngoài vai trò nghề nghiệp, đúng Trần Văn Thủy còn là một triết gia, một triết gia dấn thân với những tác phẩm văn học nghệ thuật rất can đảm và hết sức sâu sắc của ông.

Chẳng hạn, nếu chúng ta được xem phim Chuyện Tử Tế, hoặc ít ra được xem kịch bản của phim do chính đạo diễn viết, chúng ta sẽ thấy lời bình trong phim quan hệ tới mức độ nào. Không có lời bình thì chỉ là một phim câm, cái đó đã hẳn, nhưng điều quan trọng, đó là lời bình do Trần Văn Thủy viết. Lời ấy là linh hồn của phim. Đó là những lời gãy gọn dễ hiểu nhưng mang khả năng khái quát rất cao – xem/nghe tới đâu thấm thía tới đó, và đặc biệt là nó có khả

năng dẫn dắt người xem hiểu ra ngoài, vượt lên trên những gì đang xem. Như thế, lời bình đã chứa đựng triết lý của sự việc, sự vật, nâng chúng lên một tầng phổ quát.

Rất nhanh, thế giới đã bắt được các tín hiệu nhân bản mà TrầnVăn Thủy đã gửi gắm trong phim Chuyện Tử Tế. Vào cuối những năm 80 có tới hơn 10 đài Truyền hình lớn trên thế giới mua bản quyền Chuyện Tử Tế, và đạo diễn Mỹ John Gianvito đã đề cử ChuyệnTử Tế là một trong mười bộ phim Tài liệu hay nhất thế giới của mọi thời đại. Những chuyện như thế chưa từng xảy ra với Điện ảnh Việt Nam.

Cách đây hơn mười năm Trần Văn Thủy đã xuất bản cuốn sách có nhan đề Nếu Đi Hết Biển, nêu lên một thắc mắc vừa cụ thể vừa siêu hình: nếu đi hết biển thì sẽ tới đâu? Thoạt đầu với khái niệm trái đất tròn, tác giả cho rằng *"nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình"*. Nhưng nhiều năm sau, khi tác giả đã đi đến đất Mỹ thì mới thấy rằng người Việt xa xứ *"qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi"* mà cuối cùng không thể *"trở về quê mình, làng mình"* được.
Cuốn sách mới nhất Trong Đống Tro Tàn này cho chúng ta cảm tưởng tác giả không còn điều thắc mắc ấy nữa. Con đường địa lý của quả địa cầu dù trên mặt đất hay mặt biển thì rất rõ ràng, đi mãi thì có thể trở về nơi mình xuất phát. Nhưng con đường của lòng người, với bao nhiêu thứ hệ lụy của cuộc sống thì không thể vạch một lộ trình đơn giản nào. Tâm trạng và mục tiêu của người Việt Nam khi dong thuyền ra khơi để làm một chuyến vượt biên không lãng mạn tự hỏi đi hết biển thì sẽ đến đâu, mà là nhắm tới một bến bờ cụ thể nào đó mình có thể sống được một đời sống tự do, xứng đáng là của một con người. Nhưng một khi cuộc sống đã ổn định trên miền đất mới, thì chắc chắn con đường quay về quê cũ trong lòng họ vẫn còn, dưới rất nhiều dạng: chính trị, kinh tế, tình cảm… hoặc lắm khi chỉ là một giấc mơ về một đất nước tốt đẹp hơn, đáng sống hơn.

Nhưng đâu phải chỉ có con đường cụ thể với hai hướng đi và về nó ràng buộc chúng ta. Trong lòng bất cứ ai cũng có thể mở ra vô số con đường sẽ dẫn đến vô số nơi mà chính trong tác phẩm Trong Đống Tro Tàn tác giả luôn luôn đề cập tới: con đường của lòng tử tế, của sự nhân ái. Con đường tình người rộng rãi thênh thang…

Nhạc sĩ Phạm Duy khi viết câu kết cho trường ca Con Đường Cái Quan của ông, đã mô tả cảm nhận của người Việt Nam khi đã hoàn tất cuộc Nam Tiến của mình tại Mũi Cà Mau:

Đường đi đã tới! Lòng dân đã nối!
Người tạm dừng bước chân vui! Người ơi!
Người mơ ước tới: đường tan ranh giới
Để người được mãi
Đi trong một duyên tình dài.
Con đường thế giới xa xôi,
Trong lòng dân chúng nơi nơi.
Phải chăng khi viết những câu này vào năm 1960, Phạm Duy đã có tiên cảm về "con đường thế giới xa xôi" mà người Việt Nam sẽ dấn bước vào, và sau này đã gây thắc mắc về một bờ bến nơi Trần Văn Thủy? Nhưng Phạm Duy cũng thấy ra niềm vui trong "một duyên tình dài", phải chăng đó là tình của nhân loại, của sự Tử Tế, của lòng Nhân Ái mà Trần Văn Thủy thao thức và vận động suốt đời ông để mong cho nó thắng cái xấu và cái ác?

Nam California ngày 01 tháng Mười Một, 2016.
Nguồn: Diễn Đàn Thế Kỷ